

VCCI



Australian
Aid 

BÁO CÁO

KIÊN CƯỜNG VƯỢT SÓNG

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CÁC DOANH NGHIỆP
DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

Dưới tác động của đại dịch COVID-19



Nhà xuất bản Công Thương

Nhóm nghiên cứu:

Đậu Anh Tuấn

Phan Minh Thủy

Phạm Ngọc Thạch

Trương Đức Trọng



BÁO CÁO

KIÊN CƯỜNG VƯỢT SÓNG KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CÁC DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

Dưới tác động của đại dịch COVID-19

Tháng 11 năm 2022

Danh mục từ viết tắt

- **APCI (Report of Administrative Procedures Compliance Cost Index):** Báo cáo Chỉ số đánh giá Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính
- **Aus4Reform:** Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam
- **CEDAW (The Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination against Women):** Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ của Liên Hợp Quốc
- **COVID-19:** Dịch viêm đường hô hấp cấp do SARS-CoV-2 gây ra
- **CPTPP (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership):** Hiệp định Đối tác và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương
- **DFAT (Australian Government Department of Foreign Affairs and Trade):** Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia
- **Doing Business:** Báo cáo môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới
- **DNNN:** Doanh nghiệp nhà nước
- **DNNVV:** Doanh nghiệp nhỏ và vừa
- **EVFTA (European Union–Vietnam Free Trade Agreement):** Hiệp định thương mại tự do Việt Nam–Liên minh Châu Âu
- **Doanh nghiệp FDI:** Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
- **FTA (Free Trade Agreement):** Hiệp định thương mại tự do
- **IFC (International Finance Corporation):** Công ty Tài chính Quốc tế
- **ILO (International Labour Organization):** Tổ chức Lao động thế giới
- **IMF (International Monetary Fund):** Quỹ Tiền tệ Quốc tế
- **MIWE (Mastercard Index of Women Entrepreneurs):** Chỉ số nữ doanh nhân của Mastercard
- **PCI (Provincial Competitiveness Index):** Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
- **TNDN:** Thu nhập doanh nghiệp
- **TTHC:** Thủ tục hành chính
- **UBND:** Ủy ban nhân dân
- **UKVFTA:** Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh
- **UN (United Nations):** Liên Hợp Quốc
- **UNWomen:** Phụ nữ Liên Hợp Quốc
- **USAID (US Agency for International Development):** Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
- **VAT:** Giá trị gia tăng
- **VBQPPL:** Văn bản quy phạm pháp luật
- **VCCI:** Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
- **WB (World Bank):** Ngân hàng Thế giới
- **WEF (The World Economic Forum):** Diễn đàn Kinh tế Thế giới



Lời mở đầu

Đại dịch COVID-19 diễn ra từ đầu năm 2020 càn quét khốc liệt, ảnh hưởng sâu sắc tới đời sống con người trên phạm vi toàn cầu, gây ra rất nhiều tác động tiêu cực lên nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới, Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch này. Sang năm 2021, hoạt động kinh tế đã bị suy giảm mạnh chủ yếu do các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, lực lượng lao động thiếu hụt do nghỉ việc, chuỗi cung ứng nguyên vật liệu bị gián đoạn, lưu thông, vận chuyển hàng hóa giữa các tỉnh, thành phố bị hạn chế, nhiều doanh nghiệp bị phá sản, giải thể do kiệt quệ, không đủ lực để chống chịu dịch bệnh kéo dài. Một số doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh hoặc kinh doanh cầm chừng, trì hoãn việc sản xuất do không hiệu quả, thua lỗ trong điều kiện rất khó khăn.

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong hai năm 2020 và 2021 chỉ đạt tương ứng 2,91% và 2,58%¹, mức thấp nhất kể từ khi đổi mới đến nay. Tuy nhiên, nếu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, việc duy trì tốc độ tăng trưởng dương là một thành công lớn của Việt Nam trong bối cảnh suy giảm kinh tế toàn cầu do ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch COVID-19.

Trước tình hình chung đó, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cũng phải gánh chịu rất nhiều tác động và tổn thất từ đại dịch COVID-19. Trên toàn cầu, các nữ doanh nhân điều hành nhiều doanh nghiệp nhỏ nhất, dễ bị tổn thương nhất, trong những ngành bị ảnh hưởng nhiều nhất do bị đóng cửa bởi đại dịch. Phụ nữ còn gặp phải nhiều khó khăn hơn do yêu cầu xuất phát từ gia đình tăng lên, như việc chăm sóc trẻ em, người già, do trường học bị gián đoạn, các cơ sở y tế ưu tiên chống dịch...

Trong bối cảnh thế giới vẫn còn một chặng đường dài để đạt được bình đẳng giới thực sự, khoảng cách tiến tới bình đẳng trong lĩnh vực kinh tế còn rất xa, thì COVID-19 dường như đã đào sâu thêm khoảng cách đó. *"25 năm kể từ khi Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh được thông qua, tiến trình hướng tới quyền bình đẳng và quyền bình đẳng cho phụ nữ vẫn còn khó nắm bắt. Không có quốc gia nào đạt được bình đẳng giới và cuộc khủng hoảng COVID-19 có nguy cơ làm xói mòn những thành tựu khiêm tốn đã đạt được. Thập kỷ Hành động nhằm thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững và nỗ lực phục hồi tốt hơn sau đại dịch mang lại cơ hội thay đổi cuộc sống của phụ nữ và trẻ em gái, hôm nay và ngày mai"* - Tổng thư ký Liên hợp quốc António Guterres đưa ra nhận định tổng quan trong Báo cáo của Liên hợp Quốc "The World's Women: Trends and Statistics" 2020.²

Thúc đẩy nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ cũng là một trong những mục tiêu quan trọng của Chương trình "Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam" (Aus4Reform) do Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia (DFAT) tài trợ. Trong khuôn khổ Chương trình Aus4Reform, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện Báo cáo "**Kiên cường vượt sóng: Kết quả điều tra các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ dưới tác động của đại dịch COVID-19**" cũng nhằm hướng tới mục tiêu nói trên.

1 Tổng cục Thống kê: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2021, ngày 29/12/2021
<https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2021/>

2 <https://www.un.org/en/desa/world%E2%80%99s-women-2020>

Báo cáo này cố gắng phân tích số liệu từ cuộc điều tra doanh nghiệp lớp nhất Việt Nam do VCCI thực hiện trong năm 2020 và 2021 để nhận diện tác động của đại dịch COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam, tìm hiểu đánh giá của các doanh nghiệp đối với một số chính sách hỗ trợ của Nhà nước ở cấp trung ương và địa phương, từ đó có một số kiến nghị để thúc đẩy các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phục hồi và phát huy khả năng, sức mạnh của mình.

Nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ, nâng cao vị thế lãnh đạo cho nữ giới, thúc đẩy sự tham gia tích cực của phụ nữ trong kinh tế chính là động lực cho phát triển bền vững và bao trùm. Trao quyền cho phụ nữ trong nền kinh tế và xóa bỏ khoảng cách giới trong thế giới việc làm là yếu tố cốt lõi để đạt được thành công của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp Quốc³, cũng là để hiện thực hóa các mục tiêu đặt ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030 của Việt Nam.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các doanh nghiệp, doanh nhân đã dành thời gian để cung cấp thông tin cho chúng tôi. Trân trọng cảm ơn bà Ngô Thị Thu Hà – Giám đốc Trung tâm Thúc đẩy giáo dục và nâng cao năng lực phụ nữ (CEPEW), bà Phạm Thu Hiền – chuyên gia về giới và các chuyên gia đã có những góp ý, bình luận quý báu cho bản báo cáo này.

Những nhận định và kiến nghị trong báo cáo là quan điểm của nhóm chuyên gia thực hiện báo cáo này. Kết quả này không nhất thiết phản ánh quan điểm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Chương trình Aus4Reform hay Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương.

3 The Sustainable Development Agenda <https://www.un.org/sustainabledevelopment/development-agenda/>



Mục lục

Lời mở đầu	3
TÓM TẮT	8
GIỚI THIỆU CHUNG	18
BỨC TRANH VỀ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ TẠI VIỆT NAM	30
MÔI TRƯỜNG KINH DOANH DƯỚI GÓC NHÌN CỦA DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ	46
COVID-19 VÀ CÁC DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ	64
CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ	94
KHUYẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN	104
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	114

Danh mục Hình

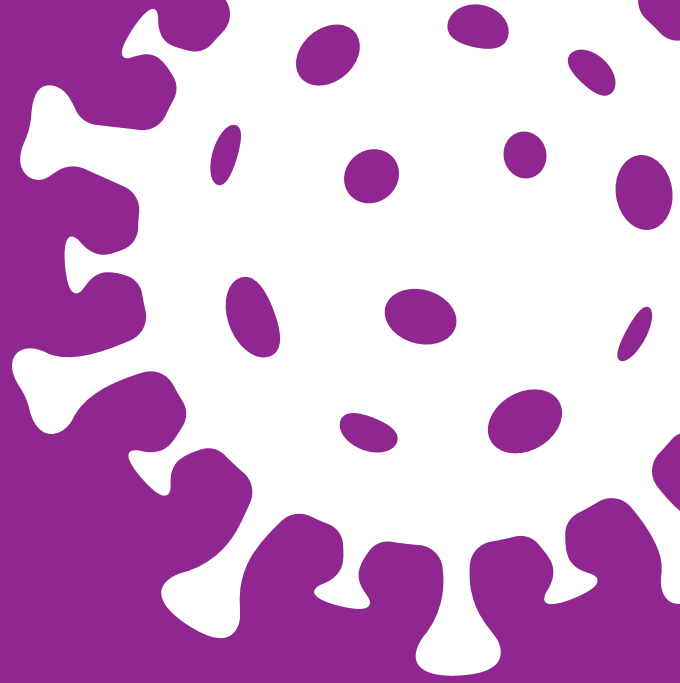
Hình 1	Tỷ lệ doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp trong điều tra PCI 2011-2021	32
Hình 2	Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở các địa phương	35
Hình 3	Đặc điểm của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đã phản hồi khảo sát	37
Hình 4	Đặc điểm của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp	38
Hình 5	Quy mô lao động theo giới của chủ doanh nghiệp trong PCI 2021	39
Hình 6	Quy mô doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp trong PCI 2021	40
Hình 7	Các nhóm khách hàng của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	41
Hình 8	Doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp đang gặp phải những khó khăn gì	43
Hình 9	Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp qua các năm điều tra PCI	45
Hình 10	Đánh giá tổng quan môi trường kinh doanh từ doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp	49
Hình 11	Chuyển biến trong các lĩnh vực điều hành kinh tế tại các địa phương (so sánh giữa PCI 2020 và 2021)	50
Hình 12	Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ minh bạch của môi trường kinh doanh	52
Hình 13	Điểm số Gia nhập thị trường theo giới của chủ doanh nghiệp	54
Hình 14	Đánh giá về Tiếp cận đất đai theo giới của chủ doanh nghiệp	56
Hình 15	Khó khăn của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong thực hiện TTHC đất đai	57
Hình 16	Khó khăn của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong mở rộng mặt bằng kinh doanh	58
Hình 17	Đánh giá về Đào tạo lao động theo giới của chủ doanh nghiệp	60
Hình 18	TTHC trong một số lĩnh vực có nhiều phiền hà đối với doanh nghiệp	63
Hình 19	Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp theo đặc điểm giới của chủ doanh nghiệp	67
Hình 20	Ảnh hưởng của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ: so sánh kết quả khảo sát năm 2020 và 2021	68
Hình 21	Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo quy mô lao động của doanh nghiệp	69
Hình 22	Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo quy mô vốn của doanh nghiệp	70
Hình 23	Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở các ngành nghề	71
Hình 24	Những khía cạnh cụ thể bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 tại các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	73
Hình 25	Tác động của COVID-19 tới doanh thu năm 2020 so với năm 2019 của các doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp	74
Hình 26	Tác động của COVID-19 tới doanh thu của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo các lĩnh vực hoạt động	75
Hình 27	Ước tính doanh thu dự kiến của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ năm 2021 so với năm 2020 do ảnh hưởng của COVID-19	76

Hình 28	Tỷ lệ doanh nghiệp phải cho người lao động thôi việc trong năm 2021 theo giới của chủ doanh nghiệp	77
Hình 29	Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phải cho người lao động thôi việc do ảnh hưởng của COVID-19	78
Hình 30	Kế hoạch kinh doanh trong 2 năm tới của doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp	79
Hình 31	Các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động trước dịch bệnh tại doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	82
Hình 32	Các biện pháp mà doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thực hiện nhằm duy trì hoạt động liên tục	83
Hình 33	Sự chuẩn bị ứng phó của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ với việc bùng phát dịch bệnh COVID-19	84
Hình 34	Đánh giá của doanh nghiệp về cách Chính phủ ứng phó với đợt bùng phát COVID-19 thời gian qua	85
Hình 35	Đánh giá của doanh nghiệp về cách chính quyền tỉnh, thành phố ứng phó với đợt bùng phát COVID-19 trong năm qua	86
Hình 36	Đánh giá của doanh nghiệp về một số hoạt động ứng phó đại dịch	87
Hình 37	Đánh giá của doanh nghiệp về các biện pháp hạn chế nhằm ứng phó với dịch bệnh theo giới của chủ doanh nghiệp	88
Hình 38	Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ dễ tiếp cận các chính sách hỗ trợ với doanh nghiệp năm 2020	92
Hình 39	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết đã được hưởng hỗ trợ từ Luật Hỗ trợ DNNVV	102

Danh mục Bảng

Bảng 1	Số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở các loại hình doanh nghiệp tính đến hết tháng 9 năm 2022	33
Bảng 2	Phân bố doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong các ngành kinh tế	34
Bảng 3	Số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thành lập mới và giải thể năm 2021 và 9 tháng đầu năm 2022	80





TÓM TẮT

Những phát hiện chính	11
Khuyến nghị	15

Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có đóng góp đáng kể vào nền kinh tế, tuy nhiên họ đang gặp phải rất nhiều khó khăn. Đó là những khó khăn từ môi trường kinh doanh, từ áp lực phải cân bằng giữa công việc và cuộc sống gia đình, từ quan niệm sai lầm về vai trò của phụ nữ. Xã hội vẫn còn nhiều định kiến như: năng lực “tự nhiên” của người phụ nữ là dành cho công việc chăm sóc chứ không phải trong quản lý và kinh doanh, phụ nữ nên đảm nhận vị trí phụ trợ (“vị trí thứ hai”) thay vì đảm nhận vai trò lãnh đạo cấp cao nhất, phụ nữ không thể tập trung vì họ tập trung chủ yếu vào chăm sóc con cái và gia đình, phụ nữ ngại rủi ro và không có kỹ năng như nam giới để đưa ra những quyết định táo bạo...

Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có đóng góp đáng kể vào nền kinh tế, tuy nhiên họ đang gặp phải rất nhiều khó khăn. Đó là những khó khăn từ môi trường kinh doanh, từ áp lực phải cân bằng giữa công việc và cuộc sống gia đình, từ định kiến xã hội và quan niệm sai lầm về vai trò của phụ nữ, định kiến về khả năng kinh doanh của phụ nữ và cả những phân biệt đối xử trong kinh doanh.

Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam dù có một số cải thiện trong giai đoạn 2011-2018 nhưng lại giảm trong các năm từ 2019 đến 2021, và chưa đạt được mục tiêu đề ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020. Quy mô doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tập trung ở mức nhỏ, siêu nhỏ và với quy mô trung bình thấp hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ.

Với mong muốn góp phần thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển, Báo cáo này nhằm tìm hiểu các đặc điểm chung của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam, nhận diện tác động của đại dịch COVID-19 và việc ứng phó của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, dựa trên một số chỉ số cụ thể.

Báo cáo đưa ra các giải pháp để doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phục hồi và phát triển, phát huy được khả năng, sức mạnh của mình.



Những phát hiện chính

BỨC TRANH CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

Số liệu thống kê chính thức⁴:

- 263.444 là số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong tổng số 883.000 doanh nghiệp đang hoạt động trên toàn quốc tính đến hết tháng 9 năm 2022
- Loại hình phổ biến nhất là Công ty TNHH một thành viên (135.331 doanh nghiệp), ít nhất là Công ty hợp danh (12 doanh nghiệp)

Số liệu từ điều tra doanh nghiệp PCI 2021:

- Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong điều tra PCI 2021 là 22,2%
- Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại/dịch vụ. Chủ yếu xuất phát từ hộ kinh doanh
- Quy mô doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tập trung ở mức nhỏ, siêu nhỏ (chiếm 90,7% trong tổng số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ) và với quy mô trung bình thấp hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ. Có đến 61,3% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ xuất phát từ hộ kinh doanh cá thể
- Khách hàng chính là cá nhân trong nước và doanh nghiệp tư nhân trong nước

⁴ Số liệu được cung cấp bởi Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

BỐN KHÓ KHĂN LỚN NHẤT MÀ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ ĐANG PHẢI ĐỐI MẶT

- Tìm kiếm khách hàng: 64,3% doanh nghiệp đang gặp phải
- Tiếp cận vốn tín dụng: 34,1% doanh nghiệp đang gặp phải
- Biến động thị trường: 33,7% doanh nghiệp đang gặp phải
- Tìm kiếm nhân sự phù hợp: 27% doanh nghiệp đang gặp phải

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH Ở ĐỊA PHƯƠNG

- Môi trường kinh doanh theo cảm nhận của các doanh nghiệp đối do phụ nữ làm chủ có sự cải thiện trong hai năm qua, nhưng tốc độ cải thiện thấp hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ
- Các lĩnh vực của môi trường kinh doanh chưa thực sự thuận lợi cho các doanh nghiệp do nữ làm chủ là: tiếp cận đất đai, tính minh bạch, gia nhập thị trường và đào tạo lao động
- 3 lĩnh vực có TTHC phiền hà nhất: thuế, phí; đất đai, giải phóng mặt bằng; bảo hiểm xã hội

TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19

- Đại dịch COVID-19 tác động tiêu cực tới phần lớn doanh nghiệp
- Năm 2020, 87% trong số các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ bị ảnh hưởng tiêu cực, chỉ có 2,7% cho rằng có tác động tích cực. Năm 2021, tỷ lệ bị tác động tiêu cực tăng lên. Hầu hết (93,9%) các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trả lời là bị ảnh hưởng tiêu cực, chỉ 4,9% không bị ảnh hưởng và một tỷ lệ rất nhỏ, 1,2% cho rằng có tác động tích cực
- Doanh thu sụt giảm trong hai năm COVID-19: Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có bị giảm doanh thu năm 2020 so với 2019 cao hơn tỷ lệ doanh nghiệp do nam giới làm chủ bị giảm doanh thu (tương ứng là 67,2% và 65%). Mức giảm doanh thu của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cũng cao hơn (37,3% so với 35,9%). Hơn 2/3 (69,3%) các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trả lời ước tính doanh thu năm 2021 giảm so với năm 2020, chỉ một tỷ lệ rất nhỏ (6%) là có doanh thu tăng
- Các khía cạnh bị ảnh hưởng tiêu cực: Tìm kiếm nguồn vốn, tiếp cận khách hàng, chuỗi cung ứng, vấn đề nhân công/người lao động của doanh nghiệp
- Một tỷ lệ rất lớn (xấp xỉ 90%) các doanh nghiệp phải cho người lao động nghỉ việc, tuy nhiên, tỷ lệ này ở các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thấp hơn doanh nghiệp do nam giới làm chủ, tương ứng là 89,6% so với 91,1%, nữ chủ doanh nghiệp đã rất nỗ lực trong việc giữ chân người lao động. Tỷ lệ các doanh nghiệp quy mô nhỏ, siêu nhỏ phải thực hiện biện pháp này cao nhất, lần lượt ở mức 95% và 88%

ỨNG PHÓ VÀ TIẾP CẬN VỚI CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

- Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đã áp dụng nhiều biện pháp ứng phó: các biện pháp bảo đảm an toàn cho người lao động, biện pháp cơ bản để duy trì hoạt động liên tục, biện pháp chuẩn bị ứng phó với bùng phát dịch; biện pháp liên quan đến tăng cường công nghệ thông tin, tự động hóa ít được áp dụng hơn
- Ở tất cả các biện pháp đã triển khai, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có tỷ lệ đã hoàn thành cao hơn doanh nghiệp do nam giới làm chủ
- Nhìn nhận tích cực và đồng tình ở mức cao hơn so với doanh nghiệp do nam giới làm chủ đối với một số hoạt động ứng phó cụ thể của chính quyền địa phương
- Các chính sách tài khóa và tiền tệ hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với đại dịch COVID-19 đều trung tính về giới
- Về tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước: gia hạn đóng thuế TNDN, gia hạn đóng thuế VAT có tỷ lệ doanh nghiệp cho biết là dễ tiếp cận hơn cả. Việc vay lãi suất 0% trả lương cho người lao động là khó tiếp cận nhất

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ TRONG NĂM 2020, 2021

- Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ âm đạm hơn, tỷ lệ doanh nghiệp có lãi giảm, tỷ lệ doanh nghiệp bị thua lỗ tăng
- Năm 2020, chỉ 53,2% doanh nghiệp kinh doanh có lãi, tỷ lệ bị thua lỗ là 32,1%. Năm 2021, con số này tương ứng là 42,7% và tỷ lệ thua lỗ tăng mạnh lên mức 39,2%
- Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có kết quả kinh doanh trong năm 2020 và 2021 kém hơn các năm trước đó và kém hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ

TRIỂN VỌNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

- Mức độ lạc quan sụt giảm mạnh nhất trong 10 năm điều tra PCI gần đây
- Trong hai năm tới 16,3% doanh nghiệp có kế hoạch giảm quy mô kinh doanh hoặc đóng cửa, tỷ lệ cao nhất trong 10 năm trở lại đây
- Khoảng hơn một nửa (52,5%) muốn giữ nguyên, cố gắng duy trì kinh doanh với quy mô hiện tại

CHÍNH SÁCH VÀ VIỆC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở ĐỊA PHƯƠNG CÒN BẤT CẬP

- Luật Hỗ trợ DNNVV (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018) quy định nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ
- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật có vướng mắc, có một số chính sách chưa đủ cụ thể để các địa phương có thể triển khai thực hiện được, đã được thay thế bởi Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, đã có chính sách riêng hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ làm chủ
- Quy định về hỗ trợ doanh nghiệp còn được quy định ở một số văn bản khác nên có sự chồng chéo, lúng túng khi áp dụng
- Mức độ hiểu biết về Luật Hỗ trợ DNVV rất khiêm tốn

THiếu số LIỆU THỐNG KÊ PHÂN TÁCH GIỚI:

Thiếu cơ sở để đưa ra các chính sách phù hợp trên cơ sở bằng chứng.



Khuyến nghị

TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP PHỤC HỒI TRONG TRẠNG THÁI BÌNH THƯỜNG MỚI

- Địa phương cần có ưu tiên cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ở tất cả các địa phương, hỗ trợ tiếp cận nguồn tín dụng
- Các địa phương cải thiện việc triển khai các biện pháp hỗ trợ do Chính phủ cung cấp để hỗ trợ các doanh nghiệp trong cuộc khủng hoảng COVID-19, đặc biệt là minh bạch thông tin và quy trình thủ tục áp dụng. Các cơ quan hữu quan có thể làm việc với các hiệp hội doanh nghiệp và các mạng lưới kinh doanh, cộng đồng khác để giải đáp, hỗ trợ thông tin, hướng dẫn cụ thể về các giải pháp hỗ trợ cho các doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm của các doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy việc tiếp cận và sử dụng hiệu quả các biện pháp hỗ trợ
- Chính phủ cần xác định các mục tiêu phù hợp với từng thời kỳ để xây dựng gói hỗ trợ tài khóa với quy mô đủ lớn nhằm đáp ứng các tiêu chí kịp thời, đúng đối tượng, đủ dài, đủ bao trùm để mang lại hiệu quả như kỳ vọng
- Chính phủ xem xét các chính sách hỗ trợ tài khóa cụ thể đã được triển khai cần được xem xét mở rộng đối tượng thụ hưởng, mức độ hỗ trợ, thời gian hỗ trợ. Cần tập trung cải thiện hiệu quả của công tác tuyên truyền và thực thi đối với các gói chính sách hỗ trợ đã ban hành
- Chính phủ, doanh nghiệp và các bên liên quan cùng thúc đẩy chuyển đổi số: các doanh nghiệp cần xem xét quá trình chuyển đổi và bám sát các cơ hội thương mại điện tử, bao gồm các nền tảng trực tuyến và giao dịch kỹ thuật số như một cách để tham gia vào “nền kinh tế không tiếp xúc trực tiếp”
- Chính quyền các cấp thúc đẩy, hiệp hội kết nối và các doanh nghiệp chủ động tăng cường chuỗi cung ứng nội địa, tìm kiếm cơ hội phát triển thị trường trong nước
- Cơ quan nhà nước, các hiệp hội doanh nghiệp kịp thời cung cấp thông tin thị trường, doanh nghiệp chủ động hơn trong kiểm soát, giảm thiểu rủi ro của biến động thị trường
- Các hiệp hội, tổ chức đại diện doanh nghiệp chia sẻ thông tin, tăng cường phối hợp với nhau, tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp hội viên để hợp tác cùng phát triển. Tổng hợp, đề xuất với Chính phủ các giải pháp, sáng kiến để hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững.

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT ĐỂ THÚC ĐẨY PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

- Đánh giá hiệu quả thực thi Luật Hỗ trợ DNNVV, đặc biệt là cách thức tiếp cận thông tin hỗ trợ, cách thức hỗ trợ, nhận được hỗ trợ đối với DNNVV do phụ nữ làm chủ, từ đó sửa đổi, hoàn thiện Luật này
- Đề nghị Chính phủ xem xét đưa vấn đề tạo thuận lợi và thúc đẩy doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển vào trong Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia để thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững
- Đối với các chính sách và quy định khác, cần cẩn trọng trong đánh giá tác động về giới, lồng ghép giới trong chính sách

NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI CÁC HỖ TRỢ DNNVV HIỆN NAY

- Ở quy mô địa phương, cần có kế hoạch triển khai cụ thể, có đánh giá độc lập khách quan về mức độ hoàn thành nhiệm vụ
- Nâng cao chất lượng Cổng thông tin hỗ trợ DNNVV quốc gia
- Tăng cường liên kết giữa các doanh nhân nữ, các câu lạc bộ/hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức tài chính để hỗ trợ doanh nghiệp

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, ĐẨY MẠNH CẢI THIỆN Ở NHỮNG KHÍA CẠNH BẮT CẬP NHẤT

- *Cải cách TTHC, giảm gánh nặng chi phí tuân thủ*

Đẩy mạnh cải cách tất cả các TTHC liên quan đến doanh nghiệp, đặt biệt trong lĩnh vực đất đai, thuế, phí. Cải thiện chất lượng đối với TTHC, rà soát, cắt giảm hơn nữa TTHC, đơn giản hóa TTHC, tối ưu hóa quy trình thực hiện TTHC, giảm những nhiễu, phiền hà trong thực hiện TTHC.

Hoàn thành sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 và một số luật liên quan, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, hoàn thành đúng thời hạn xây dựng cơ sở dữ liệu số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông.

Ngành Thuế vẫn cần tiếp tục cải cách hơn nữa, tập trung rà soát, đơn giản các TTHC, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, hiện đại hóa phương thức quản lý thuế, đảm bảo tính ổn định khi sử dụng Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, cải thiện hơn nữa, đặc biệt là các thủ tục miễn giảm thuế và hoàn thuế.

Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giảm khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề.

- *Cải thiện điều kiện gia nhập thị trường*

Tiếp tục quyết liệt cải cách, thúc đẩy điện tử hóa, tiếp tục đơn giản hóa thủ tục gia nhập thị trường và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. rà soát để loại bỏ các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp, sửa đổi hồ sơ, quy trình thủ tục cấp giấy phép để giảm bớt gánh nặng cho cả doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.

- *Tăng cường công khai, minh bạch*

Các cơ quan địa phương tăng cường trách nhiệm cung cấp thông tin khi doanh nghiệp cần, công khai minh bạch thông tin, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi tiếp cận thông tin, cần chủ động thông tin cho doanh nghiệp khi có bất kỳ thông tin thay đổi nào đến các quy định, chính sách của cấp tỉnh (qua con đường điện tử/ website).

Các hiệp hội đại diện cho doanh nghiệp cần chủ động hơn và cơ quan nhà nước cần huy động các hiệp hội tham gia ý kiến trong quá trình hoạch định chính sách để nâng cao chất lượng của các quy định, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

- *Nâng cao chất lượng đào tạo lao động để giúp doanh nghiệp tìm được nhân sự phù hợp*

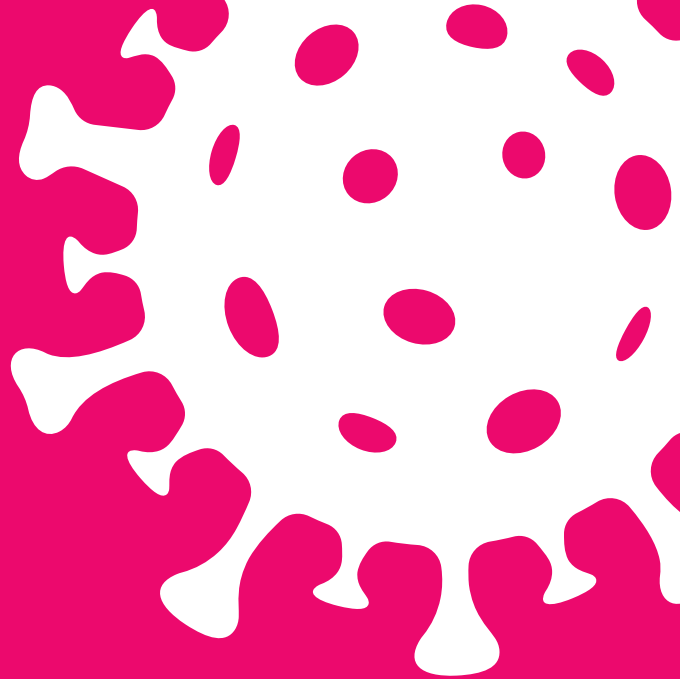
Các địa phương cần nghiên cứu xây dựng các chương trình chính sách đào tạo phù hợp, nâng cao chất lượng nguồn lao động, đảm bảo năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Cải thiện các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lao động; thực hiện đúng chủ trương đào tạo nghề theo địa chỉ, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; việc đào tạo nghề nghiệp theo nhu cầu của các doanh nghiệp và việc thực hiện đào tạo nghề nghiệp trong phân luồng học sinh để thu hút được nguồn lao động trẻ. Cần bảo đảm các cơ sở định hướng và giáo dục nghề nghiệp không cứng cố khuôn mẫu và định kiến giới trong định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh.

Cần xây dựng các mối quan hệ chặt chẽ giữa đào tạo nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động ở các cấp để đảm bảo cho các hoạt động của hệ thống giáo dục nghề nghiệp hướng vào việc đáp ứng nhu cầu của từng ngành, từng lĩnh vực, đưa doanh nghiệp trở thành một trong những chủ thể tham gia đào tạo nghề nghiệp.

CHÍNH PHỦ XEM XÉT XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ VỚI CÁC ƯU TIÊN VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN CỤ THỂ VỚI SỰ THAM GIA CỦA TOÀN XÃ HỘI

- Tạo lập môi trường thuận lợi cho sự phát triển của doanh nhân nữ
- Đảm bảo hỗ trợ một cách có hệ thống để phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ
- Tạo lập hạ tầng hỗ trợ và thúc đẩy doanh nhân nữ phát triển
- Xúc tiến, xây dựng mạng lưới và góp ý xây dựng chính sách và pháp luật





GIỚI THIỆU CHUNG

Bối cảnh	20
Mục tiêu	25
Phương pháp	26
Phạm vi nghiên cứu	29



Bối cảnh

Báo cáo “Viễn cảnh kinh tế toàn cầu” (World Economic Outlook) của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) công bố tháng 10 năm 2020 gọi điều đang xảy ra do tác động của dịch bệnh COVID-19 là “Đại phong tỏa” (The Great Lockdown), để nói đến một thực tế là nền kinh tế toàn cầu đang lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Đây là cuộc khủng hoảng lớn nhất mà thế giới phải đối mặt kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ II và là thảm họa kinh tế lớn nhất kể từ cuộc Đại suy thoái những năm 1930. Đại dịch COVID-19 được ví như một “cú đấm chí mạng” với sức tàn phá ghê gớm, giáng vào nền kinh tế thế giới 2020.

Tốc độ lây lan chóng mặt của COVID-19 buộc các quốc gia phải áp đặt các biện pháp phong tỏa và đóng cửa biên giới để chống dịch đã gây ra tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, khiến tất cả các khâu của quá trình sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng vốn được liên kết trên cấp độ thế giới rơi vào tình trạng tê liệt. Thương mại toàn cầu đình trệ, làn sóng doanh nghiệp phá sản lan khắp thế giới. Tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP), thước đo rộng nhất của hoạt động kinh tế, vì vậy đã giảm xuống mức thấp kỷ lục ở nhiều nền kinh tế, tăng trưởng của nhiều quốc gia, khu vực ở mức âm; người lao động mất việc làm, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao.

COVID-19 làm thay đổi cả thế giới trên nhiều góc độ khác nhau. Trật tự và hoạt động kinh tế thế giới thay đổi mạnh mẽ do hầu hết các quốc gia đều trải qua thời kỳ cách ly tại nhà, giãn cách xã hội và thậm chí đóng cửa quốc gia. Hoạt động kinh tế chỉ nhằm cung cấp nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống, khu vực doanh nghiệp hoạt động trong điều kiện bình thường mới - đó chính là sự ngưng trệ của tất cả các yếu tố hoạt động kinh tế. COVID-19 có tác động ở nhiều mức độ khác nhau mà phụ nữ trên khắp thế giới đã và đang phải đối mặt. Có nhiều báo cáo, số liệu cho thấy các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ lãnh đạo bị tác động tiêu cực nhiều hơn, có nguy cơ đóng cửa do tác động từ COVID-19 cao hơn so với doanh nghiệp cùng quy mô do nam giới lãnh đạo. COVID-19 cũng đã tạo ra nhiều trách nhiệm mới như chăm sóc con cái, học tập tại nhà, dẫn đến những ảnh hưởng không tương xứng đến phụ nữ.

Tính đến thời điểm tháng 9 năm 2022, tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2022 được điều chỉnh giảm so với các dự báo đưa ra trước đó. Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2022 giảm đáng kể, từ mức 4,1% trong dự báo vào thời điểm đầu năm 2022 xuống còn 2,8% trong dự báo tháng 8/2022. Báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới tháng 7/2022 của IMF nhận định suy thoái toàn cầu ngày càng hiện hữu khi rủi ro làm giảm tăng trưởng gia tăng. Theo báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 9/2022⁵, Fitch Ratings nhận định cuộc khủng hoảng khí đốt ở châu Âu, lạm phát cao và chính sách thắt chặt tiền tệ toàn cầu đang ảnh hưởng nặng nề đến triển vọng kinh tế thế giới.

5 <https://www.fitchratings.com/research/sovereigns/global-economic-outlook-september-2022-14-09-2022#:~:text=Fitch%20Ratings%20has%20cut%20growth,2023%2C%20cut%20by%201.0pp>.

Thương mại hàng hóa toàn cầu suy giảm, giá cả và lạm phát tăng, điều kiện tài chính toàn cầu có xu hướng thắt chặt, có một số nhân tố rủi ro tác động tiêu cực tới triển vọng kinh tế thế giới. nền kinh tế Việt Nam đang hồi phục sau hai năm tổn thương, nhưng vẫn đang phải đối mặt với những thách thức trong nước cũng như môi trường kinh tế toàn cầu bất lợi trong ngắn hạn và trung hạn.

Việt Nam đã trải qua 4 đợt bùng phát dịch bệnh COVID-19. Nghiêm trọng và phức tạp hơn cả là đợt bùng phát dịch thứ tư (từ ngày 27/4/2021 đến nay) với những biến thể mới nguy hiểm, lây lan nhanh trong cộng đồng, dịch bệnh đã bùng phát mạnh, kéo dài trên diện rộng, nhất là tại các tỉnh, thành phố phía Nam, đặc biệt đã làm cho rất nhiều người tử vong, đã tác động nghiêm trọng đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân trên phạm vi toàn quốc. Các đợt dịch đã tác động lớn đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là tại các vùng kinh tế trọng điểm, nơi tập trung đông dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất và các doanh nghiệp lớn. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong hai năm 2020 và 2021 chỉ đạt tương ứng 2,91% và 2,58%⁶, mức thấp nhất kể từ khi đổi mới đến nay. Tuy nhiên, nếu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, việc duy trì tốc độ tăng trưởng dương là một thành công lớn của Việt Nam trong bối cảnh suy giảm kinh tế toàn cầu do ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch COVID-19.

Các ngành kinh tế chịu tác động lớn bởi dịch bệnh là công nghiệp và thương mại, dịch vụ. Trong năm 2021, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trưởng 4,05%, bằng khoảng 1/2 tốc độ tăng trưởng so với trước đại dịch; khu vực thương mại dịch vụ tăng 1,22%, chỉ bằng 1/7 tốc độ tăng trưởng so với trước đại dịch⁷. Đáng chú ý có nhiều lĩnh vực chịu tác động nặng nề và có sự suy giảm sâu so với thời điểm trước đại dịch như du lịch lữ hành, dịch vụ lưu trú, ăn uống, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng... là những khu vực có tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cao.

Theo đánh giá của ông Nguyễn Thành Phong, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương tại Diễn đàn kinh tế Việt Nam 2021, thiệt hại kinh tế do COVID-19 gây ra cho nền kinh tế Việt Nam trong 2 năm 2020 và 2021 ước tính lên tới 847.000 tỷ đồng, tương đương 37 tỷ đô la Mỹ.⁸

Báo cáo Khoảng cách Giới Toàn cầu 2022 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF)⁹ công bố tháng 7 năm 2022 chỉ ra: *Khoảng cách giới toàn cầu vào năm 2022 là 68,1%. Tổng điểm khoảng cách giới tăng từ 67,9% ở năm 2021 lên 68,1% vào năm 2022, trong khi xem xét mẫu không đổi của 145 quốc gia bao gồm trong cả Báo cáo năm 2021 và Báo cáo năm 2022. Tiến độ thu hẹp khoảng cách giới đã bị đình trệ ở hầu hết các nước. Chỉ 30 trong số 145 nền kinh tế được đề cập trong cả Báo cáo này và Báo cáo trước là có ghi nhận việc thu hẹp khoảng cách giới ở mức ít nhất 1 điểm phần trăm; 57 quốc gia đã có tiến bộ cận biên, thu hẹp khoảng cách giới của họ dưới 1 điểm phần trăm. Mười hai quốc gia đã đảo ngược khoảng cách giới của họ hơn 1 điểm phần trăm, 46 quốc gia khác có mức suy giảm nhẹ - dưới 1 điểm phần trăm. Khoảng cách giới trong Tham gia vào kinh tế và Cơ hội vẫn là khoảng cách lớn thứ hai trong số năm khoảng cách chính được đánh giá.*

Cũng theo báo cáo này, Việt Nam đứng thứ 83 trong tổng số 146 quốc gia được đánh giá (năm 2021 là 87/156), đứng thứ 9/19 trong khu vực Đông Á-Thái Bình Dương.

6 Tổng cục Thống kê: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2021, ngày 29/12/2021, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2021/>

7 Tổng cục Thống kê: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2021

8 <https://thitruongtaichinhthiente.vn/chinh-sach-ho-tro-cac-doanh-nghiep-viet-nam-anh-huong-boi-dich-covid-19-thuc-trang-va-giai-phap-42810.html>

9 Global Gender Gap Report 2022 <https://www.weforum.org/reports/global-gender-gap-report-2022/>

Việt Nam tăng 4 hạng là do có cải thiện nhẹ ở 3 trong 4 chỉ số. Tuy nhiên, chỉ số duy nhất bị giảm điểm lại là “Tham gia vào kinh tế và Cơ hội”. Các chỉ số thành phần cho thấy mức độ tham gia của lực lượng lao động thấp hơn và tỷ lệ tham gia của lực lượng lao động tương đương thấp hơn đều góp phần làm kết quả tiến bộ về giới kém đi. Tỷ lệ phụ nữ trong các vai trò lập pháp, nhân sự cấp cao và quản lý giảm khoảng 1 điểm phần trăm, thu nhập ước tính cũng giảm theo, ở phụ nữ là giảm 20,7%, cao hơn so với nam giới (giảm 18,3%).

Việt Nam đứng thứ 31 ở chỉ số Tham gia vào kinh tế và Cơ hội, trong khi năm 2021 ở vị trí 26.¹⁰ Tuy nhiên, trong tiêu chí về Tham gia vào kinh tế và Cơ hội, chỉ số về lãnh đạo nữ của Việt Nam đứng thứ 104/146, với điểm số 0,339/1, giảm so với mức 0,357 ở Báo cáo 2021, tụt hạng so với vị trí 97/153 ở Báo cáo 2020 (công bố tháng 12 năm 2019) và vị trí 94/149 ở Báo cáo 2018.

Mất việc làm do đại dịch COVID-19 đối với phụ nữ tồi tệ hơn đáng kể so với nam giới, số giờ làm cũng gây thiệt hại lớn hơn. Tuy nhiên, tỷ lệ phụ nữ tham gia lãnh đạo ngày càng tăng. Trong khi tỷ lệ phụ nữ ở vị trí lãnh đạo là 33,3% vào năm 2016 ở nhóm các quốc gia được khảo sát, nó đã tăng lên 36,9% vào năm 2022. Tuy nhiên tiến độ này bị chậm lại trong đại dịch, với tỷ lệ (hàng năm) phụ nữ ở các vị trí lãnh đạo giữ ở mức 35% từ năm 2019 đến năm 2020 nhưng sau đó tăng lên 36% vào năm 2021.

Theo Báo cáo Chỉ số nữ doanh nhân của Mastercard (MIWE) 2021¹¹, số điểm cao nhất trong bảng xếp hạng của 65 nền kinh tế giảm so với MIWE 2020. Việt Nam đứng ở vị trí 38/65 với 54,7/100 điểm, sụt giảm 01 bậc và 0,5 điểm so với ở MIWE 2020.

Chỉ số này xuất phát từ thực tế đa số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hoạt động trong các lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ đại dịch. Tuy Chính phủ đã có các biện pháp hỗ trợ duy trì hoạt động kinh doanh, nhưng phụ nữ Việt Nam vẫn chịu nhiều thiệt thòi trong cơ hội kinh doanh, phát triển sự nghiệp, tiếp cận dịch vụ giáo dục và tài chính, đi cùng với đó là sự bất bình đẳng trong khả năng tiếp cận vốn.

Nữ doanh nhân Việt Nam đã thể hiện sự kiên cường và mạnh mẽ, thành công trong việc duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh, ngay cả khi phải đối mặt với những thách thức khổng lồ từ khủng hoảng đại dịch toàn cầu. Tốc độ tham gia vào các hoạt động kinh doanh của phụ nữ tại Việt Nam không chỉ ngang bằng mà còn nhanh hơn nhiều so với nam giới, với tốc độ tăng trưởng chậm ngưỡng hơn 20%. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của phụ nữ Việt Nam đạt 69,3%, là một trong các nước có tỷ lệ cao nhất trên thế giới (xếp hạng 5), trong lĩnh vực kinh tế, phụ nữ điều hành 26,5% số doanh nghiệp trên cả nước.

Trong chỉ số thành phần A: Kết quả tiến bộ của phụ nữ (Women’s advancement outcomes): Việt Nam đứng thứ 11/65. Tỷ lệ nữ tham gia lao động của Việt Nam là 69,3%, ở nam giới là 79,6%, giảm so với MIWE 2020 và toàn bộ 65 nền kinh tế được đánh giá đều chứng kiến sự sụt giảm này. Ở chỉ số thành phần “Nữ lãnh đạo doanh nghiệp”, bất chấp những khó khăn kinh tế và bất ổn leo thang phát sinh từ đại dịch, tỷ lệ phụ nữ trong vai trò lãnh đạo vẫn có những thay đổi tích cực. Việt Nam có tỷ lệ nữ lãnh đạo doanh nghiệp là 27,4%, giảm so với con số 28,1% ở MIWE 2020.

¹⁰ Trang 358 của Báo cáo Global Gender Gap Report 2022

¹¹ Mastercard Index of Women Entrepreneurs (MIWE)
<https://www.mastercard.com/news/insights/2022/mastercard-index-of-women-entrepreneurs-2021/>

Ở Chỉ số thành phần Tỷ lệ hoạt động kinh doanh của phụ nữ (Women entrepreneurial activity rate), MIWE cho thấy có sự sụt giảm ở mức 7,8% ở hoạt động kinh doanh của phụ nữ, trong khi tỷ lệ sụt giảm này ở nam giới chỉ là 5,7%. Tác động của cuộc khủng hoảng do COVID-19 kéo dài đã đặc biệt nghiêm trọng đối với các doanh nhân nữ, đặc biệt là ở các nước có thu nhập thấp và các nền kinh tế đang phát triển. Theo phát hiện từ báo cáo “Kiểm toán thường niên năm 2020 của Quỹ Cherie Blair trong Nghiên cứu về Doanh nhân nữ”¹², tại các nền kinh tế có thu nhập thấp và trung bình, gần bốn trên mười doanh nhân nữ đã phải đóng cửa hoặc có thể đóng cửa doanh nghiệp của họ do đại dịch.

Tuy vậy, Việt Nam vẫn đạt được một số thành tựu, là một trong 10 nền kinh tế nơi phụ nữ hoạt động kinh doanh “vượt qua” nam giới. Mặc dù phụ nữ ở các nền kinh tế này có xu hướng bị thiệt thòi về cơ hội trong kinh doanh, nghề nghiệp, giáo dục, dịch vụ tài chính và không bình đẳng tiếp cận nguồn vốn, nhưng họ đã vượt qua được những rào cản, điều này có thể được thúc đẩy bởi thái độ và nhận thức kinh doanh tích cực và lành mạnh, thúc đẩy khát vọng của phụ nữ để trở nên độc lập hơn về tài chính.

Tuy nhiên, Báo cáo MIWE 2021 cho thấy, mặc dù đại dịch COVID-19 đã có những tác động ở các mức độ khác nhau đối với các nữ doanh nhân trên toàn cầu, đặc biệt ở những nền kinh tế đang phát triển, thì phụ nữ vẫn đang thể hiện sự bền bỉ để có thể thành công trong kinh doanh. Nữ doanh nhân có khả năng thích ứng cao, tháo vát, và suy nghĩ lạc quan. Doanh nghiệp nhỏ hơn của phụ nữ sẽ linh hoạt hơn và thích ứng tốt hơn các doanh nghiệp lớn hơn.

Theo “Báo cáo đánh giá tác động của COVID-19 đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (DNNVV) ở Việt Nam, đặc biệt là các DNNVV do nữ làm chủ” thực hiện năm 2020¹³, Tác động của COVID-19 đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các DNNVV do nữ làm chủ phần nào nặng nề hơn so với các DNNVV do nam làm chủ. Báo cáo này cũng đưa ra số liệu về tỷ lệ DNNVV do nữ làm chủ không sản xuất kinh doanh được hoặc gián đoạn do giãn cách xã hội cao hơn ở DNNVV, tình hình hoạt động của doanh nghiệp do nữ làm chủ có phần khó khăn hơn so với mặt bằng chung, tỷ lệ sụt giảm doanh thu 6 tháng đầu năm 2020 và dự kiến cả năm 2020 ở doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cao hơn so với doanh nghiệp do nam làm chủ.

Trước tác động nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp nhằm kiểm soát dịch bệnh và phục hồi kinh tế, gồm những chính sách mang tính cấp bách, căn cơ để kiểm soát dịch bệnh; các chính sách miễn giảm các loại thuế, phí, lệ phí và áp lực tài chính nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ chức chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh; chính sách tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ổn định sản xuất - kinh doanh, phục hồi và tạo đà phát triển, nhất là những lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh COVID-19; chính sách thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư quan trọng quốc gia; nhóm chính sách tiền tệ mở rộng, bảo đảm thanh khoản trên thị trường tiền tệ, giảm lãi suất cho vay, ổn định lãi suất điều hành ở mức thấp, ban hành quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ đối với đối tượng vay vốn... và nhóm chính sách an sinh xã hội.

12 2020 Audit of Women Entrepreneurs in Low and Middle Income Countries, The Cherie Blair Foundation for Women, công bố ngày 08 tháng 3 năm 2021 <https://cherieblairfoundation.org/what-we-do/research/2020-annual-audit/>

13 UNESCAP-MPI, 2020, Báo cáo dựa trên kết quả khảo sát là các doanh nghiệp trên phạm vi cả nước, hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế. Cuộc khảo sát được thực hiện từ ngày 27/5/2020 đến ngày 15/6/2020. Có 220 doanh nghiệp tham gia trả lời, trong đó 57% DN tham gia khảo sát là DN siêu nhỏ, 35% là DN nhỏ, chỉ 8% là DN vừa. 134 doanh nghiệp tham gia khảo sát (tương đương 61%) là DN do nữ làm chủ.

Các chính sách ứng phó với đại dịch COVID-19 của Việt Nam thời gian qua cơ bản phù hợp với diễn biến và tác động của dịch bệnh; tương đồng với cách tiếp cận mới của nhiều quốc gia trên thế giới, được người dân và cộng đồng doanh nghiệp ủng hộ, đã góp phần quan trọng kiểm soát dịch bệnh, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, nền kinh tế đạt được tốc độ tăng trưởng dương trong hai năm 2020-2021, duy trì triển vọng kinh tế tích cực trong trung và dài hạn; củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây là nền tảng quan trọng cho quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau tác động của đại dịch COVID -19.

Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện một số chính sách còn chậm, hiệu quả chưa cao; thông tin, hướng dẫn chưa kịp thời dẫn đến doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ khó tiếp cận. Chưa có chính sách hỗ trợ riêng cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới mới cho giai đoạn 2021-2030 (tại Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021)¹⁴, đặt ra Mục tiêu trong lĩnh vực kinh tế, lao động (Mục tiêu 2) gồm:

CHỈ TIÊU 1

Tăng tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương lên đạt 50% vào năm 2025 và khoảng 60% vào năm 2030.

CHỈ TIÊU 2

Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 30% vào năm 2025 và dưới 25% vào năm 2030.

CHỈ TIÊU 3

Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.

Để đạt được mục tiêu trên và để thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phục hồi sau đại dịch COVID-19 và phát triển, cần có nhiều biện pháp khác nhau với sự tham gia của tất cả các đối tượng khác nhau trong cả khu vực công và khu vực tư để tăng cường trao quyền kinh tế cho phụ nữ, trong đó, cải thiện môi trường kinh doanh và các biện pháp có tính đến yếu tố giới để hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi là giải pháp có tác động lớn và đây cũng là một trong những ưu tiên của Chính phủ Việt Nam.

Tại Việt Nam, ngoài “Báo cáo đánh giá tác động của COVID-19 đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa ở Việt Nam, đặc biệt là các DNNVV do nữ làm chủ” thực hiện năm 2020 đã đề cập ở trên, chưa có nghiên cứu riêng nào có quy mô lớn về tác động của COVID-19 đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, đặc biệt là sau các làn sóng gây tác động nghiêm trọng của đại dịch này. Do đó, Báo cáo này hy vọng đưa ra được những thực tế từ kết quả khảo sát doanh nghiệp quy mô nhất, mới nhất tại Việt Nam năm 2021, để từ đó có những khuyến nghị nhằm thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển có ý nghĩa rất lớn. Đó là những kỳ vọng mà Báo cáo này muốn hướng tới.

¹⁴ http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=509&mode=detail&document_id=202742



Mục tiêu

Thứ nhất, nghiên cứu này nhằm tìm hiểu các đặc điểm chung của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam và nhận diện tổng quan thực trạng môi trường kinh doanh đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hiện nay tại các tỉnh, thành phố của Việt Nam;

Thứ hai, nhóm nghiên cứu cố gắng (1) Nhận diện tác động của dịch COVID-19 lên hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam; (2) Tìm hiểu khả năng ứng phó của các doanh nghiệp; và (3) Đánh giá của doanh nghiệp về khả năng tiếp cận thông tin về một số chính sách hỗ trợ mà Nhà nước đã ban hành để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn do dịch COVID-19;

Thứ ba, nhóm nghiên cứu mong muốn đưa ra các giải pháp để nâng cao tính thuận lợi của môi trường kinh doanh đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và thúc đẩy doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phục hồi và phát triển.

Phương pháp

PHÂN TÍCH SỐ LIỆU ĐIỀU TRA/KHẢO SÁT

Báo cáo sử dụng phương pháp phân tích các số liệu từ kết quả khảo sát hơn 10.000 doanh nghiệp (với nội dung về giới đã được lồng ghép) của Dự án Chỉ số Năng lực Cạnh tranh cấp tỉnh - Provincial Competitiveness Index (PCI) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tiến hành nghiên cứu và công bố thường niên. Những dữ liệu được thu thập qua một quy trình khảo sát doanh nghiệp nghiêm ngặt và chất lượng.

Điều tra PCI là cuộc điều tra doanh nghiệp thường niên lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng có quy mô lớn nhất được tiến hành hàng năm tại 63 tỉnh, thành phố. Sau 16 năm thực hiện PCI, đã có rất nhiều thành quả đạt được trong cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Từ Nghị quyết số 19-2014/NQ-CP¹⁵ và tiếp tục trong các Nghị quyết của Chính phủ ban hành thường niên về vấn đề này, việc VCCI điều tra và công bố PCI, hỗ trợ, hướng dẫn Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh thực hiện cải thiện Chỉ số PCI được coi là một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để thực hiện những mục tiêu mà Chính phủ đặt ra.

Phương pháp của PCI¹⁶

Mẫu khảo sát:

PCI sử dụng danh sách doanh nghiệp toàn quốc của cơ quan thuế để phân nhóm doanh nghiệp theo loại hình (doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần), ngành nghề kinh tế (sản xuất công nghiệp, xây dựng, khai thác tài nguyên, dịch vụ và thương mại và nông lâm ngư nghiệp) và tuổi của doanh nghiệp.

Nhóm nghiên cứu thực hiện phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng tại mỗi tỉnh, thành phố, để đảm bảo tính đại diện của tất cả các nhóm doanh nghiệp tại mỗi địa phương.

Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong PCI là các doanh nghiệp có Giám đốc, Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị là nữ và những doanh nghiệp có số thành viên/cố đồng là nữ từ 51% trở lên.

10 chỉ số thành phần bao gồm:

1 Chi phí gia nhập thị trường

Chỉ số này được xây dựng nhằm đánh giá sự khác biệt về chi phí gia nhập thị trường của các doanh nghiệp mới thành lập giữa các tỉnh với nhau

15 Ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

16 Chi tiết hơn về phương pháp, vui lòng xem tại đây <https://pcvietnam.vn/gioi-thieu/phuong-phap.html>

2 Tiếp cận đất đai và Sự ổn định trong sử dụng đất

Đo lường về hai khía cạnh của vấn đề đất đai mà doanh nghiệp phải đối mặt: việc tiếp cận đất đai có dễ dàng không và doanh nghiệp có thấy yên tâm và được đảm bảo về sự ổn định khi có được mặt bằng kinh doanh hay không.

3 Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Đo lường khả năng tiếp cận các kế hoạch của tỉnh và các văn bản pháp lý cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, liệu doanh nghiệp có thể tiếp cận một cách công bằng các văn bản này, các chính sách và quy định mới có được tham khảo ý kiến của doanh nghiệp và khả năng tiên liệu trong việc triển khai thực hiện các chính sách quy định đó và mức độ tiện dụng của trang web tỉnh đối với doanh nghiệp.

4 Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước

Đo lường thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính cũng như mức độ thường xuyên và thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan nhà nước của địa phương thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

5 Chi phí không chính thức

Đo lường các khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc trả những khoản chi phí không chính thức có đem lại kết quả hay “dịch vụ” như mong đợi và liệu các cán bộ Nhà nước có sử dụng các quy định của địa phương để trục lợi hay không.

6 Cạnh tranh bình đẳng

Chỉ số thành phần này đánh giá môi trường cạnh tranh đối với các doanh nghiệp dân doanh trước những ưu đãi dành cho doanh nghiệp nhà nước (DNNN), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (doanh nghiệp FDI) và các doanh nghiệp thân quen với cán bộ chính quyền cấp tỉnh, thể hiện dưới dạng các đặc quyền, ưu đãi cụ thể khi tiếp cận các nguồn lực cho phát triển như đất đai, tín dụng... và được ưu tiên đối xử trong thực hiện các thủ tục hành chính và chính sách.

7 Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh

Đo lường tính sáng tạo, sáng suốt của lãnh đạo tỉnh trong quá trình thực thi chính sách Trung ương cũng như trong việc đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đồng thời đánh giá khả năng hỗ trợ và áp dụng những chính sách đôi khi chưa rõ ràng của Trung ương theo hướng có lợi cho doanh nghiệp.

8 Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Chỉ số này dùng để đo lường kết quả triển khai các chương trình trợ giúp doanh nghiệp trong khuôn khổ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có hiệu lực từ năm 2018. Các chỉ tiêu đánh giá tập trung vào một số khía cạnh quan trọng của công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, PCI 2021 đã bổ sung thêm 4 chỉ tiêu liên quan tới chương trình hỗ trợ hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

9 Đào tạo lao động

Đo lường các nỗ lực của lãnh đạo tỉnh để thúc đẩy đào tạo nghề và phát triển kỹ năng nhằm hỗ trợ cho các ngành công nghiệp tại địa phương và giúp người lao động tìm kiếm việc làm.

10 Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

Đo lường lòng tin của doanh nghiệp tư nhân đối với hệ thống tòa án, tư pháp của tỉnh, liệu các thiết chế pháp lý này có được doanh nghiệp xem là công cụ hiệu quả để giải quyết tranh chấp hoặc là nơi doanh nghiệp có thể khiếu nại các hành vi vi phạm của cán bộ công quyền tại địa phương.

PCI 2020, với sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới (tài trợ của Chính phủ Australia) có lồng ghép một phần đánh giá tác động của COVID-19 đến các doanh nghiệp, PCI 2021 có một chương về Tác động của đại dịch COVID-19 đối với môi trường kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp, những thông tin tổng quan thể hiện ở dữ liệu trích xuất đó sẽ được sử dụng trong báo cáo này.

TỔNG HỢP THÔNG TIN TỪ NGUỒN KHÁC

Báo cáo có sử dụng số liệu cung cấp bởi Cục quản lý đăng ký kinh doanh trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư - đơn vị chủ quản của Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Báo cáo cũng sử dụng thông tin từ các báo cáo khác do VCCI đã thực hiện trong khuôn khổ Chương trình Aus4Reform: Báo cáo rà soát quy định pháp luật liên quan đến doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, Báo cáo sơ bộ về Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đối với các doanh nghiệp nữ (2018), Kinh doanh tại Việt Nam - Đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (2019), Môi trường kinh doanh tại Việt Nam: Góc nhìn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (2021), tổng hợp thông tin của Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam về các khó khăn và kiến nghị của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phục vụ cuộc gặp của Thủ tướng với cộng đồng doanh nghiệp vào ngày 26/9/2021.

Nhóm nghiên cứu cũng thu thập thêm từ những nguồn thông tin công khai, từ các báo cáo, kết quả nghiên cứu khác được công bố.



Phạm vi nghiên cứu

Do nguồn lực có hạn nên nhóm nghiên cứu không thể triển khai một điều tra riêng với quy mô mong muốn. Vì vậy, nhóm nghiên cứu đã sử dụng các nội dung điều tra PCI có phân tách về giới của chủ doanh nghiệp như đã đề cập ở mục Phương pháp ở trên.

Một địa phương được đánh giá là có môi trường kinh doanh thuận lợi khi có: 1) Chi phí gia nhập thị trường thấp; 2) Tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định; 3) Môi trường kinh doanh minh bạch và các thông tin cần thiết cho hoạt động của doanh nghiệp được công khai; 4) Chi phí không chính thức thấp; 5) Thời gian thanh kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng; 6) Môi trường cạnh tranh bình đẳng; 7) Chính quyền tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết khó khăn trong doanh nghiệp; 8) Triển khai hiệu quả các chương trình trợ giúp doanh nghiệp trong khuôn khổ Luật Hỗ trợ DNNVV; 9) Chính sách đào tạo lao động tốt; và 10) Thủ tục giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả.

Với phạm vi nói trên, Báo cáo này thể hiện đánh giá môi trường kinh doanh địa phương (với 10 lĩnh vực cụ thể) qua góc nhìn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, nhằm cung cấp những thông tin đầu vào cho quá trình hoạch định và thực thi chính sách, pháp luật để thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam.

Báo cáo không so sánh đánh giá của chủ doanh nghiệp là nữ với đánh giá của chủ doanh nghiệp là nam ở tất cả những vấn đề đặt ra, mà chỉ đưa ra số liệu so sánh nam/nữ để so sánh ở một số vấn đề lớn như tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, đánh giá chung về môi trường kinh doanh, khó khăn của các doanh nghiệp, tác động của đại dịch COVID-19 theo giới của chủ doanh nghiệp. Báo cáo tập trung phân tích những khó khăn, cản trở đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ để từ đó có biện pháp khắc phục và thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển.





BỨC TRANH VỀ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ TẠI VIỆT NAM

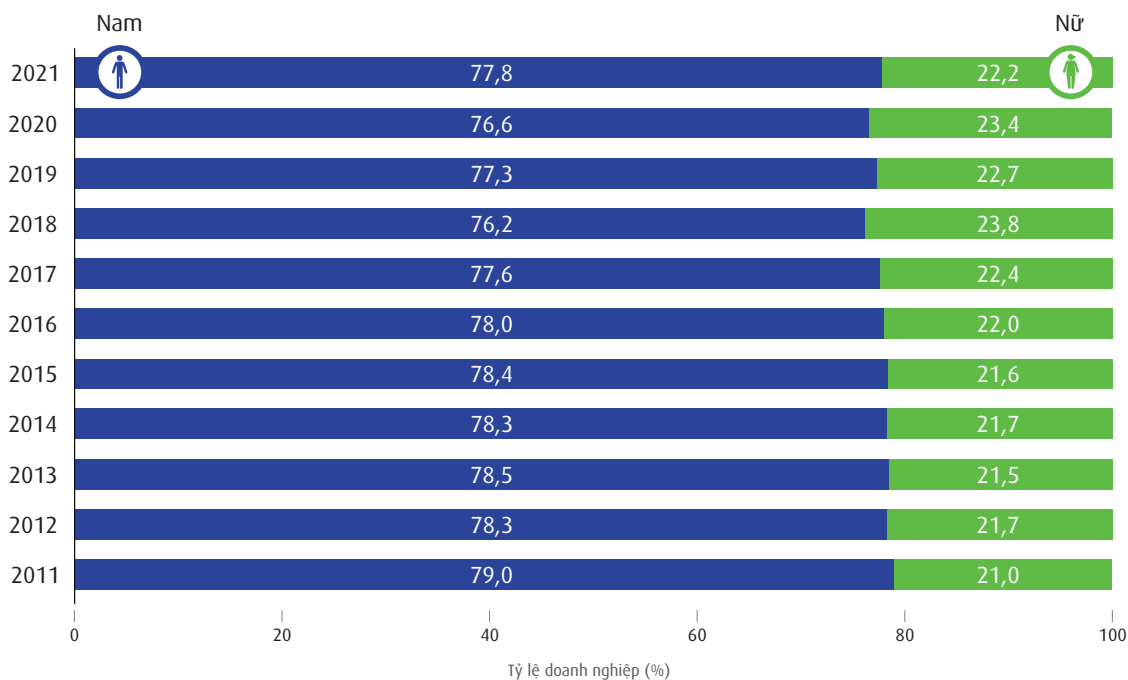
Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	32
Đặc điểm của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trả lời khảo sát	36
Những khó khăn mà doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang phải đối mặt	42
Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	45

Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Theo kết quả điều tra doanh nghiệp dân doanh của VCCI trên toàn bộ các tỉnh, thành phố từ năm 2011 tới nay (tính từ khi bảng câu hỏi có phân tách về giới của chủ doanh nghiệp trong điều tra), tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có xu hướng gia tăng trong giai đoạn 2011-2020, tuy nhiên giảm vào năm 2021. Cụ thể, vào năm 2011, khoảng 21% doanh nghiệp đang hoạt động là do phụ nữ làm chủ, đến năm 2018, tỷ lệ này là vào khoảng 24%, năm 2019 có giảm xuống một chút (22,7%), năm 2020 tăng lên 23,4% và năm 2021 là 22,2%.

HÌNH 1

Tỷ lệ doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp trong điều tra PCI 2011-2021



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Theo số liệu thống kê của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trên cơ sở thông tin đăng ký doanh nghiệp có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, tính đến hết tháng 9 năm 2022, toàn quốc có 263.444 doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang hoạt động (có đại diện theo pháp luật¹⁷ và chủ doanh nghiệp tư nhân là nữ), chiếm 29,8% trong tổng số 883.000 doanh nghiệp đang hoạt động.

BẢNG 1

Số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở các loại hình doanh nghiệp tính đến hết tháng 9 năm 2022

STT	Loại hình	Số lượng	Tỷ lệ
1	Công ty cổ phần	36.647	15,75%
2	Công ty hợp danh	12	0,005%
3	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	75.632	28,71%
4	Công ty TNHH một thành viên	135.331	51,37%
5	Doanh nghiệp tư nhân	9.451	3,59%
	Tổng	263.444	100%

Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ở đây có sự khác biệt trong số liệu do sự khác nhau về phương pháp thu thập thông tin, một bên sử dụng phương pháp thống kê toàn thể và một bên sử dụng điều tra chọn mẫu. Thêm vào đó, số liệu thống kê bao gồm các doanh nghiệp có đại diện theo pháp luật và chủ doanh nghiệp tư nhân là nữ, trong khi đó, PCI dựa trên câu trả lời của các doanh nghiệp qua phiếu khảo sát với câu hỏi: “Doanh nghiệp có Giám đốc, Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị là nữ hoặc có số thành viên/cố đông là nữ từ 51% trở lên”. Dù sao thì, các số liệu này đều cho thấy tỷ lệ các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong nền kinh tế vẫn khiêm tốn và chưa đạt được mục tiêu đề ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 -2020.¹⁸

17 Theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020: Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý doanh nghiệp tư nhân và người quản lý công ty, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

18 Chỉ tiêu 2 của Mục tiêu 2: tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và từ 35% trở lên vào năm 2020).

Nếu phân chia nhỏ hơn ở các ngành, trong số 263.444 doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang hoạt động trên toàn quốc (theo số liệu của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh), lĩnh vực có tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cao nhất là Bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy (chiếm tới 39,91%), lĩnh vực có tỷ lệ thấp nhất là Khai khoáng (chỉ có 0,43%).

BẢNG 2

Phân bố doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong các ngành kinh tế

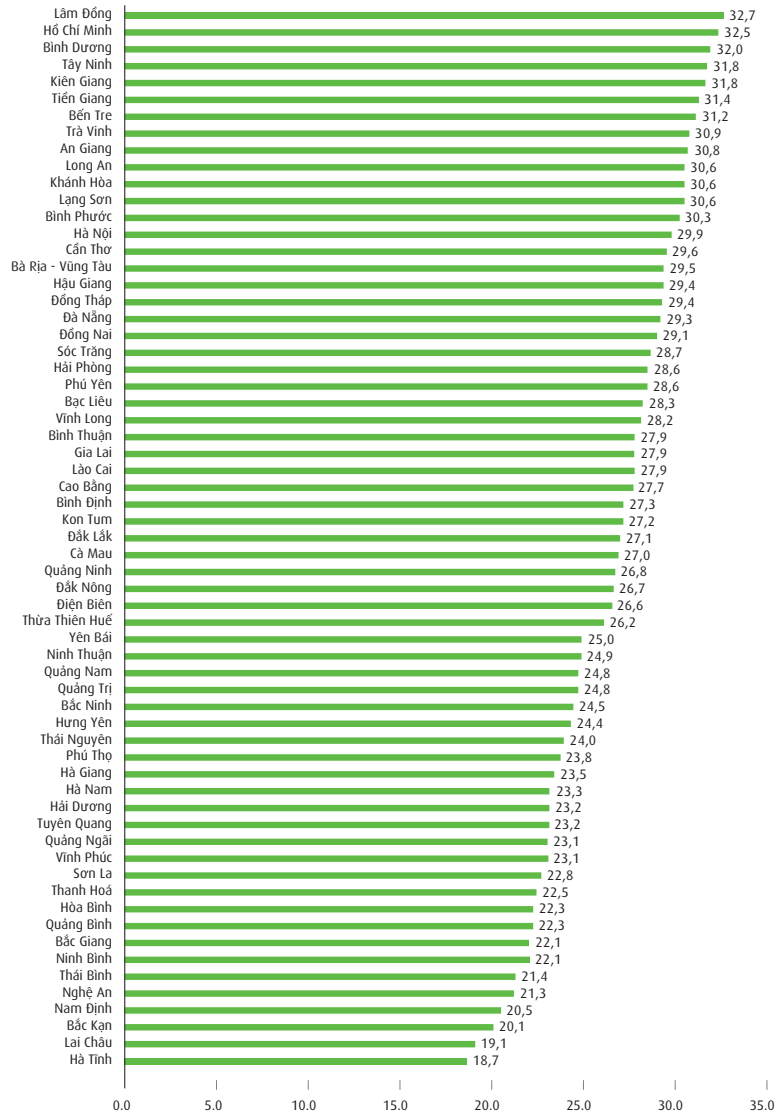
STT	Ngành nghề	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.146	1,19%
2	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	13.548	5,14%
3	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	2.472	0,94%
4	Bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy	105.153	39,91%
5	Kinh doanh bất động sản	10.204	3,87%
6	Vận tải kho bãi	13.428	5,10%
7	Xây dựng	21.416	8,13%
8	Thông tin và truyền thông	5.289	2,01%
9	Khoa học, công nghệ; dịch vụ tư vấn, thiết kế; quảng cáo và chuyên môn khác	18.691	7,09%
10	Hoạt động dịch vụ khác	3.361	1,28%
11	Giáo dục và đào tạo	9.615	3,65%
12	Khai khoáng	1.131	0,43%
13	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.971	0,75%
14	Công nghiệp chế biến, chế tạo	35.131	13,34%
15	Sản xuất phân phối, điện, nước, gas	2.902	1,10%
16	Dịch vụ việc làm; du lịch; cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác	14.322	5,44%
17	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1.664	0,63%

Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ba địa phương có tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cao nhất là Lâm Đồng (32,7%), Tp. Hồ Chí Minh (32,5%) và Bình Dương (32%). Thấp nhất là Hà Tĩnh (18,7%), Lai Châu (19,1%) và Bắc Kạn (20,1%). Tỷ lệ này ở Hà Nội là 29,9%.


HÌNH 2

Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở các địa phương



Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Theo số liệu của Báo cáo Chỉ số doanh nhân nữ của Mastercard (MIWE) 2021, tỷ lệ lãnh đạo doanh nghiệp là nữ ở Việt Nam là 27,4%.



Đặc điểm của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trả lời khảo sát

Phần này cung cấp thông tin về đặc điểm cơ bản của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Đó là trình độ học vấn, xuất thân của chủ doanh nghiệp, xuất phát điểm của doanh nghiệp, nhóm khách hàng chính, quy mô doanh nghiệp... Những đặc điểm này rút ra từ kết quả điều tra doanh nghiệp của VCCI trong Dự án PCI.

PHÂN THEO LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ

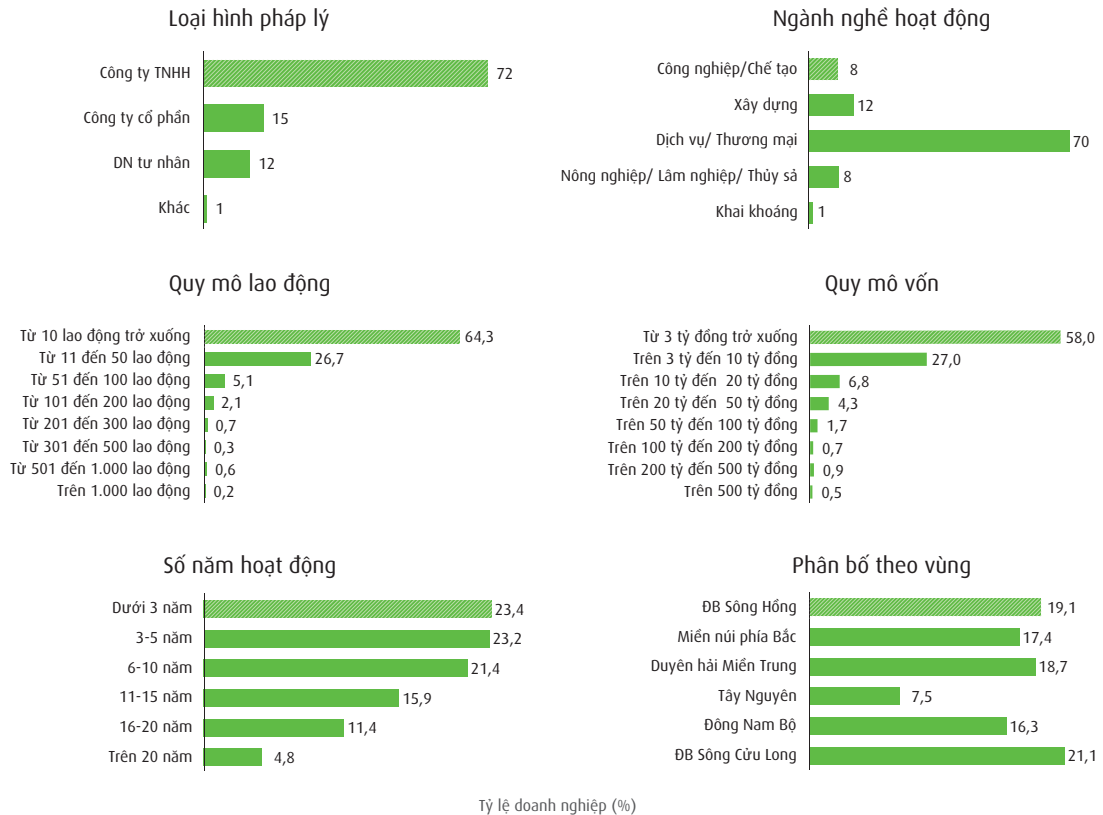
Trong số các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, phân bố theo các ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, số lượng doanh nghiệp tập trung cao nhất vẫn ở lĩnh vực Dịch vụ/thương mại (70,4%) - đây cũng là nhóm ngành chiếm đa số trong toàn bộ nền kinh tế, 12,2% trong lĩnh vực xây dựng, 7,9% trong lĩnh vực Công nghiệp/Chế tạo, 8,2% trong lĩnh vực Nông nghiệp/Lâm nghiệp/Thủy sản và chỉ có 1,3% trong lĩnh Khai khoáng.

Tỷ lệ tương ứng của các doanh nghiệp do nam làm chủ là 56,9%, 24,6%, 8,7%, 8,3% và 1,5%. Như vậy, chênh lệch vẫn diễn ra lớn nhất ở lĩnh vực xây dựng (phân bố doanh nghiệp nam nhiều hơn nữ, 24,6% so với 12,2% và hai tỷ lệ này đều cao hơn năm 2020) và thương mại/dịch vụ (nữ nhiều hơn nam, 70,4% so với 56,9%).

Lĩnh vực Nông nghiệp/lâm nghiệp/thủy sản có ít doanh nghiệp hoạt động, điều này phản ánh thực trạng hiện nay: sản xuất nông nghiệp đối mặt với nhiều rủi ro, tỷ lệ lợi nhuận thấp, quỹ đất, nguồn vốn, cơ chế chính sách cũng là những rào cản khiến doanh nghiệp ít đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp của Việt Nam chủ yếu ở quy mô nhỏ dẫn tới đất đai manh mún, phân tán; cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu. Luật Đất đai đang được sửa đổi đang hướng tới những mục tiêu nhằm góp phần giải quyết được những vấn đề này, như: Đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Hoàn thiện các quy định về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; Hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng đất nông nghiệp (ví dụ: bổ sung các quy định khuyến khích việc sử dụng đất đai có hiệu quả, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp quy mô lớn, phát triển kết cấu hạ tầng để làm tăng giá trị của đất, bổ sung quy định về tập trung, tích tụ đất đai cho sản xuất nông nghiệp...).

HÌNH 3

Đặc điểm của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đã phản hồi khảo sát



Tỷ lệ doanh nghiệp (%)

Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

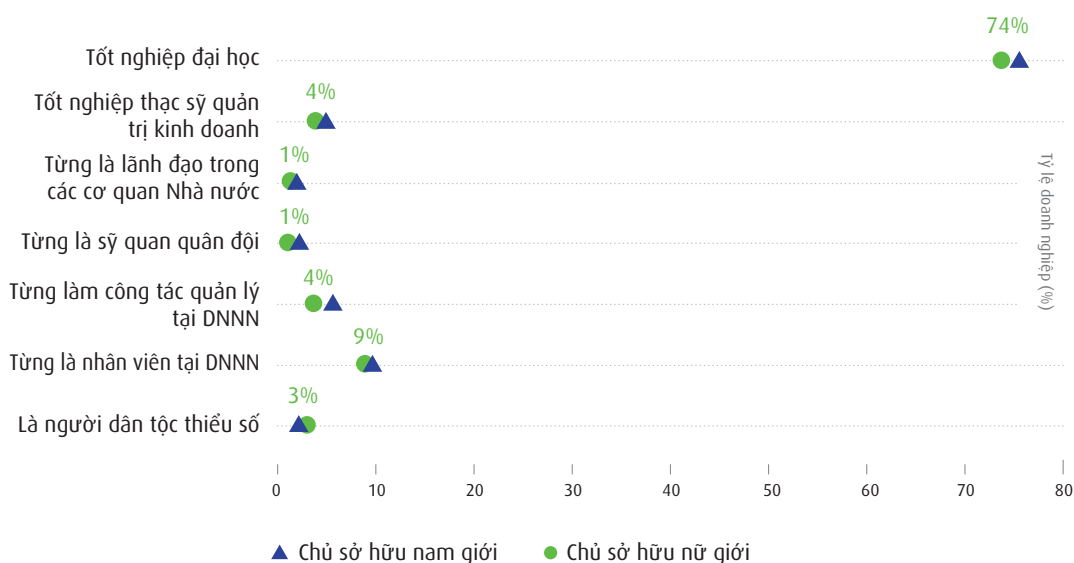
CHỦ DOANH NGHIỆP CÓ TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN CAO VÀ XUẤT THÂN ĐA DẠNG

Có tới gần 80% nữ chủ doanh nghiệp có trình độ đại học và thạc sỹ quản trị kinh doanh, cao hơn con số 72,9% ở năm 2020. Điều này tiếp tục minh chứng về những nỗ lực của phụ nữ và cải thiện đáng kể trong lĩnh vực giáo dục. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng và mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt, thì chủ doanh nghiệp có trình độ cao hơn có thể quản trị điều hành doanh nghiệp tốt hơn.

9% trong đó từng nhà nhân viên tại doanh nghiệp nhà nước (DNNN), 1% từng là lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước. Đặc biệt có 3% là người dân tộc thiểu số, đối với những truyền thống lâu đời ở các vùng dân tộc thiểu số, thì phụ nữ làm chủ doanh nghiệp đã rất mạnh mẽ để vượt qua định kiến xã hội và áp lực công việc gia đình.

HÌNH 4

Đặc điểm của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp



Nguồn: VCCI-USAID, Khảo sát PCI 2021

Tại Việt Nam, có một số chương trình hỗ trợ nâng cao quyền kinh tế của phụ nữ dân tộc thiểu số. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc của Chính phủ có thành lập “Tổ công tác 569 về hỗ trợ khởi nghiệp vùng dân tộc thiểu số” để hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số khởi nghiệp, kinh doanh và liên kết chuỗi giá trị. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.¹⁹ Trong đó có nội dung số 03 của Dự án 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên hỗ trợ cho các mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp do phụ nữ làm chủ hoặc có từ 50% trở lên số lao động là phụ nữ tham gia mô hình, các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị được hỗ trợ bằng nguồn vốn của Chương trình. Chương trình còn có một Dự án (số 8) rất ý nghĩa: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

19 Ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Bên cạnh đó có sự hỗ trợ từ các tổ chức khác bên ngoài, như Dự án "Bứt phá:Thúc đẩy tài chính toàn diện vì phụ nữ dân tộc thiểu số", do CARE Quốc tế tại Việt Nam phối hợp cùng Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và P&G phối hợp thực hiện trong 4 năm qua đã hỗ trợ phát triển sinh kế cho hơn 11.000 phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn 18 tỉnh trải dài trên cả ba khu vực Bắc-Trung-Nam của Việt Nam.

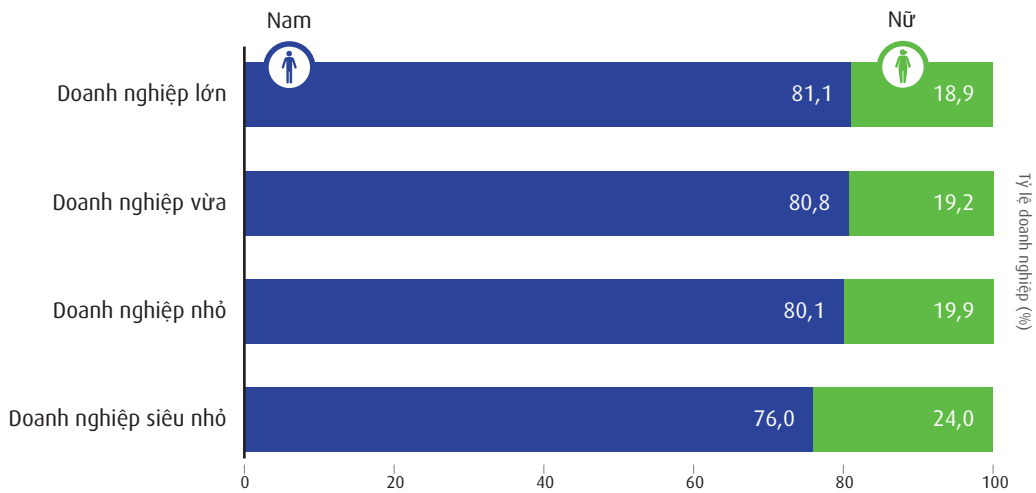
QUY MÔ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NHỎ

Xét về quy mô sử dụng lao động, qua 10 năm điều tra PCI gần đây, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chủ yếu sử dụng dưới 50 lao động. Những con số này và những số liệu về vốn kinh doanh cho thấy các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chủ yếu ở quy mô nhỏ và siêu nhỏ.

Trong đó, số doanh nghiệp có quy mô lao động ở cấp siêu nhỏ (không quá 10 người) chiếm tỷ lệ lớn nhất (24%) trong các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, sau đó tới các doanh nghiệp nhỏ, có 19,2% là doanh nghiệp vừa và 18,9% là doanh nghiệp lớn (theo tiêu chí xác định tại Nghị định 39/2018/NĐ-CP).²⁰ Thời điểm điều tra PCI 2021, Nghị định 39/2018/NĐ-CP vẫn còn hiệu lực, tuy hiện nay đã được thay thế bởi Nghị định số 80/2021/NĐ-CP²¹ nhưng tiêu chí xác định DNNVV là không thay đổi.

HÌNH 5

Quy mô lao động theo giới của chủ doanh nghiệp trong PCI 2021



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

20 Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (có hiệu lực từ ngày ký ban hành).

21 Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

QUY MÔ VỐN KHIÊM TỐN

Qua các năm, quy mô tổng số vốn kinh doanh của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ khiêm tốn và thay đổi không đáng kể. Số doanh nghiệp có vốn kinh doanh từ 3 tỷ đồng trở xuống chiếm tỷ lệ nhiều nhất (58%), từ 3 đến 10 tỷ có 27%, từ 10 đến 20 tỷ có 6,8%, từ 200 đến 500 tỷ chỉ có 0,9% tổng số doanh nghiệp trả lời và doanh nghiệp có vốn trên 500 tỷ đồng càng ít nữa, chỉ có 0,5%.

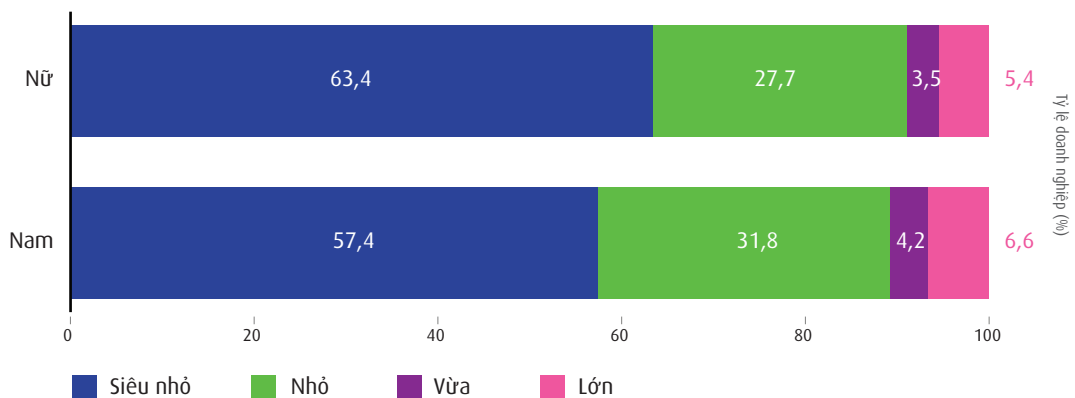
Theo số liệu thống kê của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì đến hết tháng 9 năm 2022, 226.614 trong tổng số 263.444 (tương đương 86,02%) doanh nghiệp nữ làm chủ khai báo mức vốn đăng ký từ 0 đến 5 tỷ đồng, 6,32% ở mức từ 5 đến 10 tỷ đồng, từ 50 đến 100 tỷ đồng chỉ có 2,13% và không có doanh nghiệp nào có vốn đăng ký trên 100 tỷ đồng.

CHỦ YẾU LÀ CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ SIÊU NHỎ

Xét theo từng loại quy mô doanh nghiệp, từ doanh nghiệp siêu nhỏ đến doanh nghiệp lớn qua các năm, quy mô của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phần lớn là nhỏ và siêu nhỏ. Trong đó, số doanh nghiệp có quy mô lao động ở cấp siêu nhỏ chiếm tỷ lệ lớn nhất (24%) trong các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, sau đó tới các doanh nghiệp nhỏ, có 19,2% là doanh nghiệp vừa và 18,9% là doanh nghiệp lớn.

HÌNH 6

Quy mô doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp trong PCI 2021



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Dù tính theo tiêu chí về quy mô vốn, hay quy mô sử dụng lao động, thì doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đều có quy mô nhỏ hơn doanh nghiệp do nam làm chủ. Một thực tế vẫn tồn tại là quy mô doanh nghiệp càng lớn thì tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ càng ít đi.

CHỦ YẾU XUẤT PHÁT TỪ HỘ KINH DOANH

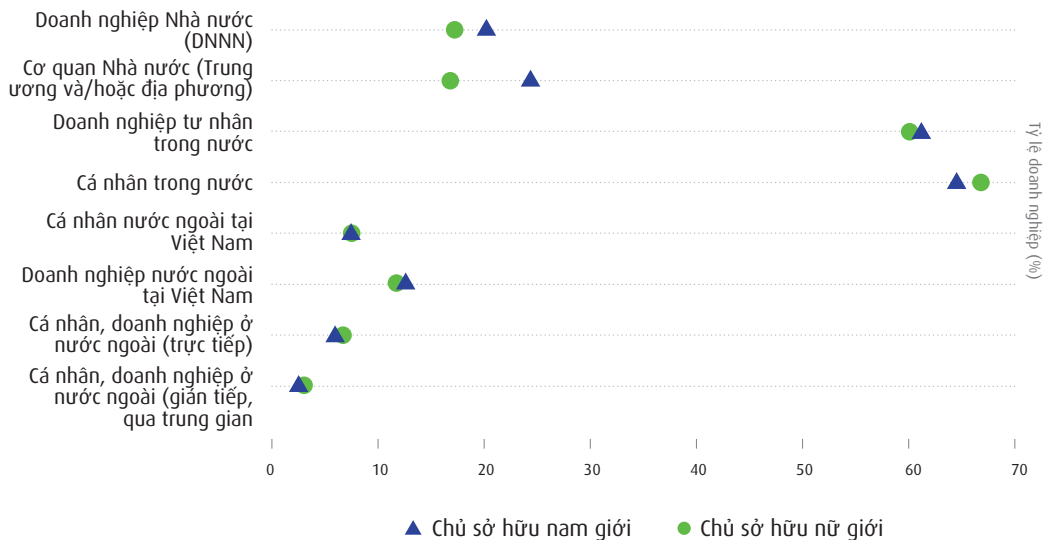
Chiếm đa số, 61,3% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ từng là hộ kinh doanh. Chỉ có 4,6% là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ DNNN địa phương, 0,5% doanh nghiệp được cổ phần hoá từ DNNN trung ương. Các loại hình khác (doanh nghiệp có cổ phần/vốn góp của Nhà nước, doanh nghiệp có niêm yết trên sàn chứng khoán) chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

KHÁCH HÀNG CHÍNH LÀ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC


Trong số các loại khách hàng của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, chiếm số đông nhất các cá nhân trong nước (66,2%), 62,8% là các doanh nghiệp tư nhân trong nước, 18,8% là các cơ quan nhà nước của Việt Nam, 15% là DNNN, các nhóm khách hàng có yếu tố nước ngoài (doanh nghiệp FDI tại Việt Nam, khách hàng trực tiếp và gián tiếp là cá nhân, doanh nghiệp ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam) có tỷ lệ dưới 13%, thể hiện ở hình trên. Như vậy, thị trường nội địa là khách hàng chính của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, điều này càng được củng cố trong bối cảnh đại dịch COVID-19, hoạt động xuất khẩu của các quốc gia trên thế giới đều bị ảnh hưởng nặng nề, các chính sách đóng cửa biên giới quốc gia cũng như hạn chế lưu thông hàng hóa, dịch vụ đã làm cho hoạt động thương mại giảm sút nghiêm trọng.

HÌNH 7

Các nhóm khách hàng của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI



Những khó khăn mà doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang phải đối mặt

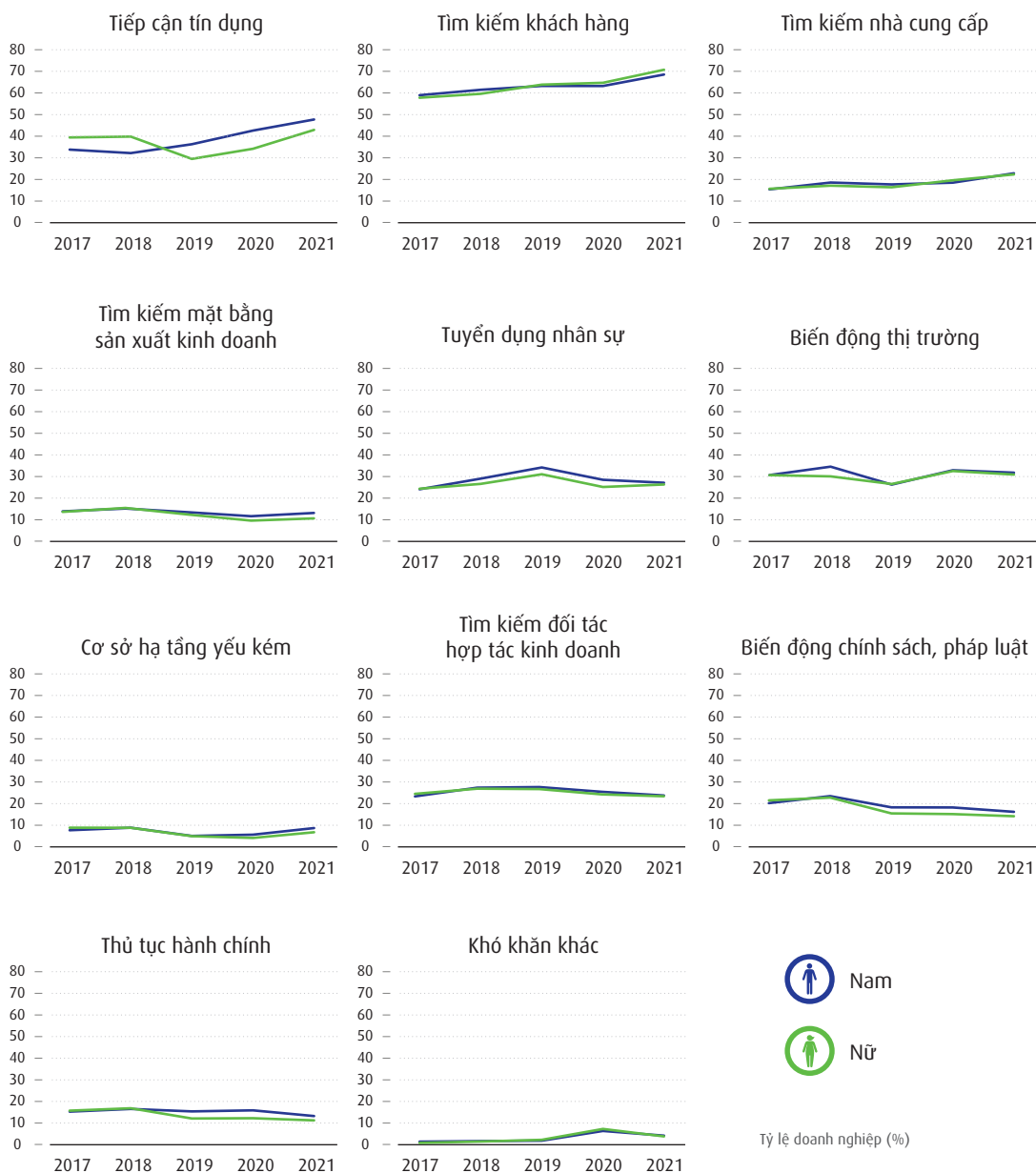
Bốn vấn đề khó khăn nhất mà các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ gặp phải là:

- 1 Tìm kiếm khách hàng;
- 2 Tìm kiếm nguồn vốn;
- 3 Biến động thị trường;
- 4 Tìm kiếm nhân sự phù hợp.

Tìm kiếm khách hàng có lẽ luôn là khó khăn lớn nhất đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ khi có tới 71% doanh nghiệp cho biết đang gặp phải, tăng so với tỷ lệ 65% ở PCI 2020. Những khó khăn này dường như càng nặng nề thêm khi 2020 và 2021, tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế - xã hội, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như doanh thu của doanh nghiệp, năm 2021, dịch bệnh COVID-19 bùng phát trở lại và lây lan ra trong cộng đồng, đặc biệt là các doanh nghiệp khi vừa vực dậy sau đợt dịch COVID-19 từ đầu năm 2020.

HÌNH 8

Doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp đang gặp phải những khó khăn gì?



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Trong bối cảnh "bình thường mới" ở năm 2021, vừa phải sống chung với dịch, vừa đảm bảo an toàn cho con người mà vẫn cần phát triển được kinh tế, tìm khách hàng để giải quyết đầu ra cho doanh nghiệp là bài toán rất khó khăn.

Hàng loạt các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương đã được ký kết là những cơ hội vàng cho Việt Nam trên con đường hội nhập, thúc đẩy các hoạt động giao thương, nâng cao kim ngạch xuất nhập khẩu, thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Đây cũng là thách thức rất lớn, khi mà việc tham gia vào các mạng sản xuất, các chuỗi cung ứng toàn cầu của doanh nghiệp Việt Nam chưa cao, do đó cần các biện pháp để tăng cường liên kết, kết nối trong và ngoài nước. Tuy nhiên, mức độ nhận biết của doanh nghiệp Việt Nam về các hiệp định thương mại tự do là khá khiêm tốn. Theo kết quả PCI 2021, CPTPP là hiệp định thương mại tự do có tỷ lệ doanh nghiệp nhận biết cao nhất (30,19%), tỷ lệ doanh nghiệp nhận biết được các hiệp định EVFTA và UKVFTA lần lượt là gần 29% và 14%. Doanh nghiệp cũng gặp phải vướng mắc trong quá trình thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến thực thi các FTA. Điều này cho thấy công tác xây dựng chính sách và hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTA cần được nâng cao hiệu quả hơn nữa.

Để vượt qua khó khăn, các doanh nghiệp cũng cần chủ động tìm cách thức để tự "cứu mình". Ví dụ, kinh doanh online là cách thức được nhiều doanh nghiệp áp dụng, triển lãm trực tuyến ứng dụng các nền tảng công nghệ vào thương mại điện tử, sự kiện hội thảo, kết nối giao thương trực tuyến...

Tiếp cận vốn, tín dụng là khó khăn lớn nhất đối với phụ nữ tham gia vào kinh doanh. Khó khăn về vốn là vấn đề "toàn cầu" của các DNNVV bất kể thuộc giới nào quản lý, tuy nhiên doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ bị ảnh hưởng lớn hơn.²² Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hầu hết là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, rất nhiều doanh nghiệp khó đáp ứng được điều kiện cho vay do không có tài sản thế chấp, tiềm lực tài chính yếu, chưa chứng minh được hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời... nên các ngân hàng rất thận trọng khi cho vay vốn để tránh nợ xấu.

Những biến động thị trường xảy ra do kinh tế thế giới và khu vực phải đối diện với những rủi ro do diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19. Căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn có thể diễn biến phức tạp hơn, rủi ro từ suy giảm thương mại toàn cầu và thiệt hại kinh tế đáng kể do dịch COVID-19 ở các đối tác thương mại chủ chốt cũng tác động lớn đến nền kinh tế Việt Nam. Biến động thị trường là vấn đề các doanh nghiệp đều lo ngại.

Đại dịch COVID-19 đã làm ngưng trệ sản xuất, doanh nghiệp thiếu việc làm, một bộ phận lao động phải nghỉ việc, một bộ phận làm việc bán thời gian. Thị trường lao động bị chia cắt cục bộ giữa các vùng, các địa phương, làm mất cân đối cung cầu lao động, lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ còn thấp cũng là nguyên nhân gây ra khó khăn cho các doanh nghiệp khi tìm kiếm nhân sự phù hợp.

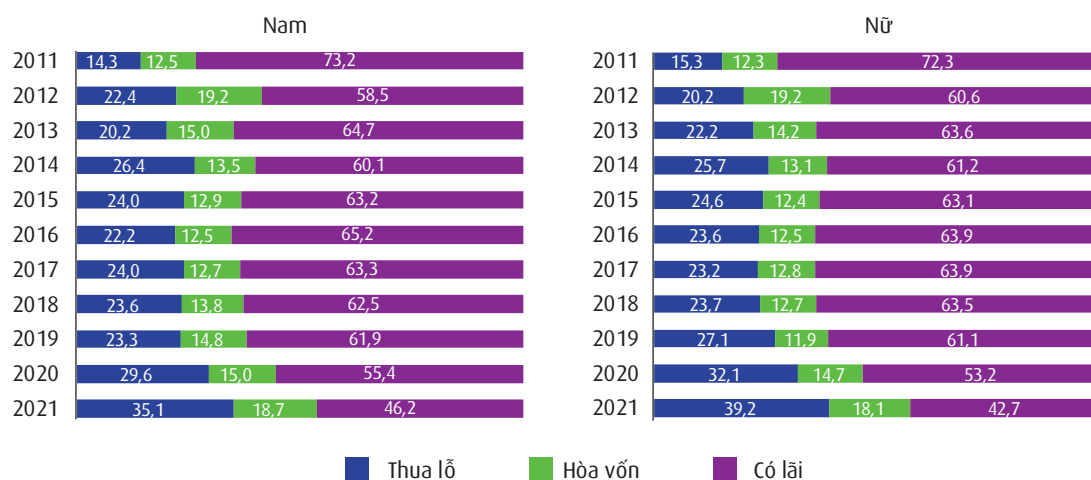
22 <https://www.worldbank.org/en/results/2013/04/01/banking-on-women-extending-womens-access-to-financial-services>

Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Tỷ lệ doanh nghiệp có lãi giảm, tỷ lệ doanh nghiệp bị thua lỗ tăng thể hiện kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ảm đạm hơn trong ba năm gần đây. Năm 2019, có 61,1% doanh nghiệp kinh doanh có lãi, 27,1% bị thua lỗ, nhưng sang 2020, tỷ lệ có lãi giảm hẳn (chỉ còn 53,2%), thêm vào đó, tỷ lệ bị thua lỗ tăng lên (32,1%). Năm 2021, con số này tương ứng là 42,7% và tỷ lệ thua lỗ tăng mạnh lên mức 39,2%. Số liệu này là một biểu hiện rất rõ ràng của hai năm cả cộng đồng doanh nghiệp phải chịu tác động nặng nề tăng dần của COVID-19.

HÌNH 9

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp qua các năm điều tra PCI

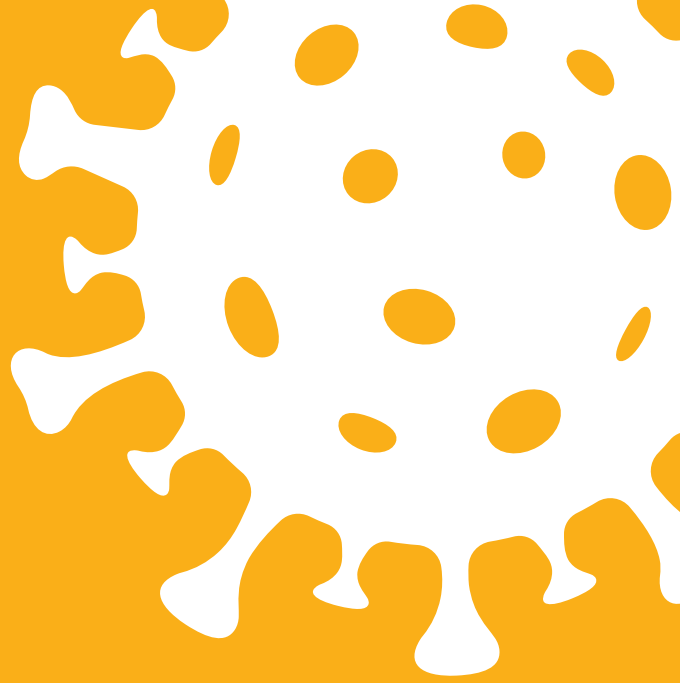


Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Điều đáng chú ý, năm 2019 là năm chưa bị tác động bởi dịch COVID-19, kết quả kinh doanh có giảm sút so với năm trước đó, chứng tỏ các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ gặp nhiều khó khăn trở ngại hơn, trong đó có tác động không nhỏ của môi trường kinh doanh.

Không chỉ suy giảm theo thời gian, mà trong mối tương quan so sánh với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ cũng cho thấy kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp do nữ giới làm chủ có phần kém hơn trong bốn năm trở lại đây. Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ có lãi thấp hơn và tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ thua lỗ cao hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ.





MÔI TRƯỜNG KINH DOANH DƯỚI GÓC NHÌN CỦA DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

Đánh giá chung	49
Những cản trở lớn nhất cần được cải thiện	52

Việc đánh giá về môi trường kinh doanh trong phần này dựa trên dữ liệu của Dự án PCI - chỉ số đánh giá về chất lượng điều hành cấp tỉnh dưới góc nhìn của các doanh nghiệp tư nhân, phản ánh mức độ thuận lợi của môi trường kinh doanh địa phương với 10 chỉ số thành phần như đã đề cập ở phần Phương pháp và Phạm vi nghiên cứu trong phần Giới thiệu chung của Báo cáo này.

Kết quả PCI trong đánh giá này là dựa trên đánh giá điểm số ở cấp độ doanh nghiệp trong năm điều tra gần nhất đã công bố (PCI 2021) và có so sánh với số liệu của PCI 2020 (được sử dụng trong Báo cáo công bố năm 2021 của Chương trình Aus4Reform). Điểm số chỉ số PCI chung và các chỉ số thành phần trong Báo cáo này, do vậy có thể khác với kết quả PCI đã công bố, vì kết quả đánh giá trong Báo cáo PCI là dữ liệu ở cấp tỉnh và so sánh theo thời gian từ 2006 đến 2021.

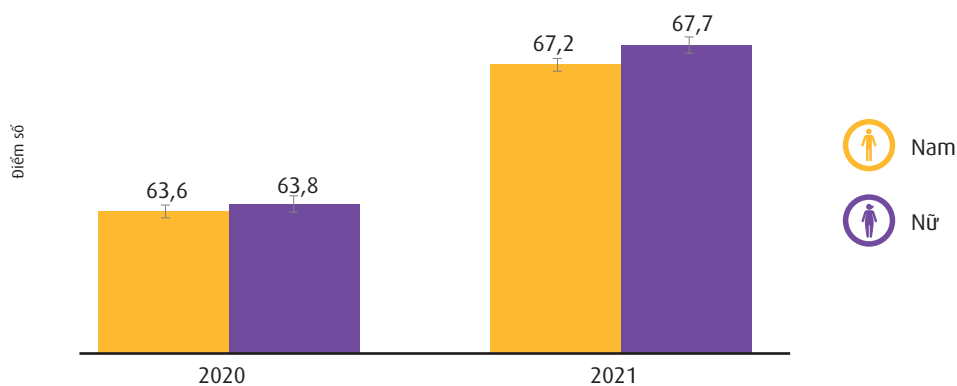
Đánh giá chung

Về tổng quan, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nhìn nhận về môi trường kinh doanh năm 2021 ở mức trung bình khá (67,75 điểm/100), có cải thiện nhẹ so với năm 2020 (63,8 điểm/100). Trong bối cảnh toàn bộ nền kinh tế gặp khó khăn, thì đánh giá này của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chứng tỏ các lĩnh vực điều hành kinh tế địa phương nói chung đã có chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, dù có cải thiện nhẹ, thì chất lượng môi trường kinh doanh đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ vẫn chỉ được đánh giá ở mức trung bình khá.

HÌNH 10

Đánh giá tổng quan môi trường kinh doanh từ doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp

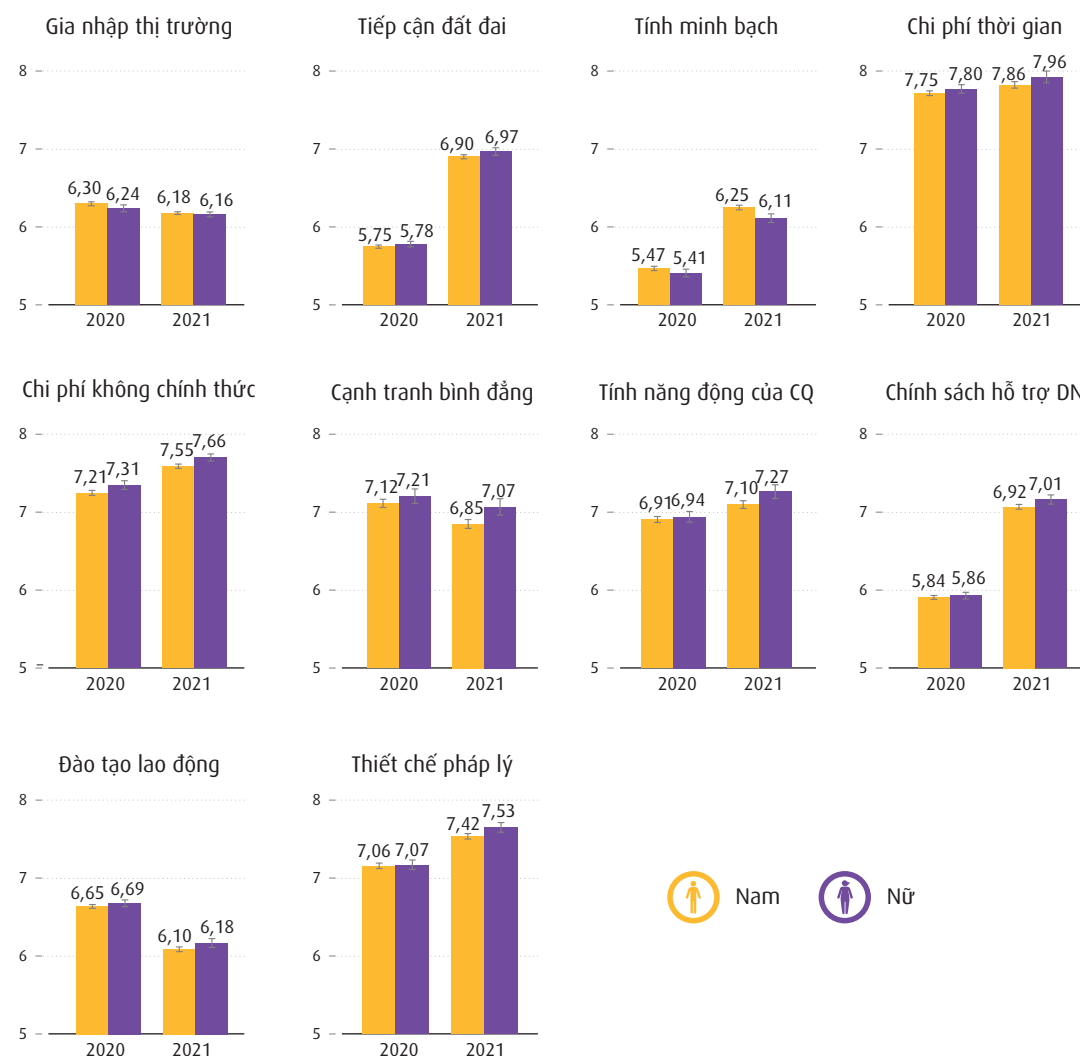


Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Một điều đáng chú ý là, trong các báo cáo VCCI đã thực hiện trong Chương trình Aus4Reform, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nhìn nhận về môi trường kinh doanh luôn tích cực hơn doanh nghiệp do nam giới làm chủ. Khoảng cách chênh lệch này ở năm 2020 là 0,2 điểm và ở năm 2021 là 0,5 điểm. Như vậy, các doanh nghiệp do nữ giới làm chủ đã nắm bắt các cơ hội thông qua các biện pháp cải thiện môi trường kinh doanh vì tất cả các chính sách đều trung tính về giới.

HÌNH 11

Chuyển biến trong các lĩnh vực điều hành kinh tế tại các địa phương (so sánh giữa PCI 2020 và 2021)



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Các biểu đồ trên cho thấy, mặc dù trong bối cảnh phải dồn tối đa nguồn lực cho phòng, chống COVID-19 và phục hồi kinh tế, các doanh nghiệp phản hồi đánh giá sáng sủa đối với hầu hết trong số 10 chỉ số thành phần của môi trường kinh doanh. Theo đó, có 7 trong số 10 chỉ số đều có cải thiện so với PCI 2020. Trước đó, trong so sánh giữa năm 2020 và 2018, có ba chỉ số không có cải thiện là: Tiếp cận đất đai; Tính minh bạch; Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Đến PCI 2021, ba chỉ số này đều được cải thiện và có ba Chỉ số giảm điểm là Gia nhập thị trường, Cạnh tranh bình đẳng và Đào tạo lao động.

Bốn chỉ số có điểm thấp nhất, ở mức trung bình khá là:



So sánh giữa hai nhóm doanh nghiệp do nam giới và nữ giới làm chủ cũng cho thấy sự khác biệt khi đánh giá môi trường đầu tư kinh doanh. Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có đánh giá tích cực hơn ở hầu hết các lĩnh vực, nhưng lại đánh giá tiêu cực hơn ở Tính minh bạch và gia nhập thị trường, thực trạng ở PCI 2021 giống như PCI 2020.

Những cản trở lớn nhất cần được cải thiện

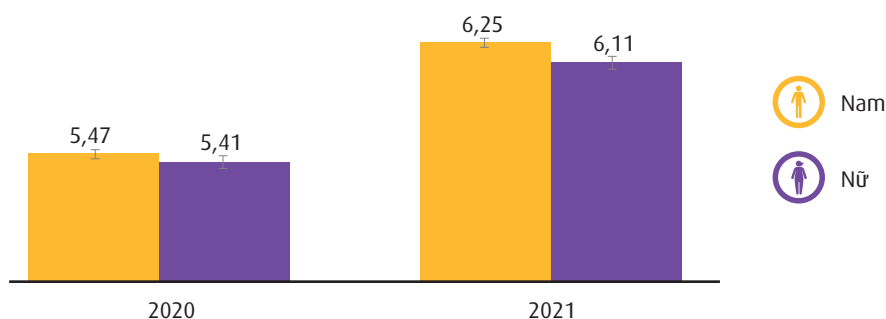
TÍNH MINH BẠCH CỦA MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

PCI đánh giá các nội dung chính:

- Khả năng tiếp cận²³ của doanh nghiệp tới các tài liệu của cơ quan nhà nước trong tỉnh (tài liệu pháp lý, tài liệu về quy hoạch);
- Việc cần có mối quan hệ với cơ quan nhà nước để tiếp cận các thông tin, tài liệu;
- Việc truy cập website của chính quyền tỉnh, thành phố; thông tin trên website về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh, về các quy định về thủ tục hành chính, về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh;
- Việc dự đoán được những thay đổi ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Tính minh bạch trong đấu thầu;
- Việc tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của địa phương (vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh).

HÌNH 12

Đánh giá của doanh nghiệp về mức độ minh bạch của môi trường kinh doanh theo giới của chủ doanh nghiệp



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

²³ Với các mức độ: Rất dễ; Tương đối dễ; Có thể tiếp cận; Có thể, nhưng khó và Không thể tiếp cận

Theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, có 15 loại thông tin phải được công khai,²⁴ trong đó có: văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL); văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; Dự thảo VBQPPL theo quy định của pháp luật về ban hành VBQPPL; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân; Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước; Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn và một số loại thông tin khác.

Việc đánh giá các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đánh giá chỉ số này còn thấp chứng tỏ việc công khai thông tin cần được chú trọng cải thiện, đặc biệt là việc dự đoán được những thay đổi chính sách pháp luật mà có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và dự liệu được việc chính quyền địa phương thực thi các quy định pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp trung ương ban hành. Việc các hiệp hội đại diện cho tiếng nói của doanh nghiệp ít được tham gia, hoặc không được lắng nghe ý kiến trong quá trình hoạch định chính sách có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của các quy định đứng ra phải thân thiện, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và có lồng ghép giới.

Cổng thông tin hỗ trợ DNNVV quốc gia (do Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm²⁵) đã được quy định trong Luật Hỗ trợ DNNVV và trong Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.²⁶ Cổng thông tin này sẽ hỗ trợ doanh nghiệp tham gia tương tác, tìm kiếm và tiếp cận một cách toàn diện các chương trình, dịch vụ hỗ trợ cho các doanh nghiệp. Cho đến thời điểm hiện nay, Cổng thông tin này đã đăng tải thông tin các chương trình hỗ trợ cấp trung ương, cấp địa phương (hỗ trợ chung, hỗ trợ trọng tâm) thể hiện ở các văn bản pháp luật, tuy nhiên dữ liệu còn hạn chế, thiếu các dịch vụ tiện ích trên Cổng như thống kê về DNNVV, phân tích ngành, cơ hội đấu thầu hàng hóa, dịch vụ công, mua sắm... Điều này ảnh hưởng lớn đến việc tiếp cận thông tin của doanh nghiệp cần hỗ trợ và cả việc duy trì cơ chế phối hợp cung cấp thông tin giữa Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp quốc gia và các cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh, làm giảm hiệu quả hỗ trợ DNNVV.

24 Quy định tại Điều 17 của Luật Tiếp cận thông tin, ban hành ngày 06 tháng 4 năm 2016 và có hiệu lực từ 01 tháng 7 năm 2018.

25 Có địa chỉ tại <https://business.gov.vn/ho-tro-sme>

26 Ban hành ngày 15 tháng 6 năm 2018 về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG

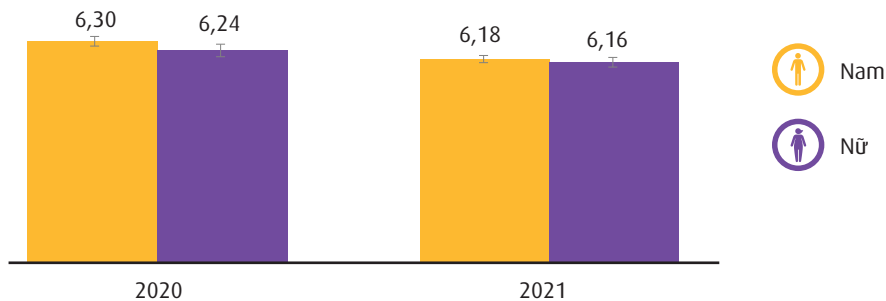
Chỉ số thành phần này cũng được đánh giá không cao, là một trong ba chỉ số có điểm thấp nhất trong 10 chỉ số được đánh giá và giảm điểm so với PCI 2020. Ở PCI 2021, chỉ số này chỉ đạt 6,16 điểm từ đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và 6,18 điểm từ các doanh nghiệp do nam giới làm chủ, trong khi ở với PCI 2020 tương ứng là 6,24 và 6,30.

Gia nhập thị trường vẫn là vấn đề có vướng mắc thể hiện trong số liệu điều tra PCI. PCI 2021 đánh giá chỉ số Gia nhập thị trường ở ba chiều cạnh:

- Thủ tục đăng ký doanh nghiệp;
- Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện;
- Gánh nặng Chi phí Gia nhập thị trường chung.

HÌNH 13

Điểm số Gia nhập thị trường theo giới của chủ doanh nghiệp



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

PCI 2021 đánh giá các nội dung chi tiết như:

- Số ngày đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN);
- Tỷ lệ % doanh nghiệp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên
- Số ngày thay đổi ĐKDN;
- Đánh giá quá trình thực hiện thủ tục ĐKDN hoặc thay đổi ĐKDN (tỷ lệ doanh nghiệp làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới...);
- Các loại giấy phép ngoài giấy chứng nhận ĐKDN, tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn khi xin các giấy phép;
- Khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp;
- Doanh nghiệp có phải phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục ĐKDN hay sửa đổi ĐKDN, đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện;
- Thời gian chờ đợi để nhận được tất cả các giấy tờ cần thiết để chính thức đi vào hoạt động.

Với những nội dung trên, nhìn chung các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và doanh nghiệp do nam giới làm chủ đều đánh giá việc gia nhập thị trường còn nhiều khó khăn.

Báo cáo "Rà soát VBQPPL quy định về điều kiện gia nhập thị trường, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp" ngày 30 tháng 6 năm 2020 của VCCI²⁷ cho thấy có rất nhiều quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển. Báo cáo đề xuất sửa đổi, bổ sung 92 văn bản trong đó có sửa đổi, bãi bỏ một loạt điều kiện kinh doanh, sửa đổi hồ sơ, quy trình thủ tục cấp giấy phép để giảm bớt gánh nặng cho cả doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.

Báo cáo Chỉ số tuân thủ TTHC (APCI) 2021 của Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ cho thấy, về nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp, Chuẩn bị hồ sơ là bước chiếm nhiều thời gian nhất, chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ trong nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp cũng là một vấn đề mà nhiều doanh nghiệp gặp phải. Thời gian thực hiện TTHC giảm đáng kể đối với nhóm TTHC về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, thời gian thực hiện TTHC giảm đáng kể. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp phản ánh hướng dẫn trên cổng thông tin của các cơ quan nhà nước về thành phần hồ sơ còn chưa được cập nhật hoặc còn khó hiểu; hoặc cán bộ có thái độ chưa thân thiện, chưa làm việc đúng giờ, hoặc chưa nắm vững chuyên môn, chưa hướng dẫn được người dân khi thực hiện thủ tục lần đầu. Từ đó khiến người dân mất nhiều thời gian chờ đợi cũng như chuẩn bị hồ sơ hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ tại các bước sau. Vẫn còn doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức.

Như vậy, thủ tục thành lập doanh nghiệp, khởi sự kinh doanh dù đã có nhiều cải thiện nhưng vẫn còn chưa thực sự thuận lợi, còn tồn kém về thời gian và chi phí. Thúc đẩy điện tử hóa đã và đang một yêu cầu tất yếu trong xu hướng cải cách TTHC tại Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh dịch COVID-19 vẫn còn diễn biến phức tạp ở nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước và tiếp tục cần được đẩy mạnh.

27 VCCI là trưởng nhóm rà soát văn bản chuyên đề số 1 "rà soát quy định pháp luật về điều kiện gia nhập thị trường, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã)" trong khuôn khổ hoạt động của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL.

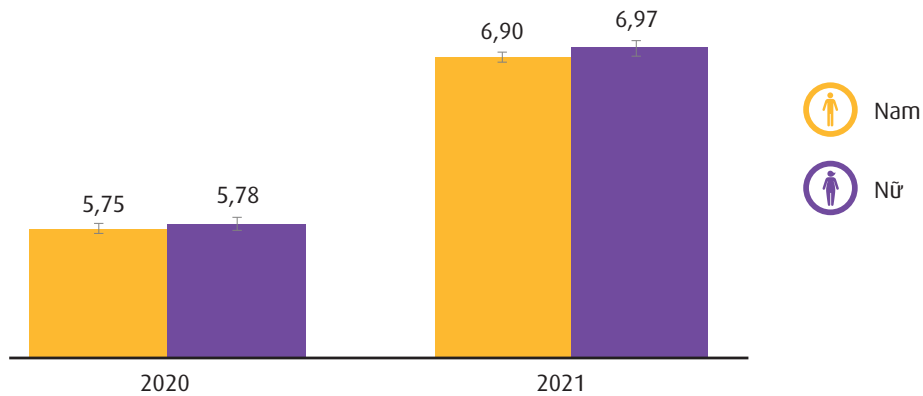
TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI CHƯA THUẬN LỢI

Tiếp cận đất đai và duy trì sự ổn định trong quá trình sử dụng đất để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh luôn là điều doanh nghiệp mong muốn, với các doanh nghiệp nhỏ thì đây là vấn đề rất khó khăn khi nguồn lực tài chính có hạn.

Theo đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, TTHC đất đai hiện nay theo đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ vẫn còn nhiều khó khăn, cản trở. Việc này ảnh hưởng rất lớn tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

HÌNH 14

Đánh giá về Tiếp cận đất đai theo giới của chủ doanh nghiệp



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

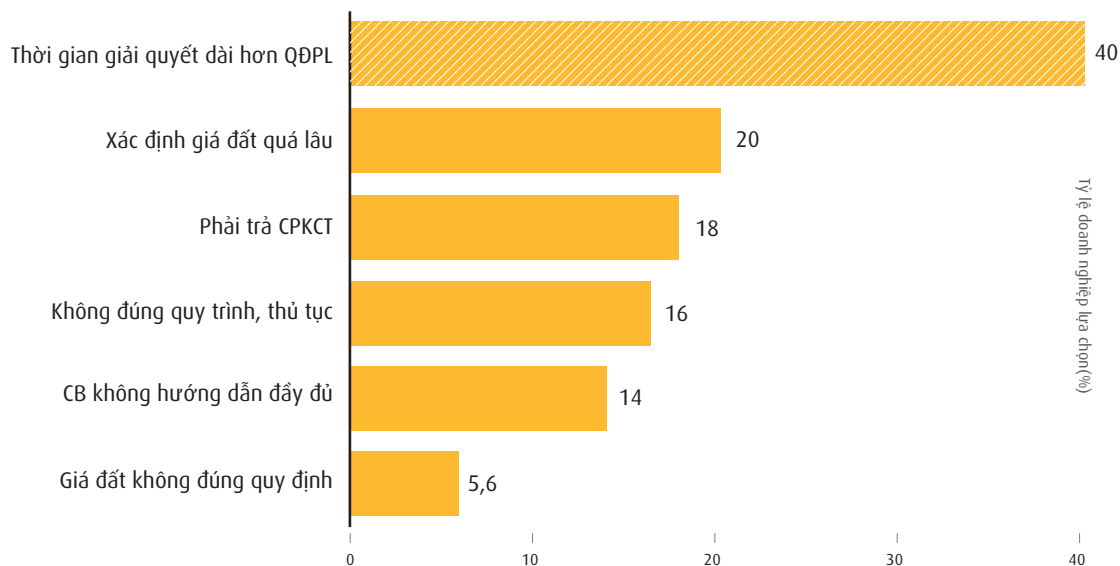
PCI 2021 đánh giá Tiếp cận đất đai theo 3 chiều cạnh:

- Tiếp cận đất đai;
- Tính ổn định trong sử dụng đất;
- Khó khăn trong giao dịch đất đai.

Cơ sở dữ liệu về đất đai ở một số địa phương chưa được xây dựng đầy đủ, phần mềm một cửa điện tử chưa liên thông được hết các cơ quan, chưa liên thông được với cơ quan thuế trong thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính, nên chưa thực sự hiệu quả. Có nơi, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tình, do chỉ có một địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trên toàn tỉnh nên gây tốn kém về thời gian, chi phí đi lại của người dân. Nhiều dự án thu hồi giải phóng mặt bằng đã thực hiện trước đây nhưng các tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng không thực hiện chuyển hồ sơ và giấy chứng nhận đến văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý giấy chứng nhận, người sử dụng đất đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận kèm theo hồ sơ thu hồi phần thửa đất thì hồ sơ không đồng nhất.

HÌNH 15

Khó khăn của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong thực hiện TTHC đất đai



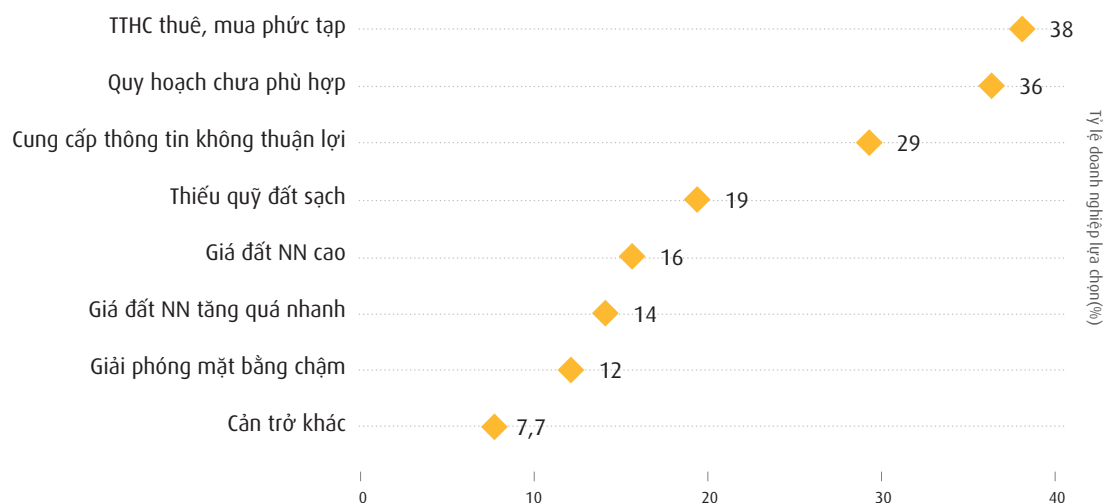
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Trong chỉ số tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất, có 40% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trả lời khảo sát cho rằng, thời gian giải quyết thủ tục dài hơn thời hạn theo quy định của pháp luật, 20% cho rằng việc xác định giá đất quá lâu, có tới 18% cho rằng phải trả chi phí không chính thức.

Báo cáo Chỉ số tuân thủ TTHC (APCI) 2021 của Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ cũng đưa ra số liệu cho thấy, so sánh với các năm trước, thời gian Chuẩn bị hồ sơ cho các TTHC về Đất đai có xu hướng ngày càng kéo dài hơn, cụ thể ở các khảo sát APCI năm 2019, và APCI 2020 thời gian này lần lượt là 6,5 giờ và 9,2 giờ. Thời gian Chuẩn bị hồ sơ ở APCI 2021 gấp từ 2 đến 3 lần so với các năm trước đây. Chi phí không chính thức trong quá trình thực hiện TTHC Đất đai được ghi nhận ở 12,7% doanh nghiệp, phát sinh trong các khâu Làm việc với UBND địa phương, đo đạc địa chính, Khảo sát thực địa. Có sự thay đổi đáng kể về tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức đối với nhóm TTHC về Đất đai so với các năm trước đây (APCI 2019: là 9%, APCI 2020: là 5,2%).

HÌNH 16

Khó khăn của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong mở rộng mặt bằng kinh doanh



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Những phiền hà của thủ tục đất đai (TTHC thuê, mua phức tạp) là trở ngại lớn nhất khi doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ muốn mở rộng mặt bằng kinh doanh, có tới 38% doanh nghiệp trả lời có gặp vướng mắc này, quy hoạch đất đai của tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của doanh nghiệp, việc cung cấp thông tin không thuận lợi là những trở ngại lớn.

Giá đất cao cũng là một trở ngại không nhỏ, việc tăng bảng giá đất làm tăng chi phí đối với doanh nghiệp đang thuê đất, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh. Công tác giải phóng mặt bằng chậm; địa phương có tình trạng thiếu quỹ đất sạch và một số lý do khác cũng dẫn đến nhiều doanh nghiệp phải trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh.

Thủ tướng đã ban hành Quyết định 2178/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 phê duyệt Đề án “Hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương”. Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai gồm 4 cơ sở dữ liệu: Dữ liệu Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Dữ liệu Giá đất; Dữ liệu điều tra cơ bản về đất đai; Dữ liệu địa chính Trung ương. Tổng cục Quản lý đất đai sẽ tham mưu cho Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các địa phương tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về "Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao" đã đặt ra mục tiêu đến năm 2023 phải hoàn thành sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 và một số luật liên quan, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất. Đến năm 2025 hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông. Như vậy, TTHC và tính minh bạch trong lĩnh vực đất đai được kỳ vọng sẽ được cải thiện.

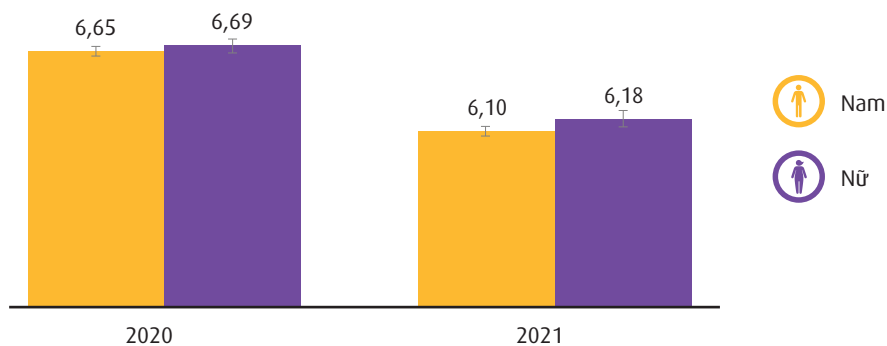
ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG

Trong chỉ số này, PCI 2021 đề nghị các doanh nghiệp đánh giá về:

- Dịch vụ do các cơ quan nhà nước tại địa phương cung cấp (giáo dục phổ thông, dạy nghề);
- Chi phí doanh nghiệp dành cho đào tạo và tuyển dụng lao động;
- Tuyển dụng lao động, chất lượng lao động (tốt nghiệp cơ sở giáo dục nghề nghiệp, lao động đáp ứng nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp...).

HÌNH 17

Đánh giá về Đào tạo lao động theo giới của chủ doanh nghiệp



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có đánh giá về chất lượng đào tạo lao động ở địa phương tích cực hơn doanh nghiệp do nam làm chủ, tuy nhiên điểm số giảm so với PCI 2020.

Đại dịch COVID-19 đã làm cho kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại, hoạt động sản xuất - kinh doanh trong nhiều lĩnh vực bị đứt gãy, đình trệ; tình hình lao động, việc làm, đời sống của người lao động bị ảnh hưởng tiêu cực. Trong đó, nguồn cung lao động bị suy giảm nghiêm trọng, số lao động có việc làm giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm qua. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên giảm mạnh, trong khi tỷ lệ lao động thiếu việc làm, thất nghiệp tăng cao. Đặc biệt, tiền lương, thu nhập của người lao động giảm, đời sống của người lao động khó khăn.

Nhu cầu về lao động của các doanh nghiệp là rất lớn. Trong khuôn khổ Diễn đàn Kinh tế Việt Nam lần thứ 4 tổ chức tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 05/6/2022, hội thảo chuyên đề 1 với chủ đề "Phát triển chuỗi cung ứng lao động ổn định sau đại dịch COVID-19" cho thấy sau đại dịch, người lao động trở lại các thành phố lớn làm việc nhưng nguồn cung chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của các doanh nghiệp, nhất là đối với lao động có trình độ chuyên môn cao.

Tại Hội nghị "Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, bền vững và hội nhập" tổ chức ngày 20/8/2022 vừa qua do Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì,²⁸ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã có báo cáo nhận định: Thị trường lao động chưa theo kịp được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, chưa thích ứng đầy đủ được với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; Thể chế phát triển thị trường lao động còn bất cập; Giáo dục - đào tạo chưa đáp ứng đầy đủ được yêu cầu nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đào tạo nhân lực chất lượng cao, ngành nghề mới, kỹ năng nghề tương lai phục vụ phát triển kinh tế-xã hội và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hội nhập quốc tế. Việc gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, huy động nguồn lực đầu tư còn hạn chế. Cơ cấu thị trường lao động còn chưa hợp lý, chưa hiệu quả...

Ở các địa phương, trong năm 2020, 2021, nguồn lực tập trung dồn cho phòng, chống dịch nên có thể hoạt động đào tạo lao động chưa được quan tâm.

28 <https://baochinhphu.vn/thu-tuong-chu-tri-hoi-nghi-phat-trien-thi-truong-lao-dong-linh-hoat-hien-dai-ben-vung-va-hoi-nhap-102220821081825447.htm>

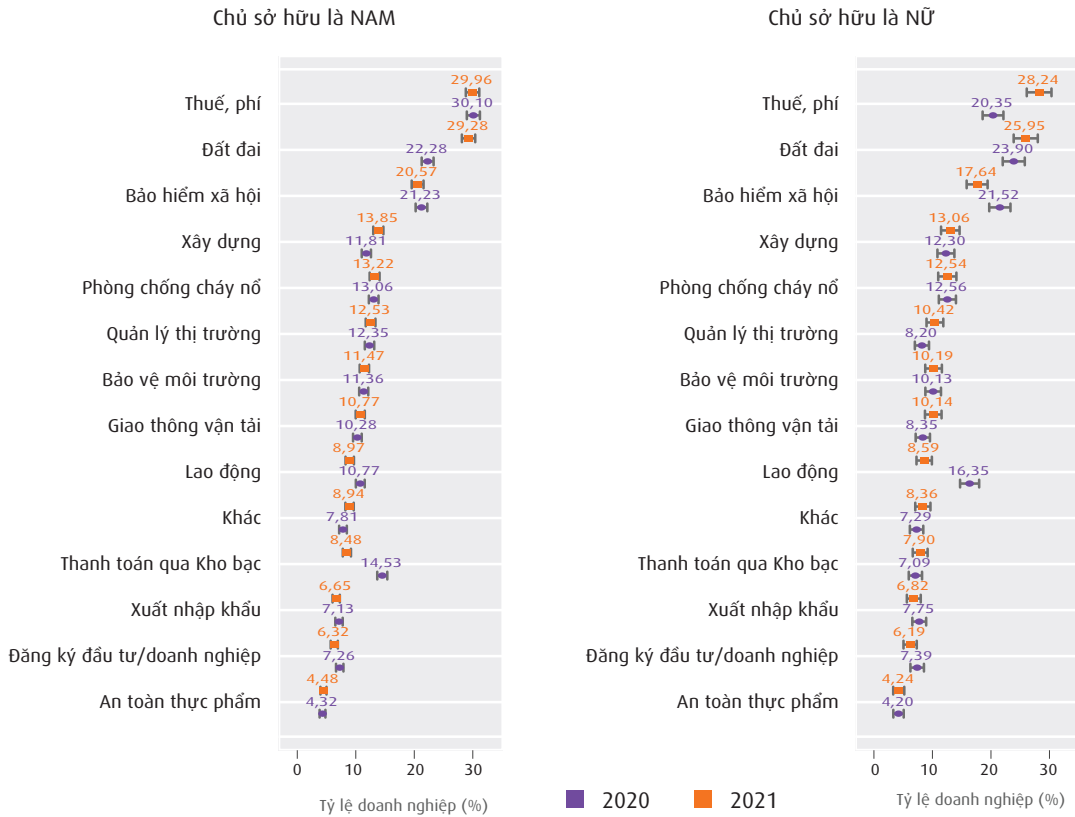
TTHC TRONG NHIỀU LĨNH VỰC CÒN PHIÊN HÀ

Một số lĩnh vực TTHC đã được cải thiện tích cực, cụ thể là đăng ký đầu tư, bảo hiểm xã hội, lao động, xuất nhập khẩu, tuy nhiên phần lớn vẫn bị các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đánh giá phiến hà hơn. Mặc dù đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tích cực hơn các doanh nghiệp do nam làm chủ, nhưng các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cho biết còn nhiều phiến hà trong 14 lĩnh vực mà doanh nghiệp thường phải thực hiện nhiều TTHC nhất. Trong hai năm điều tra PCI mới đây nhất là 2020 và 2021, thì thuế, đất đai, và bảo hiểm xã hội vẫn là ba lĩnh vực có TTHC phiến hà nhất, đây cũng là những TTHC mà gần như tất cả các doanh nghiệp phải thực hiện.

Thủ tục về thuế, phí bị đánh giá là phiến hà nhất. Mặc dù có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn có tới 28,24% các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trả lời có phiến hà trong thủ tục này. Thủ tục miễn giảm thuế và hoàn thuế được các doanh nghiệp phản ánh là hai vấn đề khó khăn nhất đối với doanh nghiệp. Vấn đề đáng suy nghĩ ở đây là, "nộp" thuế thì dễ nhưng hoàn hay miễn giảm lại khó. Trong bối cảnh Chính phủ có nhiều biện pháp hỗ trợ về vốn, thuế, phí, các khoản vay để doanh nghiệp phục hồi sản xuất, kinh doanh, thì thủ tục phiến hà sẽ làm giảm hiệu quả các chính sách hỗ trợ và doanh nghiệp đang gặp khó khăn rất khó được hưởng. Bộ Tài chính cũng như Tổng cục Thuế đã nỗ lực không ngừng trong cải cách TTHC, hiện đại hóa phương thức quản lý thuế nhằm cải cách TTHC cắt giảm thời gian và chi phí, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp và người dân khi làm các thủ tục về thuế.

HÌNH 18

TTHC trong một số lĩnh vực có nhiều phiền hà đối với doanh nghiệp



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Cùng với thuế, phí, đất đai, giải phóng mặt bằng cũng là các thủ tục có tỷ lệ đánh giá là phiền hà tăng lên trong so sánh giữa PCI 2021 và PCI 2020. Đánh giá này tương đồng với nhận định của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về khó khăn trong việc tiếp cận đất đai đã phân tích ở phần trên. TTHC đất đai phiền hà do thời gian giải quyết hồ sơ kéo dài, doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức khi làm TTHC, các công chức nhận hồ sơ chưa làm tròn trách nhiệm trong thực thi công vụ và một số yếu tố khác đã thể hiện ở phần trên.

Trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, dù được đánh giá tích cực hơn, nhưng đây vẫn là một trong ba thủ tục phiền hà nhất. Trong ứng phó với COVID-19, Nhà nước đã có nhóm chính sách về an sinh xã hội, trong đó có giảm mức đóng bảo hiểm xã hội, hỗ trợ đào tạo và cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp, tổ chức để giữ chân người lao động, trả lương phục hồi sản xuất. TTHC còn phiền hà cũng làm giảm hiệu quả của các chính sách hỗ trợ.





COVID-19: TÁC ĐỘNG, ỨNG PHÓ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ VÀ CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ

Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	67
Các khó khăn chính gây ra bởi dịch COVID-19 đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	73
Tác động của COVID-19 lên doanh thu của doanh nghiệp	74
Tác động đến lao động trong doanh nghiệp.....	77
Triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	79
Biện pháp ứng phó của doanh nghiệp	81
Đánh giá của doanh nghiệp về các biện pháp ứng phó của chính quyền.....	85
Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khủng hoảng	90

Khảo sát PCI của VCCI và USAID hai năm gần đây có dành một phần để tìm hiểu thêm tác động của COVID-19 đến các doanh nghiệp tại Việt Nam cũng như đánh giá sự ứng phó của chính quyền đối với đại dịch này, gồm các nội dung chính sau:

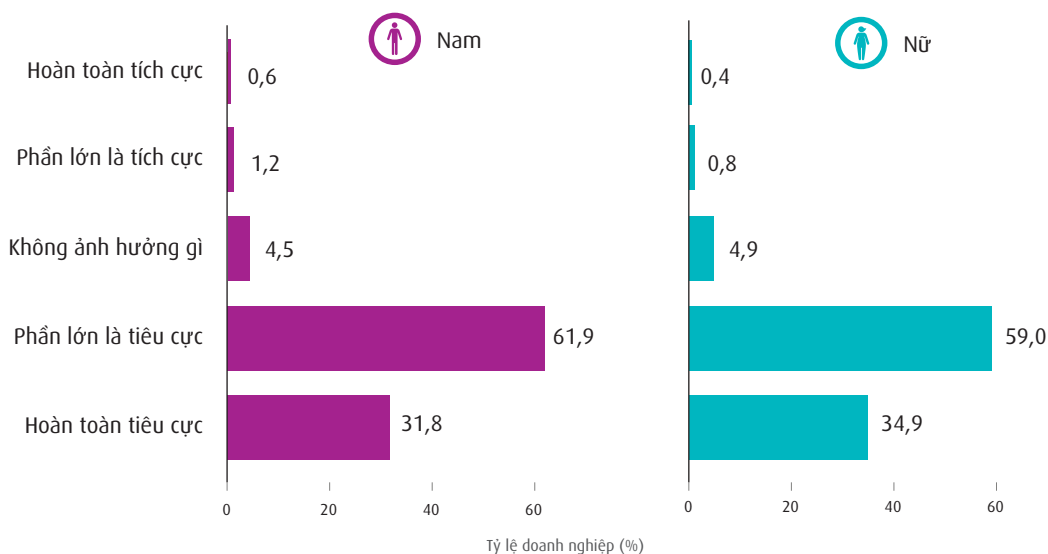
- COVID-19 ảnh hưởng như thế nào đến doanh nghiệp;
- Doanh nghiệp đã phải cho thôi việc bao nhiêu người lao động do tình hình kinh doanh suy giảm gây ra bởi dịch bệnh COVID-19;
- Doanh nghiệp ứng phó với các trường hợp rủi ro có thể gây gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh, như các đợt bùng phát dịch COVID-19;
- Việc sử dụng tự động hóa trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Hướng dẫn của chính quyền tỉnh/thành phố để doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh, để doanh nghiệp tiếp cận hiệu quả các gói hỗ trợ;
- Đánh giá về các biện pháp hạn chế nhằm ứng phó dịch bệnh của Chính phủ.

Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Cũng như khắp nơi trên toàn cầu, đại dịch COVID-19 tác động nghiêm trọng tới các doanh nghiệp Việt Nam. Các doanh nghiệp được đề nghị cho biết dịch COVID-19 có ảnh hưởng như thế nào đến doanh nghiệp, với 5 mức độ để các doanh nghiệp lựa chọn, là: (1) Hoàn toàn tích cực; (2) Phần lớn là tích cực; (3) Không ảnh hưởng gì; (4) Phần lớn là tiêu cực; và (6) Hoàn toàn tiêu cực.

HÌNH 19

Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp theo đặc điểm giới của chủ doanh nghiệp



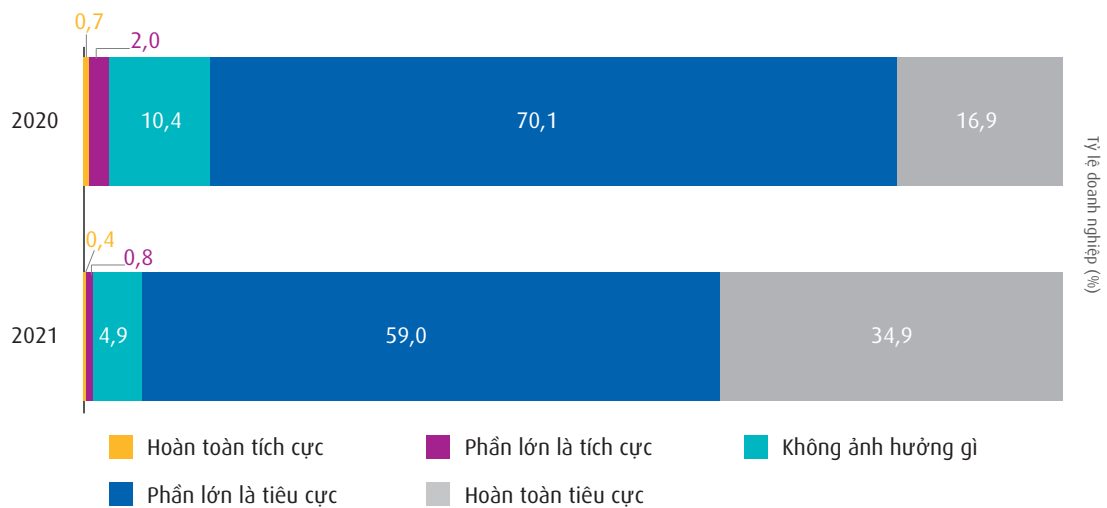
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Năm 2021, hầu hết (93,9%) các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trả lời là bị ảnh hưởng tiêu cực, gần tương đương với số doanh nghiệp do nam giới làm chủ đánh giá (93,7%), chỉ 4,9% không bị ảnh hưởng và một tỷ lệ rất nhỏ, 1,2% cho rằng có tác động tích cực. Mức độ lây lan dịch bệnh COVID-19 cũng như tác động về mặt kinh tế của nó đối với các doanh nghiệp ở các ngành nghề, quy mô, tại các địa phương là khác nhau. Tác động về mặt kinh tế là lớn hơn tại các địa phương có thể mạnh về du lịch hoặc có nhiều ngành nghề bị ảnh hưởng bởi tình trạng tắc nghẽn chuỗi cung ứng.

Đối với tất cả các doanh nghiệp, trong so sánh giữa tác động của COVID-19 năm 2021 và năm 2020, có thể thấy, tác động ở năm 2021 tiêu cực hơn.

HÌNH 20

Ảnh hưởng của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ: so sánh kết quả khảo sát năm 2020 và 2021



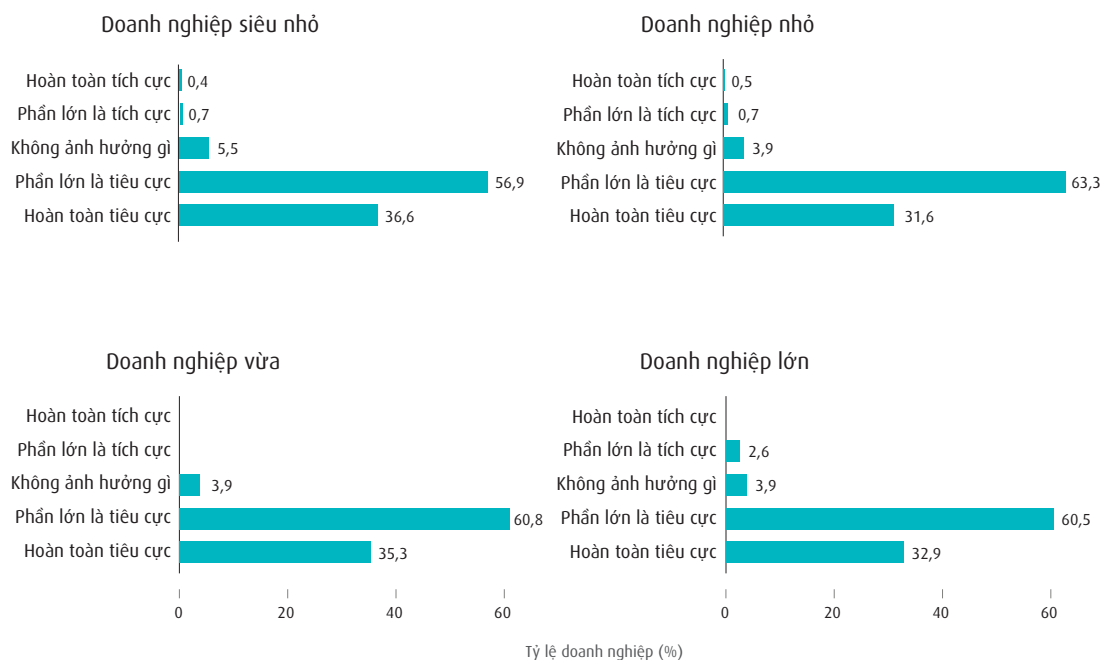
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Số liệu so sánh giữa tác động của COVID-19 năm 2021 và năm 2020 cho thấy, tác động ở năm 2021 tiêu cực hơn nhiều, khi số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đánh giá tác động hoàn toàn tiêu cực là 34,9%, cao hơn gấp đôi tỷ lệ 16,9% ở PCI 2020, tỷ lệ đánh giá tiêu cực nói chung là 93,9% ở năm 2021, trong khi ở 2020 là 87%.

Số liệu so sánh giữa tác động của COVID-19 năm 2021 và năm 2020 cho thấy, tác động ở năm 2021 tiêu cực hơn nhiều, khi số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đánh giá tác động hoàn toàn tiêu cực là 34,9%, cao hơn gấp đôi tỷ lệ 16,9% ở PCI 2020, tỷ lệ đánh giá tiêu cực nói chung là 93,9% ở năm 2021, trong khi ở 2020 là 87%.

HÌNH 21

Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo quy mô lao động của doanh nghiệp

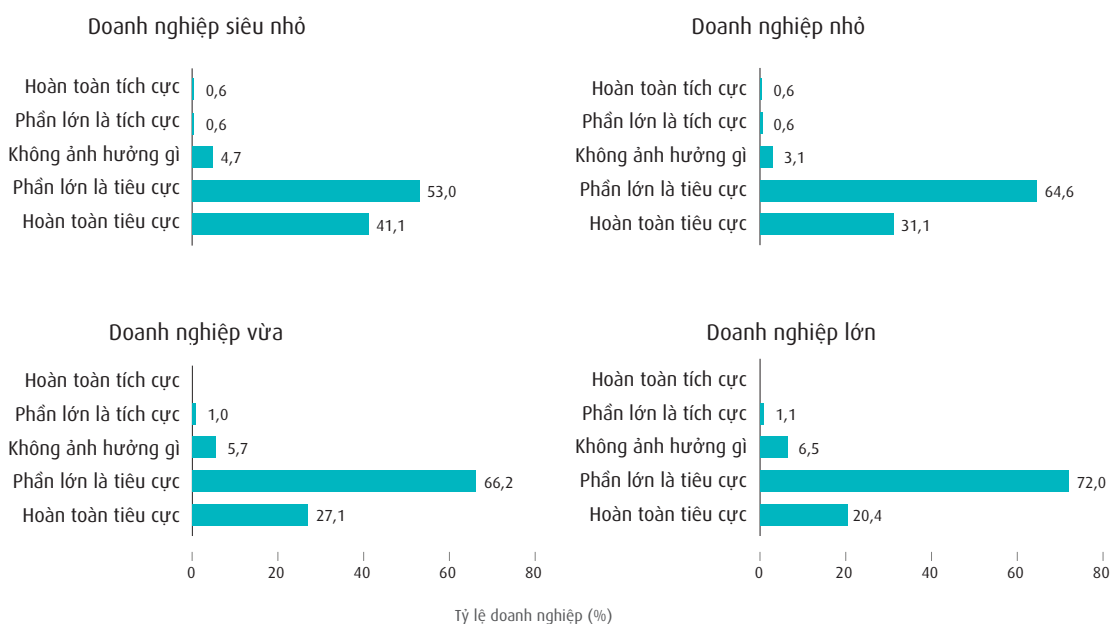


Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Xét theo quy mô của doanh nghiệp, dù nhìn ở khía cạnh vốn hay quy mô sử dụng lao động, thì hầu hết đều chịu tác động tiêu cực. Những doanh nghiệp bị tác động hoàn toàn tiêu cực nhiều nhất là các doanh nghiệp siêu nhỏ. Xét theo quy mô lao động, tỷ lệ là 56,9%, xét theo quy mô vốn là 41,1%.

HÌNH 22

Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo quy mô vốn của doanh nghiệp



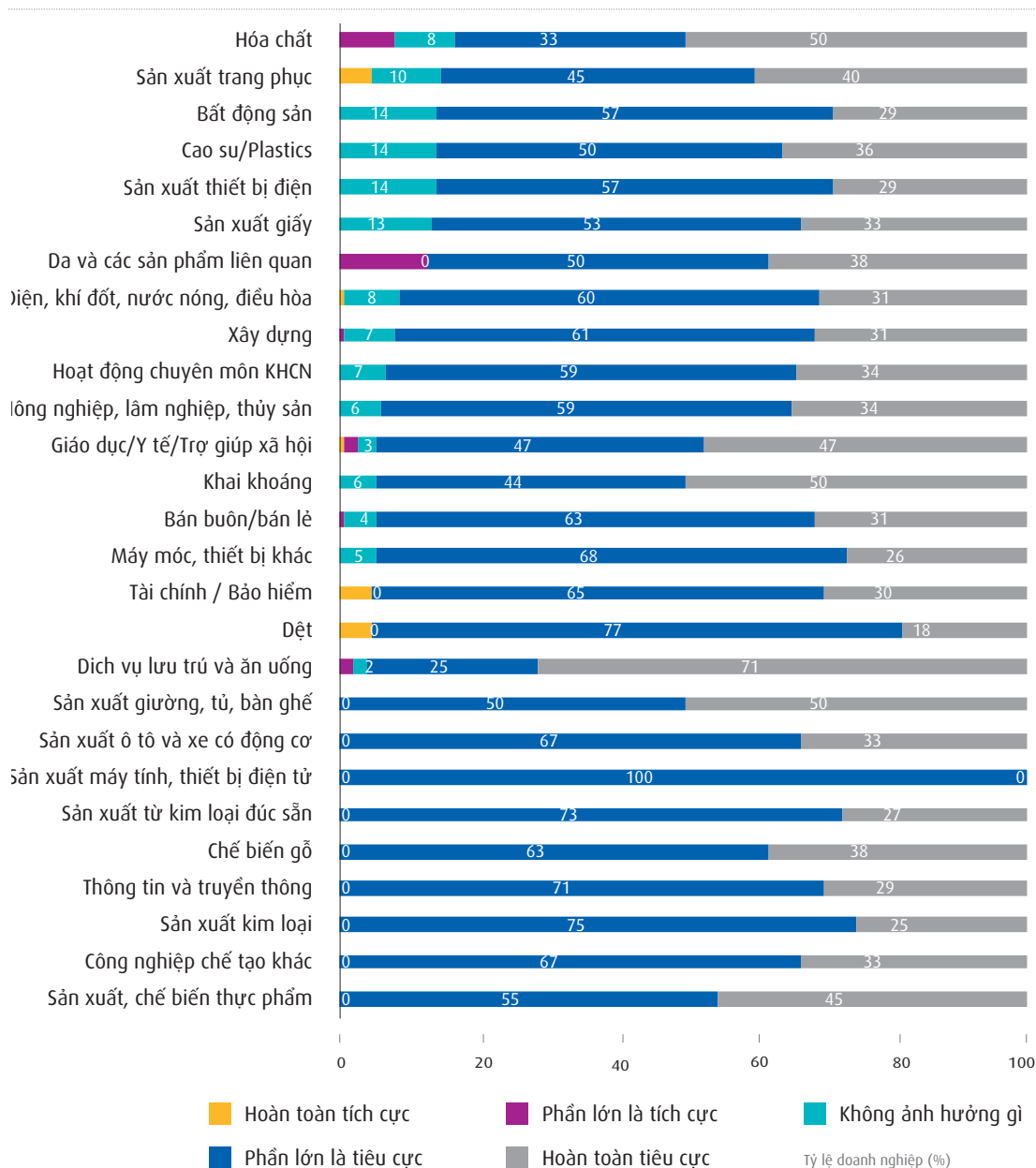
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Tác động kinh tế của đại dịch không đồng nhất giữa các ngành và doanh nghiệp, tùy thuộc vào quyết định chiến lược của họ về nguồn nguyên vật liệu, thị trường, khách hàng và sản phẩm. Các doanh nghiệp đa dạng nguồn cung, khách hàng và sản phẩm thường có khả năng giảm thiểu được tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng. Tuy nhiên, tác động tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở tất cả các ngành đều rất tiêu cực.

Hình dưới đây thể hiện tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá ảnh hưởng của dịch COVID-19 ở mức phần lớn/hoàn toàn tiêu cực theo ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp ở mã ngành sản xuất cấp 2 và theo khu vực kinh tế.

HÌNH 23

Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở các ngành nghề



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Ngành sản xuất, chế biến thực phẩm bị tác động lớn nhất khi 45% doanh nghiệp trả lời bị tác động hoàn toàn tiêu cực. Các ngành nghề có 100% bị tác động tiêu cực là Sản xuất, chế biến thực phẩm; Công nghiệp chế tạo khác; Sản xuất kim loại; Thông tin và truyền thông; Chế biến gỗ và Sản xuất từ kim loại đúc sẵn; Sản xuất máy tính, thiết bị điện tử; Sản xuất ô tô và xe có động cơ.

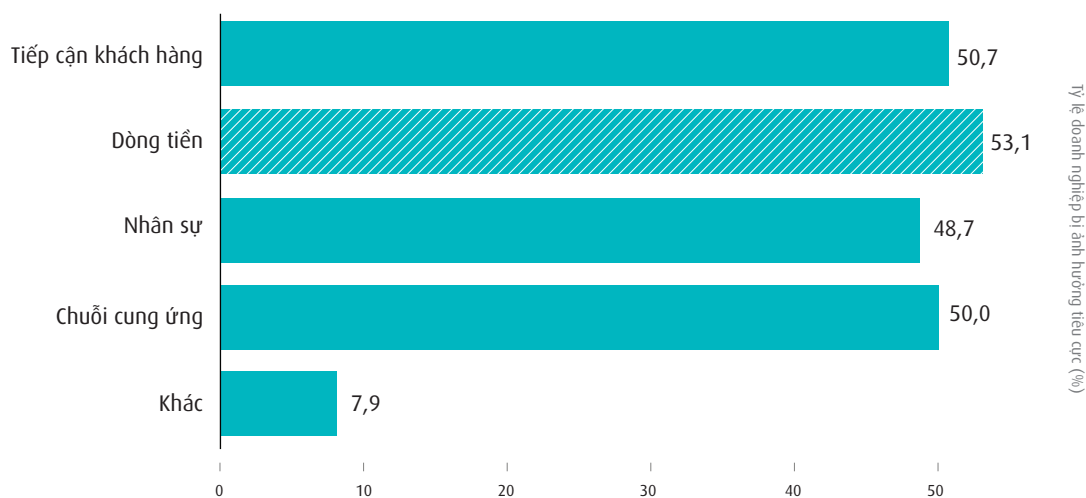
Trong đại dịch, các ngành như hàng không, dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, hoạt động của các đại lý du lịch, hoạt động giáo dục và đào tạo bị chịu tác động nghiêm trọng nhất do phải giãn cách xã hội và hạn chế giao thông, đi lại. Các ngành có hoạt động xuất, nhập khẩu cũng chịu ảnh hưởng rất lớn do nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ có các biện pháp phong tỏa và đóng cửa biên giới để ngăn chặn dịch bùng phát, điều này khiến thương mại toàn cầu đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy.

Các khó khăn chính gây ra bởi dịch COVID-19 đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Với những doanh nghiệp đã lựa chọn mức độ ảnh hưởng của dịch COVID-19 là phần lớn hoặc hoàn toàn tiêu cực, nhóm nghiên cứu đề nghị những doanh nghiệp này cho biết thêm dịch COVID-19 đã ảnh hưởng cụ thể về những phương diện nào. Một loạt vấn đề được nêu, như về chuỗi cung ứng, tiếp cận khách hàng, tới nhân công/người lao động và dòng tiền.

HÌNH 24

Những khía cạnh cụ thể bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 tại các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi COVID-19 ở nhiều khía cạnh khác nhau. Tìm kiếm nguồn vốn, tiếp cận khách hàng vốn vẫn là những khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thì nay càng bị ảnh hưởng nặng thêm do COVID-19, tiếp đến là ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng, vấn đề nhân công/người lao động của doanh nghiệp.

Hơn một nửa số doanh nghiệp trả lời (53,1%) bị ảnh hưởng tiêu cực đến dòng tiền, chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp đã bị gián đoạn, kế hoạch sản xuất, kinh doanh bị thay đổi, thậm chí là hủy dự án, các doanh nghiệp cũng bị phát sinh thêm chi phí phòng ngừa dịch. Thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, dịch COVID-19 càng kéo dài, nguyên vật liệu đầu vào dự trữ của doanh nghiệp càng cạn kiệt.

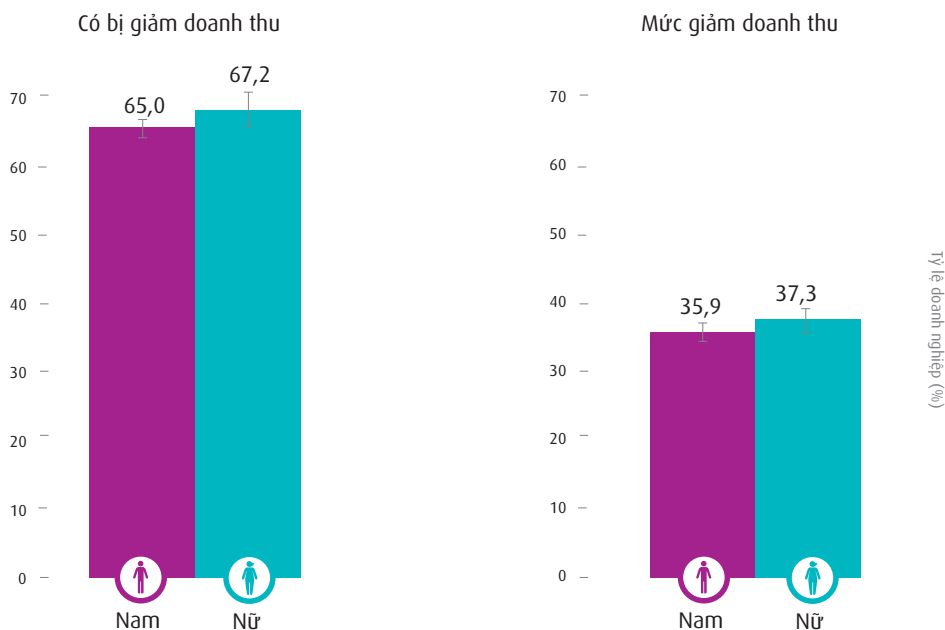
Tác động của COVID-19 lên doanh thu của doanh nghiệp

Khảo sát doanh nghiệp 2020 có đề nghị các doanh nghiệp ước tính tổng doanh thu năm 2020 so với năm 2019. Hình dưới đây thể hiện kết quả đánh giá của doanh nghiệp theo giới tính của chủ doanh nghiệp.

Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có bị giảm doanh thu cao hơn tỷ lệ doanh nghiệp do nam giới làm chủ bị giảm doanh thu (tương ứng là 67,2% và 65,0%). Trong số các doanh nghiệp bị giảm doanh thu, thì mức giảm doanh thu của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cũng cao hơn (37,3% so với 35,9%).

HÌNH 25

Tác động của COVID-19 tới doanh thu năm 2020 so với năm 2019 của các doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp

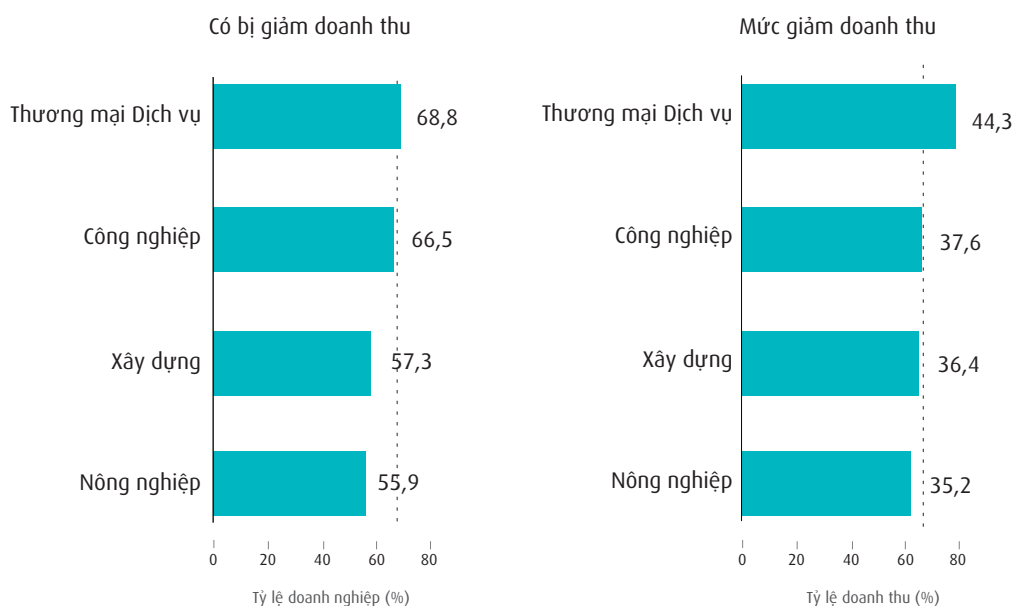


Nguồn: VCCI-World Bank

Khi đánh giá theo lĩnh vực hoạt động, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong ngành thương mại, dịch vụ có tỷ lệ bị giảm doanh thu cao nhất, 68,8%, tiếp sau đó là ngành công nghiệp, xây dựng và nông nghiệp. Tuy nhiên, trong số các doanh nghiệp bị giảm doanh thu, ngành Nông nghiệp có mức giảm cao nhất, tới 44,3%, tiếp sau đó là Thương mại, dịch vụ (37,6%), Công nghiệp (36,4%), Xây dựng (35,2%).

HÌNH 26

Tác động của COVID-19 tới doanh thu của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo các lĩnh vực hoạt động



Nguồn: VCCI-World Bank

Năm 2021, Việt Nam trải qua làn sóng dịch thứ ba (27/01 đến 26/4) và làn sóng thứ tư (từ 27/4/2021). Dịch COVID-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp. Tại Việt Nam, số ca mắc mới tiếp tục tăng tại nhiều địa phương; số bệnh nhân nặng và số ca tử vong không giảm. Để ngăn chặn dịch và giảm tốc độ lây lan của dịch bệnh COVID-19, rất nhiều địa phương đã thực hiện giãn cách và tăng cường giãn cách xã hội, việc này gây gián đoạn và thiệt hại rất lớn đến hoạt động kinh tế. Một ví dụ điển hình là, tỉnh Bắc Giang đã phải đóng cửa tất cả các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, việc đóng cửa các khu công nghiệp khiến kinh tế của tỉnh thiệt hại hơn 2.000 tỷ đồng mỗi ngày.²⁹

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê trong Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2021³⁰, có gần 160 nghìn doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong năm 2021 đạt, giảm 10,7% so với năm 2020; 119,8 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 17,8%, trong đó phần lớn là các doanh nghiệp thành lập dưới 5 năm, quy mô vốn nhỏ. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành năm 2021 tăng 3,2% so với năm trước, tuy đây là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm qua.

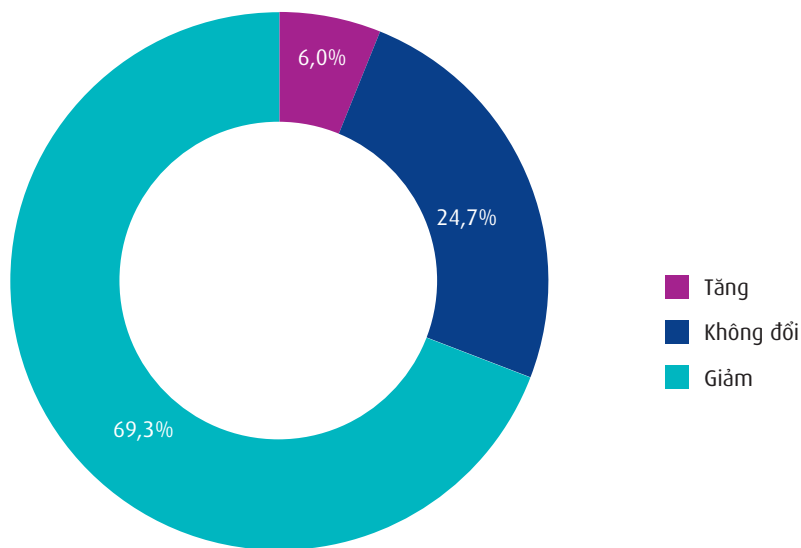
²⁹ <https://cand.com.vn/thoi-su/Moi-ngay-Bac-Giang-thiet-hai-hon-2-000-ti-dong-vi-dong-cua-cac-khu-cong-nghiep-i616532/>

³⁰ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2021/>

Có tới hơn 2/3 (69,3%) các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trả lời ước tính doanh thu năm 2021 giảm so với năm 2020, chỉ một tỷ lệ rất nhỏ (6%) có doanh thu tăng.

HÌNH 27

Ước tính doanh thu dự kiến của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ năm 2021 so với năm 2020 do ảnh hưởng của COVID-19



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

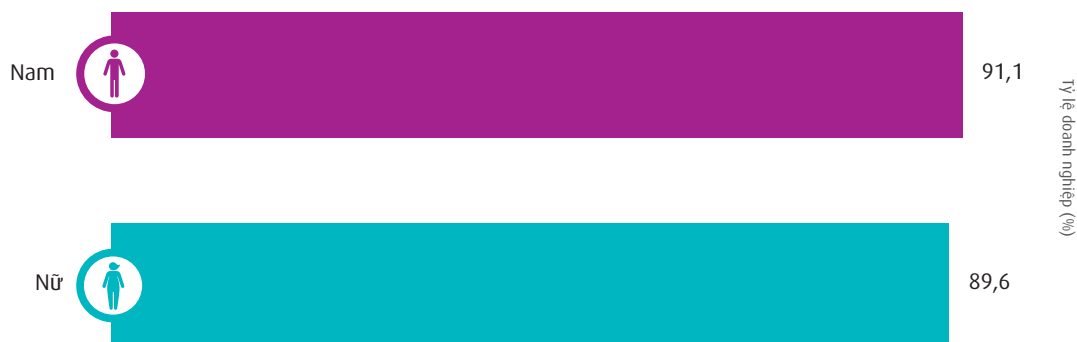
Tác động đến lao động trong doanh nghiệp

Phần trên đã có đề cập những khía cạnh cụ thể bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 tại các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, trong đó có vấn đề lao động. Các doanh nghiệp được đề nghị tiếp tục cung cấp thông tin về vấn đề này vì nội dung này gắn với an sinh xã hội. Do tình hình sản xuất kinh doanh bị suy giảm, rất nhiều doanh nghiệp phải cho người lao động nghỉ việc.

Một tỷ lệ rất lớn (xấp xỉ 90%) các doanh nghiệp phải cho người lao động nghỉ việc, tuy nhiên, tỷ lệ này ở các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thấp hơn doanh nghiệp do nam giới làm chủ, tương ứng là 89,6% so với 91,1%. Mặc dù doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chủ yếu có quy mô nhỏ và siêu nhỏ thì số liệu này đã ghi nhận nỗ lực của nữ chủ doanh nghiệp trong việc giữ chân người lao động.

HÌNH 28

Tỷ lệ doanh nghiệp phải cho người lao động thôi việc trong năm 2021 theo giới của chủ doanh nghiệp

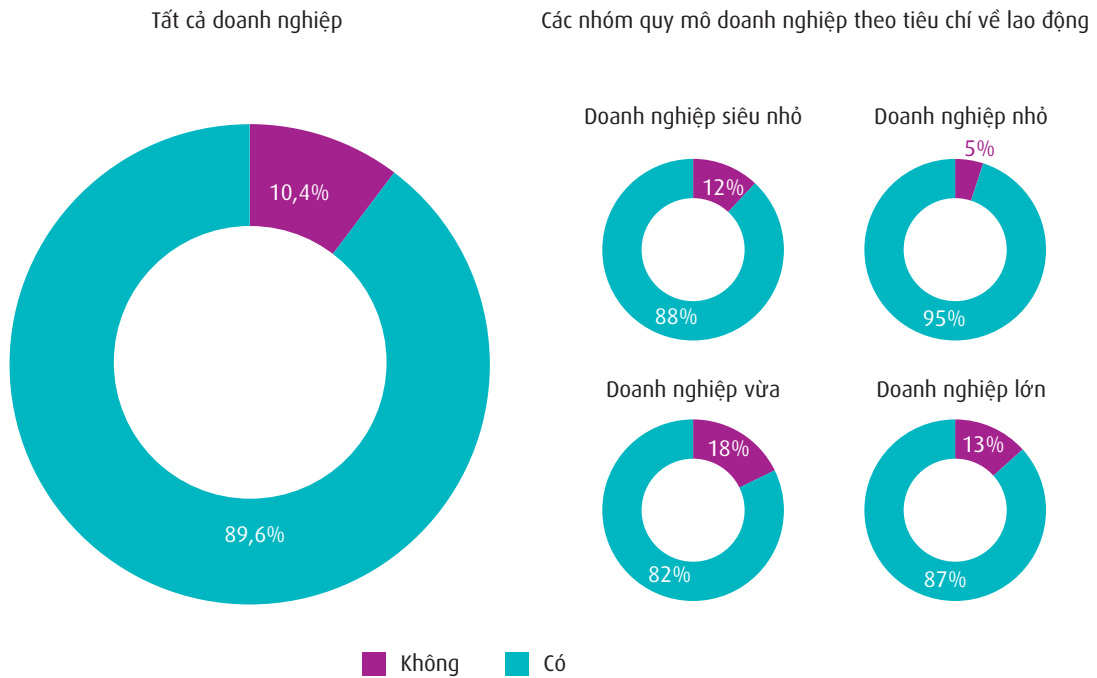


Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Việc thực hiện biện pháp cho người lao động nghỉ việc do tình hình kinh doanh suy giảm gây ra bởi dịch COVID-19 là điều mà nhiều doanh nghiệp phải làm, song có sự khác biệt nhất định theo quy mô. Cụ thể, tỷ lệ các doanh nghiệp quy mô nhỏ, siêu nhỏ phải thực hiện biện pháp này cao nhất, lần lượt ở mức 95% và 88%.

HÌNH 29

Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phải cho người lao động thôi việc do ảnh hưởng của COVID-19



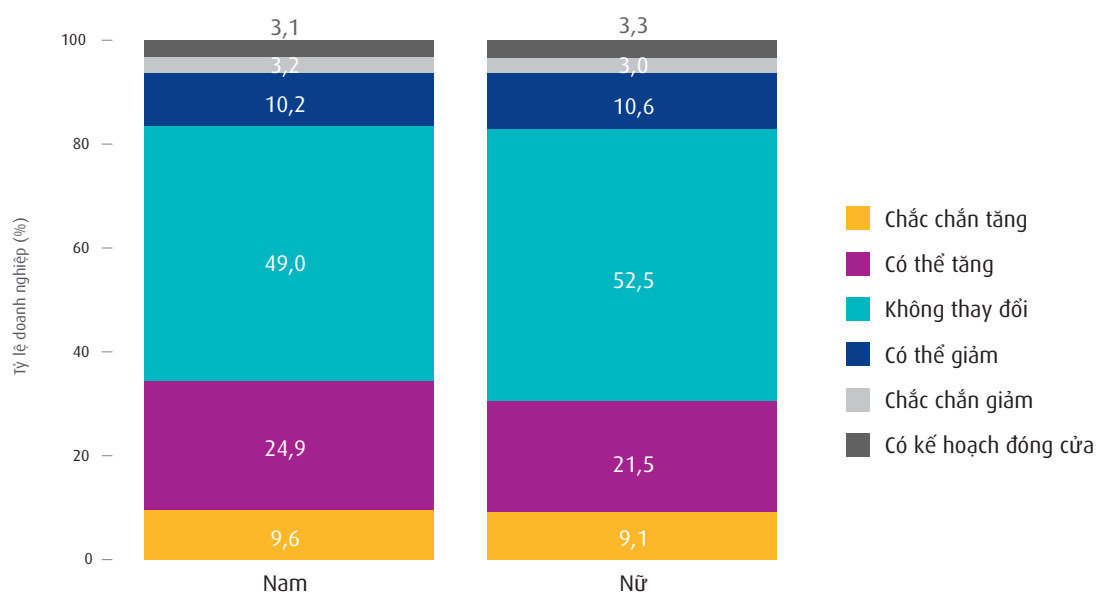
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Mức độ lạc quan của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ sụt giảm mạnh nhất trong ba năm trở lại đây. 16,9% doanh nghiệp có kế hoạch giảm quy mô kinh doanh hoặc đóng cửa, tỷ lệ cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Khoảng hơn một nửa (52,5%) muốn giữ nguyên, cố gắng duy trì kinh doanh với quy mô hiện tại.

HÌNH 30

Kế hoạch kinh doanh trong 2 năm tới của doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

COVID-19 tác động không giống nhau đối với các doanh nghiệp, tùy theo loại hình, quy mô, lĩnh vực hoạt động, địa bàn hoạt động, ngành nghề kinh doanh. Tuy nhiên, các doanh nghiệp do nữ giới làm chủ có kế hoạch kinh doanh kém lạc quan hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ, đặc biệt là trong hai năm trở lại đây. Chỉ 30,6% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trả lời có kế hoạch tăng quy mô kinh doanh, trong khi ở doanh nghiệp do nam giới làm chủ là 34,5%. Tuy nhiên, vẫn có hơn 1/2 trong tổng số các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ vẫn duy trì được tình hình hoạt động của mình (52,5%).

Trong năm 2021, số lượng doanh nghiệp thành lập mới do phụ nữ làm chủ là 34.681, số giải thể là 5.706. Trong 9 tháng đầu năm 2022 số lượng thành lập mới là 36.009, tăng so với cả năm 2021, số lượng giải thể là 4.742.


BẢNG 3

Số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thành lập mới và giải thể năm 2021 và 9 tháng đầu năm 2022

STT	Loại hình	Năm 2021	9 tháng năm 2022
1	Thành lập mới	34.681	36.009
2	Giải thể	5.706	4.742

Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trong các ngành sản xuất kinh doanh chính, lạc quan nhất là Xây dựng công trình dân dụng và Kinh doanh bất động sản, khi có tương ứng 65,1% và 64,1% doanh nghiệp trong ngành này có dự kiến mở rộng sản xuất, kinh doanh. Kém lạc quan nhất là ngành Thông tin và truyền thông, Hoạt động khoa học công nghệ, Dịch vụ lưu trú và ăn uống.



Biện pháp ứng phó của doanh nghiệp

Trong phần này, nhóm nghiên cứu tìm hiểu về các biện pháp mà doanh nghiệp đã thực hiện để giảm thiểu tác động tiêu cực của Dịch COVID-19, những biện pháp nào để duy trì hoạt động của doanh nghiệp cũng như cách thức nào để bảo đảm an toàn cho người lao động.

Về các biện pháp bảo đảm an toàn cho người lao động, doanh nghiệp được hỏi đã tiến hành (các) biện pháp nào sau đây:

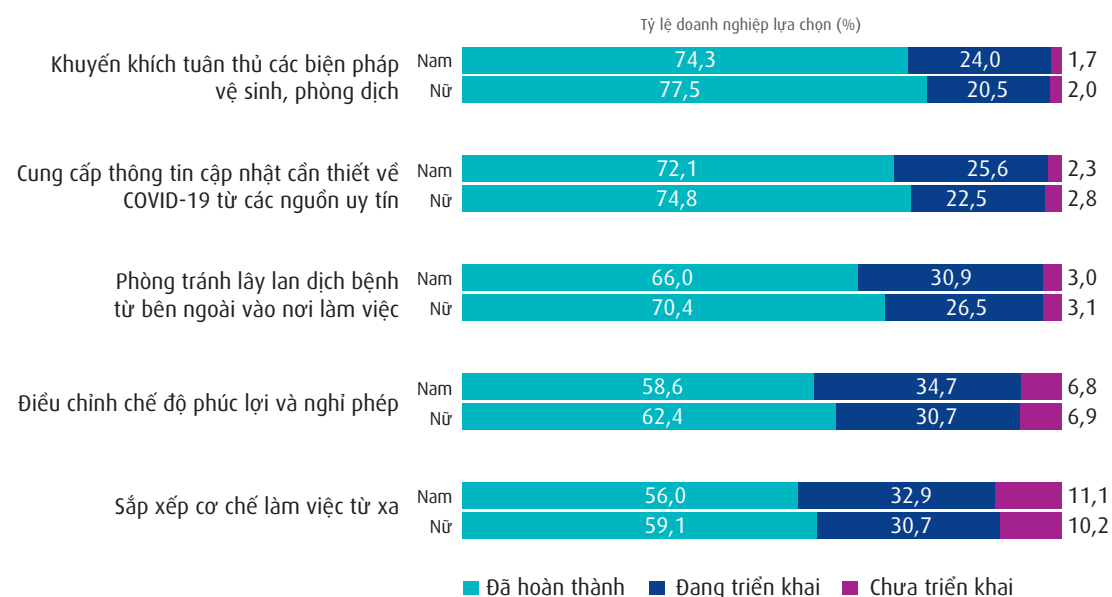
- 1 Cung cấp thông tin cập nhật cần thiết về COVID-19 từ các nguồn uy tín (như Bộ Y tế, Tổ chức Y tế Thế giới, các cơ quan chính quyền các cấp);
- 2 Khuyến khích tuân thủ các biện pháp vệ sinh, phòng dịch (tuân thủ 5K, giãn cách, hướng dẫn quy trình xử lý cho nhân viên tiếp xúc với người có triệu chứng mắc COVID-19, dán biển nhắc rửa tay...);
- 3 Điều chỉnh chế độ phúc lợi và nghỉ phép (như điều chỉnh chế độ nghỉ phép để nhân viên phải nghỉ việc do tự cách ly hoặc chăm sóc người thân ốm đau được hỗ trợ tài chính để có thể trang trải chi phí y tế; phổ biến kế hoạch và chính sách nhân sự trong giai đoạn dịch bệnh để người lao động hiểu rõ quyền lợi của mình);
- 4 Sắp xếp cơ chế làm việc từ xa (trang thiết bị, chính sách, công cụ liên lạc cần thiết để hỗ trợ cho người lao động làm việc từ xa);
- 5 Phòng tránh lây lan dịch bệnh từ bên ngoài vào nơi làm việc (phổ biến kiến thức xử lý khi tiếp xúc người có triệu chứng hoặc có nguy cơ phơi nhiễm với virus; áp dụng cơ chế làm việc giảm tiếp xúc trực tiếp).

Gần như toàn bộ các doanh nghiệp đều đã hoàn thành hoặc đang triển khai các biện pháp này. Biện pháp được doanh nghiệp áp dụng nhiều nhất là khuyến khích tuân thủ các biện pháp vệ sinh, phòng dịch. Biện pháp sắp xếp cơ chế làm việc từ xa và điều chỉnh phúc lợi và nghỉ phép được triển khai chưa nhanh bằng các biện pháp còn lại, có lẽ do việc này cần thời gian và nguồn lực nhiều hơn.

Đặc biệt, tỷ lệ đã hoàn thành việc áp dụng bất cứ biện pháp nào ở doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cũng cao hơn doanh nghiệp do nam giới làm chủ.

HÌNH 31

Các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động trước dịch bệnh tại doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



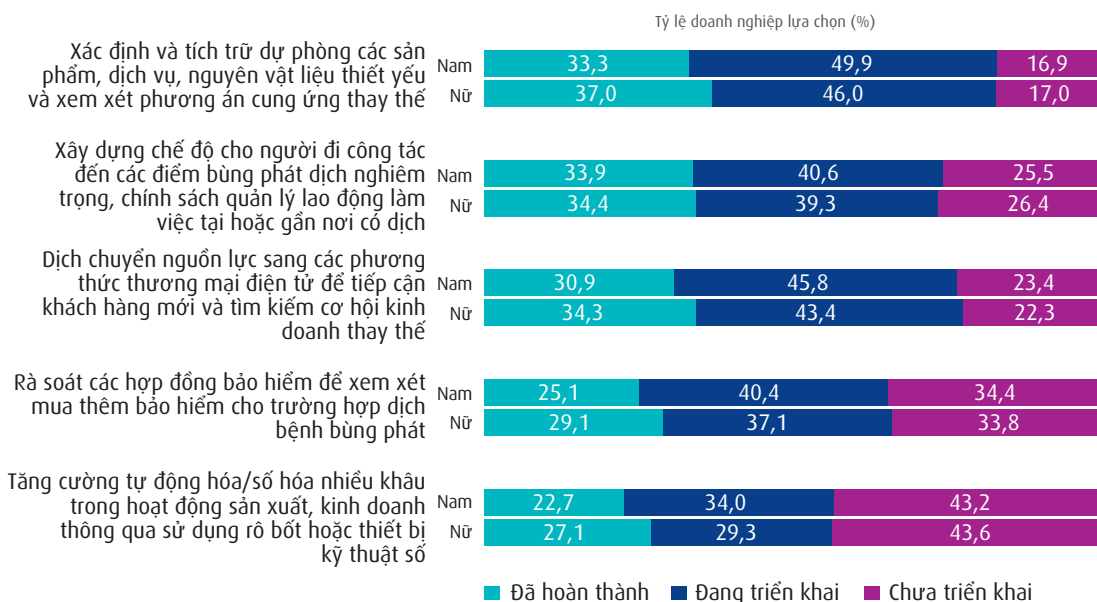
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Khi được hỏi về một số biện pháp cơ bản để duy trì hoạt động liên tục, các doanh nghiệp đã và đang triển khai biện pháp phổ biến nhất là Xác định và tích trữ dự phòng các sản phẩm, dịch vụ, nguyên vật liệu thiết yếu có nguy cơ bị gián đoạn nguồn cung, xem xét các phương án cung ứng thay thế và các phương án đảm bảo nguồn cung khác, tiếp theo là Dịch chuyển nguồn lực sang các phương thức thương mại điện tử để tiếp cận khách hàng mới và tìm kiếm cơ hội kinh doanh thay thế để bù đắp lượng khách hàng sụt giảm trên kênh truyền thống. Biện pháp chưa được triển khai nhiều nhất là Tăng cường tự động hóa/số hóa nhiều khâu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thông qua sử dụng rô-bốt hoặc thiết bị kỹ thuật số. Điều này cũng có thể được lý giải là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm tỷ lệ lớn, thì việc tăng cường tự động hóa này sẽ cần đầu tư lớn nên chưa thể triển khai ngay so với các biện pháp khác có thể thực hiện ngay.

Cũng như đối với các biện pháp bảo vệ người lao động, ở tất cả các biện pháp đã triển khai, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có tỷ lệ đã hoàn thành cao hơn doanh nghiệp do nam giới làm chủ.

HÌNH 32

Các biện pháp mà doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thực hiện nhằm duy trì hoạt động liên tục



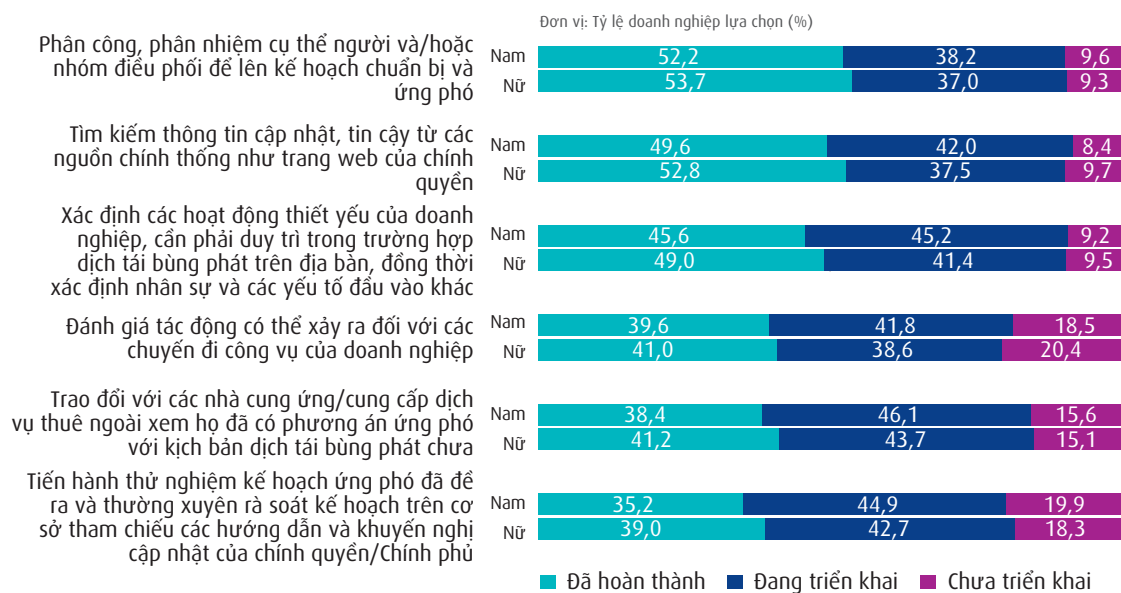
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Để đánh giá về sự chuẩn bị ứng phó của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ với việc bùng phát dịch bệnh COVID-19, ba hoạt động đã và đang được áp dụng nhiều nhất là: Phân công, phân nhiệm cụ thể người và/hoặc nhóm điều phối để lên kế hoạch chuẩn bị và ứng phó, Xác định các hoạt động thiết yếu của doanh nghiệp, cần phải duy trì trong trường hợp dịch tái bùng phát trên địa bàn, đồng thời xác định nhân sự và các yếu tố đầu vào khác (ví dụ: nguyên liệu, vật tư, nhà cung ứng, dịch vụ thuê ngoài) để đảm bảo việc duy trì các hoạt động này, và Tìm kiếm thông tin cập nhật, tin cậy từ các nguồn chính thống như trang web của chính quyền, và tương ứng với tỷ lệ các doanh nghiệp trả lời là 90,7%, 90,5% và 90,3%.

Ở bất kỳ hoạt động nào, tỷ lệ đã hoàn thành biện pháp chuẩn bị ứng phó ở doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cũng cao hơn ở doanh nghiệp do nam giới làm chủ.

HÌNH 33

Sự chuẩn bị ứng phó của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ với việc bùng phát dịch bệnh COVID-19



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

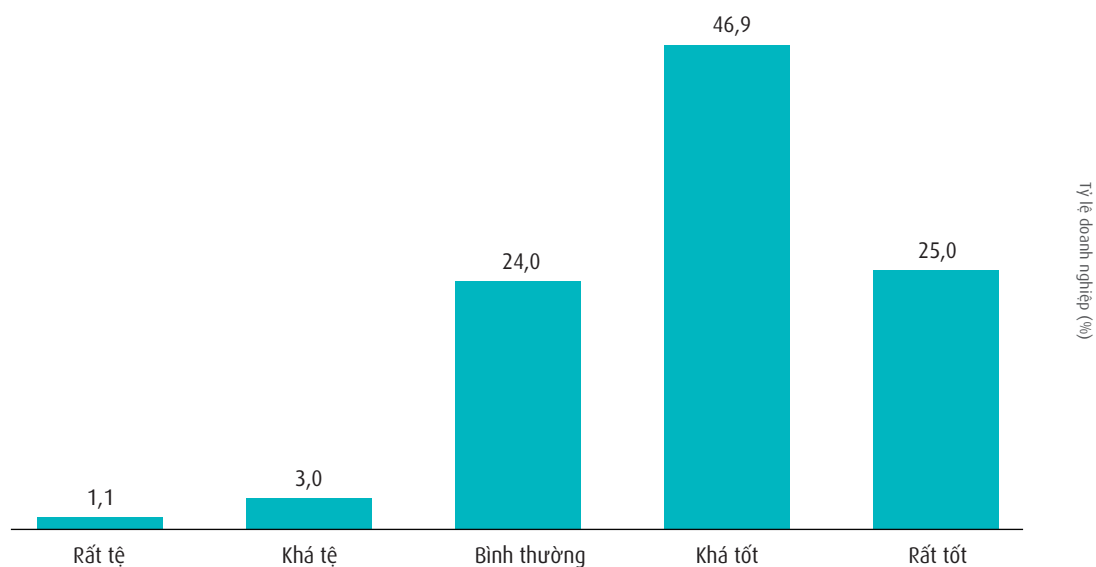
Đánh giá của doanh nghiệp về các biện pháp ứng phó của chính quyền

Trong ba đợt dịch đầu công tác phòng, chống dịch dựa vào 5 nguyên tắc cơ bản là ngăn chặn, phát hiện, cách ly, khoanh vùng dập dịch, điều trị và công thức 5K, đã thành công trong phòng, chống dịch với các chủng ban đầu.

Tuy nhiên, trong đợt dịch thứ 4, do chưa hiểu rõ về biến chủng Delta, chưa dự báo được tính chất nguy hiểm và lây lan nhanh, nhất là đối với khu đô thị, khu công nghiệp, nơi có mật độ dân cư cao nên công tác phòng, chống dịch thời gian đầu còn bị động, lúng túng, chưa linh hoạt điều chỉnh các biện pháp phù hợp, hiệu quả, nhất là khi dịch bùng phát tại Tp. Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố khu vực phía Nam.

HÌNH 34

Đánh giá của doanh nghiệp về cách Chính phủ ứng phó với đợt bùng phát COVID-19 thời gian qua



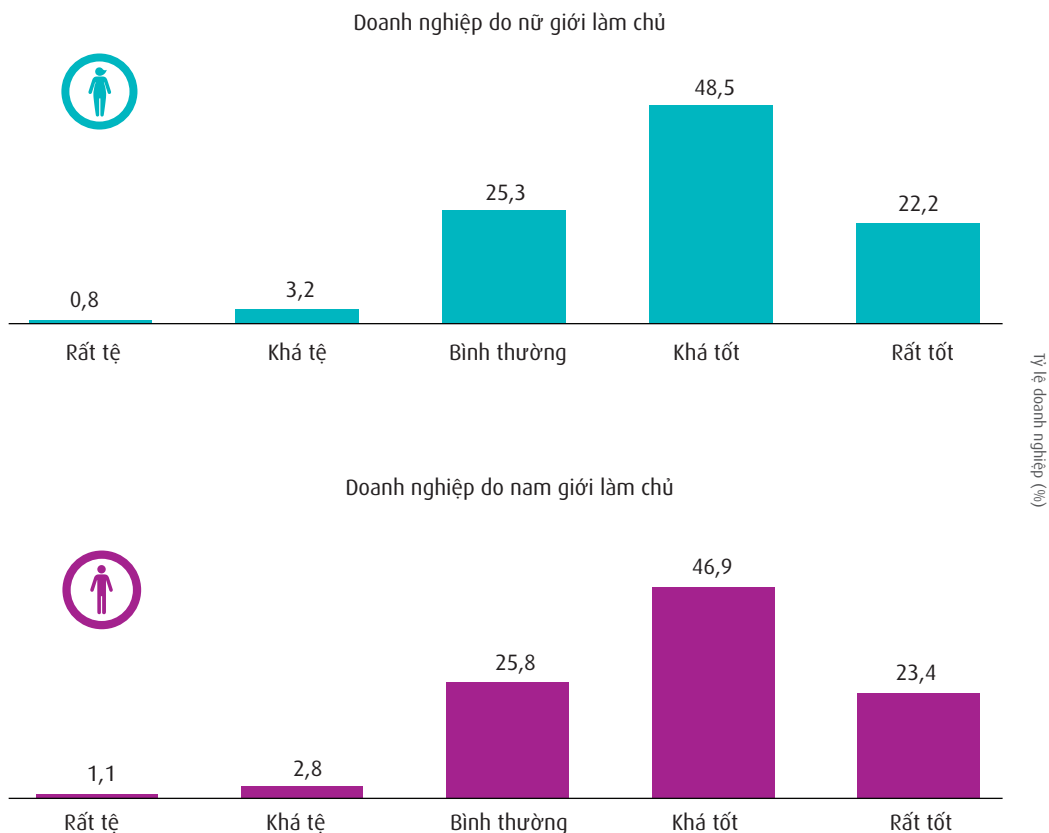
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Do đó, chắc chắn sẽ có những nhận xét tiêu cực khi đánh giá về cách ứng phó của chính quyền trung ương và địa phương với đợt bùng phát dịch COVID-19 thời gian qua. Tuy vậy, hơn 2/3 số doanh nghiệp được hỏi có đánh giá tích cực về cách Chính phủ ứng phó với đợt bùng phát COVID-19 thời gian qua, 71,9% đánh giá là tốt, chỉ một số rất nhỏ là 4,1% cho rằng cách ứng phó của Chính phủ là tệ.

Đối với việc ứng phó với đợt bùng phát COVID-19 ở cấp địa phương, nhìn chung các doanh nghiệp cũng đánh giá khá tốt khi có 70,7% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và 70,3% doanh nghiệp do nam giới làm chủ đánh giá chính quyền địa phương đã ứng phó tốt.

HÌNH 35

Đánh giá của doanh nghiệp về cách chính quyền tỉnh, thành phố ứng phó với đợt bùng phát COVID-19 trong năm qua

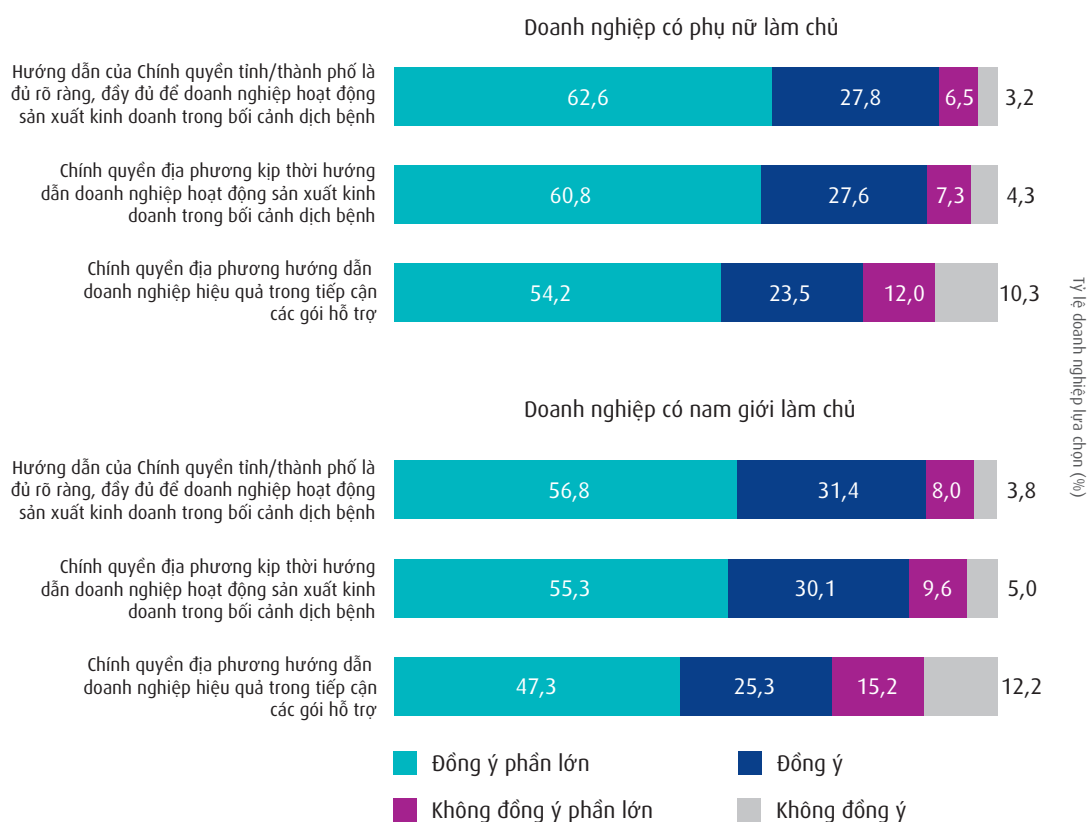


Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Đi vào một số hoạt động ứng phó cụ thể của chính quyền địa phương, các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nhìn nhận tích cực và đồng tình ở mức cao hơn so với doanh nghiệp do nam giới làm chủ. 90,5% đồng ý rằng Hướng dẫn của Chính quyền tỉnh/thành phố là đủ rõ ràng, đầy đủ để doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh, 88,4% đồng ý rằng Chính quyền địa phương kịp thời hướng dẫn doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh. Hoạt động bị đánh giá yếu nhất của địa phương là việc hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các gói hỗ trợ một cách hiệu quả.

HÌNH 36

Đánh giá của doanh nghiệp về một số hoạt động ứng phó đại dịch



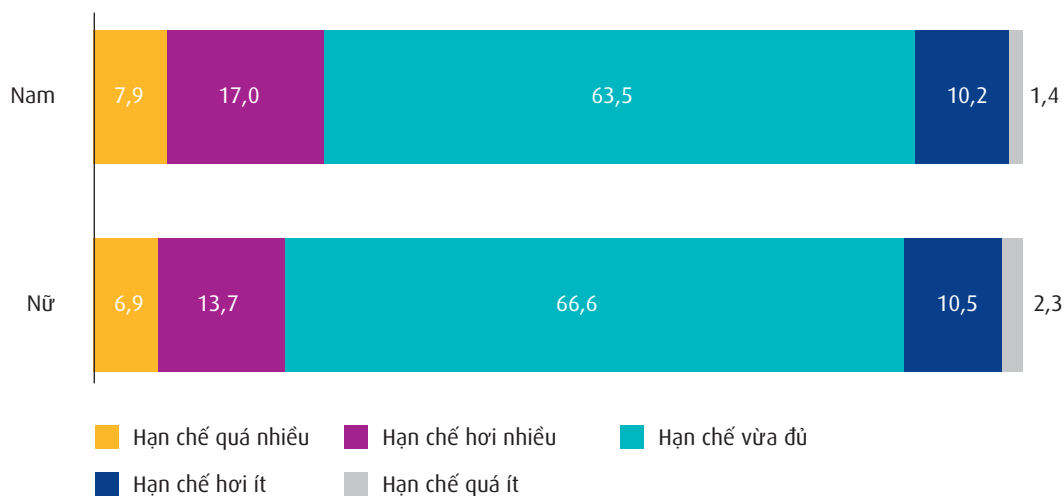
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Về các hạn chế của địa phương nhằm ứng phó với dịch bệnh, nhìn chung các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đánh giá có phần tích cực hơn, 20,6% cho rằng hạn chế là nhiều, tỷ lệ này ở doanh nghiệp do phụ nam giới làm chủ là 24,9%.

Các biện pháp phòng dịch COVID-19 trong thời điểm dịch bùng phát đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp (thiếu hụt lao động; tăng chi phí kinh doanh; “giấy phép con” cản trở việc đi lại, lưu thông hàng hóa). Trong giai đoạn dịch bùng phát, các địa phương tự chủ động ban hành các chính sách phòng chống dịch. Điều này gây ra tình trạng các chính sách áp đặt đối với hoạt động kinh doanh không đồng nhất (ví dụ: có nơi không cho phép người ngoài tỉnh vào tỉnh, có nơi yêu cầu xét nghiệm PCR có hiệu lực trong vòng 24 giờ hoặc 72 giờ mới được phép vào địa phương). Việc không có sự thống nhất trong chính sách áp dụng đối với hoạt động kinh doanh khiến cho doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt, áp dụng các biện pháp hạn chế, ngăn cấm, cản trở đi lại giữa các địa phương đã ảnh hưởng rất lớn hoạt động lưu thông hàng hóa, lưu chuyển nguồn lao động.

HÌNH 37

Đánh giá của doanh nghiệp về các biện pháp hạn chế nhằm ứng phó với dịch bệnh theo giới của chủ doanh nghiệp




Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về ban hành quy định tạm thời “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” cùng với Quyết định 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết 128/NQ-CP đã giải quyết được vướng mắc trên. Cụ thể, các văn bản này đã xóa bỏ tình trạng hạn chế đi lại giữa các địa phương; hạn chế yêu cầu phải xét nghiệm COVID-19 khi vào địa bàn tỉnh. Tuy nhiên ở địa phương vẫn còn tình trạng “mỗi nơi áp dụng một kiểu”. Trong tuần đầu tiên kể từ khi Nghị quyết 128/NQ-CP bắt đầu có hiệu lực, theo phản ánh của báo chí, một số địa phương vẫn áp dụng các chính sách phòng dịch do mình đặt ra. Ví dụ: An Giang yêu cầu người dân ra khỏi tỉnh phải có giấy xác nhận của địa phương, người dân nơi khác đi vào tỉnh phải xuất trình thư mời, kế hoạch công tác, chương trình làm việc tại tỉnh; Bạc Liêu yêu cầu người dân tỉnh khác đến phải được sự cho phép của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc người được chủ tịch tỉnh phân công, ủy quyền; Vĩnh Long vẫn duy trì các biện pháp giống như áp dụng Chỉ thị 19 đối với các chốt kiểm soát ra vào tỉnh, cách ly người ra vào địa phương; Hải Phòng yêu cầu quay đầu xe của nhiều người dân đến từ Hà Nội³¹.

Do đó, việc áp dụng các biện pháp hạn chế ở địa phương cần tuân thủ nghiêm túc chính sách thống nhất trong phòng chống dịch đã được cấp trên đề ra.

31 “Kiểm soát đi lại vẫn mỗi nơi một kiểu” – Báo Tuổi trẻ điện tử tại địa chỉ <https://tuoitre.vn/kiem-soat-di-lai-van-moi-noi-mot-kieu-20211015235939454.htm>



Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khủng hoảng

Trước tác động nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp nhằm kiểm soát dịch bệnh và phục hồi kinh tế, tập trung vào sáu nhóm chính sau:

Thứ nhất, nhóm chính sách mang tính cấp bách, căn cơ để kiểm soát dịch bệnh, bao gồm: đẩy mạnh chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19, chuyển từ chiến lược “zero COVID-19” sang thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19. Đây là những chính sách có ý nghĩa rất quan trọng, tạo nền tảng cho quá trình phục hồi sản xuất, kinh doanh trong điều kiện “bình thường mới” sau dịch bệnh;

Thứ hai, nhóm chính sách miễn giảm các loại thuế, phí, lệ phí và áp lực tài chính nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ chức chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Cụ thể: (i) giảm, gia hạn nộp tiền thuê đất; gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân cho các đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch bệnh; (ii) xác định chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch; (iii) quy định một số chế độ đặc thù cho lực lượng tuyến đầu chống dịch; (iv) giảm, giảm phí công đoàn, bảo hiểm xã hội...

Thứ ba, nhóm chính sách tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ổn định sản xuất - kinh doanh, phục hồi và tạo đà phát triển, nhất là những lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh COVID-19³². Bên cạnh các chính sách hỗ trợ chung về giảm thuế, phí, giảm giá điện, nước, viễn thông... cho người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Chính phủ đã ban hành những chính sách hỗ trợ riêng cho một số ngành, lĩnh vực như: hàng không (giảm thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay), sản xuất ô tô (gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, giảm lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước).

32 Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch COVID-19; Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 và Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Quyết định 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 07/7/2021 quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp; Văn bản số 245/TLĐ ngày 18-3-2020 về việc lùi thời điểm đóng kinh phí công đoàn đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19...

Thứ tư, nhóm chính sách thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư quan trọng quốc gia (Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29-5-2020 của Chính phủ). Thực hiện chuyển đổi hình thức đầu tư một số dự án cấp bách, có thể triển khai ngay (Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 9-4-2020 của Chính phủ); chuyển đổi sang đầu tư công sử dụng toàn bộ vốn ngân sách nhà nước đối với 03 dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (Nghị quyết số 117/2020/QH14 của Quốc hội). Các giải pháp này có ý nghĩa quan trọng, vừa kích thích chi tiêu đầu tư công trong ngắn hạn để đẩy mạnh tăng trưởng, vừa có ý nghĩa tạo ra các kết cấu hạ tầng phục vụ hiệu quả, lâu dài cho nền kinh tế;

Thứ năm, nhóm chính sách tiền tệ mở rộng, bảo đảm thanh khoản trên thị trường tiền tệ, giảm lãi suất cho vay, ổn định lãi suất điều hành ở mức thấp, ban hành quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ đối với đối tượng vay vốn... Qua đó, giảm chi phí vốn vay, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, tổ chức chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh, đồng thời bảo đảm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô³³;

Thứ sáu, nhóm chính sách an sinh xã hội, bao gồm: (i) hỗ trợ bổ sung và đẩy nhanh chi trả thông qua Quỹ bảo hiểm xã hội, Quỹ bảo hiểm thất nghiệp; (ii) giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp do chủ sử dụng lao động chi trả, hỗ trợ đào tạo và cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp, tổ chức để giữ chân người lao động, trả lương phục hồi sản xuất; (iii) cấp tiền cho các đối tượng phải điều trị COVID-19 và trẻ em, người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, hướng dẫn viên du lịch. Bên cạnh đó, các địa phương cũng ban hành nhiều chính sách hỗ trợ người dân, đặc biệt là người nghèo, đối tượng chính sách tại khu vực cách ly, địa bàn thực hiện giãn cách xã hội như cấp tiền mặt, hỗ trợ lương thực, thực phẩm.

Nhiều chính sách đã được ban hành, với các gói hỗ trợ lớn bao gồm: Chính sách tiền tệ, trọng tâm là cơ cấu lại nợ, miễn, giảm lãi suất, hỗ trợ tín dụng với quy mô 250 nghìn tỷ đồng, chính sách hỗ trợ bảo đảm an sinh xã hội 62 nghìn tỷ đồng; chính sách tài khóa, trọng tâm là gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất với quy mô 180 nghìn tỷ đồng và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trả lương cho người lao động 16 nghìn tỷ đồng...

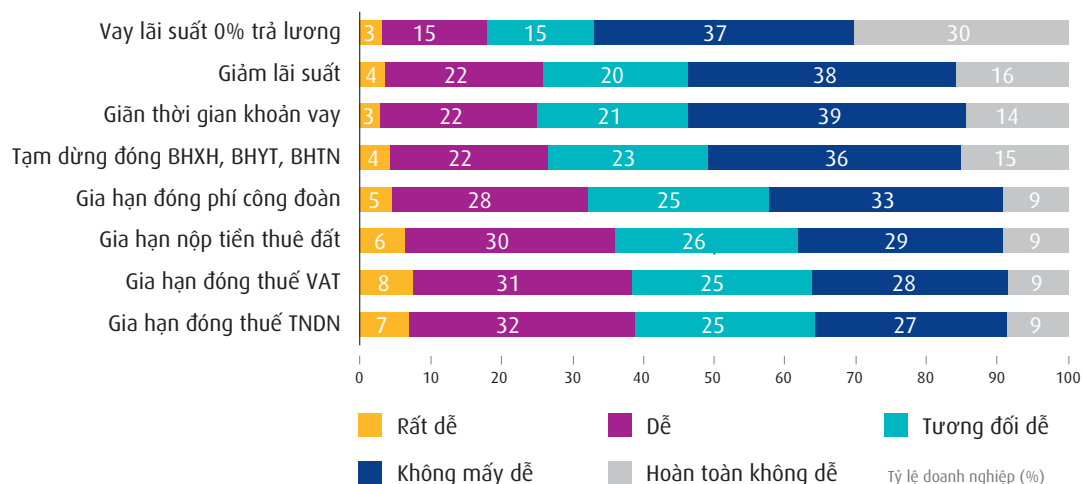
Hình sau thể hiện đánh giá của doanh nghiệp về khả năng tiếp cận một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Đó là các chính sách như giảm lãi suất, giãn thời gian cho vay, vay vốn lãi suất 0% để trả lương cho người lao động, gia hạn đóng thuế giá trị gia tăng (VAT), gia hạn đóng thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), gia hạn nộp tiền thuê đất, tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) và bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) và lùi thời điểm đóng phí công đoàn.

Khi hỏi doanh nghiệp về mức độ dễ dàng khi tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, có 5 mức độ đánh giá được đưa ra, từ rất dễ, dễ, khá dễ, không mấy dễ dàng cho đến hoàn toàn không dễ dàng. Kết quả cho thấy một số chính sách như gia hạn đóng thuế TNDN, gia hạn đóng thuế VAT có tỷ lệ doanh nghiệp cho biết là dễ tiếp cận hơn cả. Việc vay lãi suất 0% trả lương cho người lao động là khó tiếp cận nhất.

33 Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020; Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19; Thông tư số 05/2020/TT-NHNN ngày 07/5/2020 quy định tái cấp vốn đối với ngân hàng chính sách xã hội và Thông tư số 12/2020/TT-NHNN ngày 11/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2020/TT-NHNN; Thông tư số 08/2020/TT-NHNN ngày 14/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 04/2020/TT-NHNN ngày 31/3/2020 (áp dụng từ ngày 01/4 đến 31/12/2020), Thông tư số 19/2020/TT-NHNN ngày 30-12-2020 (áp dụng từ ngày 01/01 đến 30/6/2021) và Thông tư số 23/2021/TT-NHNN ngày 23/8/2021 (áp dụng từ ngày 01/9/2021 đến 30/6/2022) sửa đổi Thông tư 26/2013/TT-NHNN về Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam...

HÌNH 38

Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ dễ tiếp cận các chính sách hỗ trợ với doanh nghiệp năm 2020



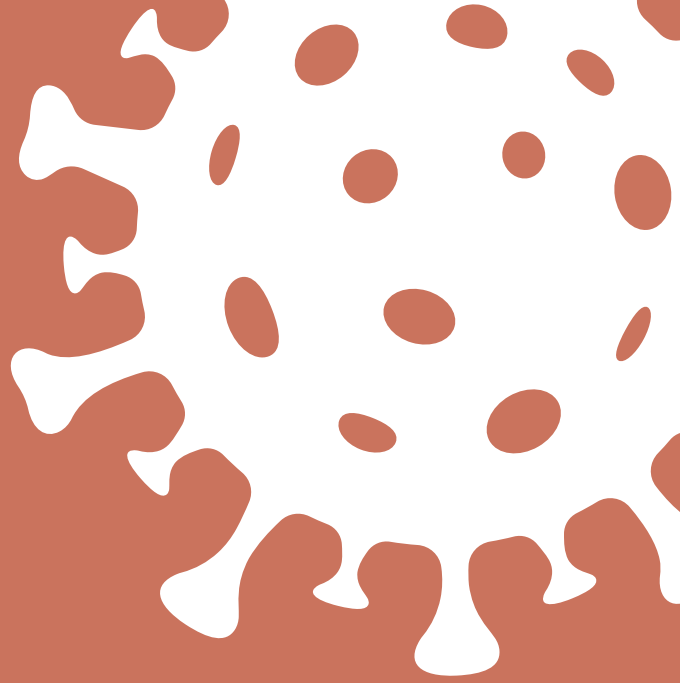
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Về cơ bản, các cơ chế tài khóa hỗ trợ doanh nghiệp đã đạt được những kết quả tích cực. Các chính sách được ban hành cơ bản phù hợp với diễn biến và tác động của dịch bệnh COVID-19, tương đồng với cách tiếp cận của nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng. Qua nhiều lần sửa đổi và bổ sung, các chính sách dần hoàn thiện, phù hợp và kịp thời hơn trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp vượt qua khó khăn trong bối cảnh dịch bệnh. Một số chính sách hỗ trợ được cho là rất hữu ích, giúp doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong đại dịch COVID-19, ví dụ như giảm, hoãn thuế, phí, lệ phí. Kết quả của nhiều giải pháp đã góp phần quan trọng giúp ổn định kinh tế vĩ mô, giúp Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế dương trong năm 2020 và 2021, duy trì triển vọng kinh tế tích cực của đất nước và tạo dựng được nguồn lực chống dịch trong trung và dài hạn, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, trên thực tế còn một số bất cập. Các chính sách đa số được thiết kế và thực thi theo hướng bình quân hóa giữa các địa phương, ngành nghề, quy mô, mà ít tính đến mức độ ảnh hưởng và khả năng chống chịu. Nguồn lực còn khiêm tốn nhưng số lượng đối tượng được hỗ trợ quá nhiều, nên lợi ích từ chính sách bị dàn trải. Nhiều chính sách hỗ trợ có quy trình xét duyệt còn phức tạp, các điều kiện để được hưởng chính sách chưa rõ ràng, thời gian xử lý lâu do bị ảnh hưởng bởi các quy định giãn cách xã hội. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua đại dịch COVID-19 kể trên đều trung tính về giới mà không dựa trên đánh giá tác động giới và lồng ghép giới.

Do đó, cần có những đổi mới và tạo thuận lợi hơn nữa để doanh nghiệp tiếp cận và được hưởng các chính sách này để đẩy nhanh quá trình phục hồi trong bối cảnh bình thường mới.






CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

Quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	97
Kết quả hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở địa phương còn khiêm tốn	100
Thiếu số liệu thống kê phân tách giới	103

Những thông tin ở các phần trên về bối cảnh, tình hình và triển vọng kinh doanh, khó khăn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, rõ ràng khối doanh nghiệp này cần phải được hỗ trợ ở nhiều góc độ khác nhau để tồn tại và phát triển, thực hiện được mục tiêu đặt ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021–2030.



Quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Pháp luật Việt Nam có nhiều quy định về hỗ trợ/ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, đặc biệt là DNNVV.

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 Luật này quy định rõ hơn về nguyên tắc áp dụng (khoản 5 Điều 5) khi hỗ trợ DNNVV do nữ làm chủ: *“Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất. Trường hợp nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ hơn”.*

Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV quy định ưu tiên hỗ trợ pháp lý cho DNNVV do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước.

Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV quy định ưu tiên hỗ trợ DNNVV do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước; về Hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh, học viên của DNNVV thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, DNNVV do nữ làm chủ được miễn học phí tham gia khóa đào tạo.

Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” đặt mục tiêu:

- Hỗ trợ 20.000 phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp.
- Phối hợp, hỗ trợ thành lập 1.200 tổ hợp tác/hợp tác xã do phụ nữ quản lý.
- 100.000 doanh nghiệp của phụ nữ mới thành lập được tư vấn, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

Thủ tướng Chính phủ giao UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phê duyệt và chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp dưới phê duyệt đề án/kế hoạch, tạo điều kiện để các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ thực hiện đề án/kế hoạch, lồng ghép với các đề án, chương trình khác đang triển khai trên địa bàn.

Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV có quy định nội dung hỗ trợ DNNV do phụ nữ làm chủ: ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% học phí đối với học viên của DNNVV có trụ sở tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, học viên của DNNVV do phụ nữ làm chủ khi tham gia khóa đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị kinh doanh và quản trị kinh doanh chuyên sâu.

Thông tư 49/2019/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV quy định: học viên của DNNVV do nữ làm chủ được miễn học phí tham gia khóa đào tạo, thực hiện theo hình thức ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua đơn vị đào tạo.

Luật Hỗ trợ DNNVV đã có hiệu lực được hơn ba năm. Tuy nhiên, qua rà soát, đánh giá cho thấy trong ba năm qua, các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp vẫn còn hạn chế. Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (kèm theo Công văn số 6793/BKHĐT-PTDN ngày 06/10/2021) về tình hình ba năm triển khai thực hiện Luật Hỗ trợ DNNVV cho thấy, việc ban hành các văn bản pháp lý, đề án, chương trình triển khai Luật còn chậm, một số chính sách hỗ trợ DNNVV quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV và các nghị định hướng dẫn thi hành nhưng chưa được ban hành hoặc gặp khó khăn trong triển khai thực hiện, nguồn lực hỗ trợ DNNVV còn hạn chế và có cả hạn chế về tổ chức thực hiện. Bản thân các DNNVV cũng có hạn chế về năng lực, chưa có sự hợp tác chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, hiệp hội để được hỗ trợ; chưa chủ động nắm bắt thông tin thị trường; doanh nghiệp thiếu nguồn lực để tham gia đối ứng với kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước...

Nghị định số 39/2018/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật vẫn còn một số vướng mắc, có một số chính sách chưa đủ cụ thể để các địa phương có thể triển khai thực hiện được ngay trong thực tế³⁴, một số quy định hỗ trợ tại Nghị định 39/2018/NĐ-CP chưa đủ hấp dẫn để khuyến khích DNNVV, một số nội dung hỗ trợ trọng tâm chưa xác định mức hỗ trợ gây khó khăn cho địa phương triển khai, nội dung hỗ trợ cho DNNVV do phụ nữ làm chủ chưa được quy định cụ thể...

Khắc phục những vướng mắc đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP nói trên, có hiệu lực từ 15/10/2021. Nghị định này đã có các nội dung tăng cường năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, đã có chính sách riêng hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ làm chủ. (Điều 13, 14). Tuy nhiên, khoảng thời gian có hiệu lực của Nghị định 80/2021/NĐ-CP trong năm 2021 chưa đủ để có thể khảo sát đánh giá hiệu quả thực thi của chính sách mới này.

Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình ba năm triển khai thực hiện Luật Hỗ trợ DNNVV có đưa ra một số kết quả trong hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ ở cấp trung ương và địa phương, tuy nhiên báo cáo còn ít thông tin, chưa thấy rõ các kết quả định lượng cụ thể.


34 <http://baochinhphu.vn/Chinh-sach-moi/Nang-cao-hieu-qua-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua/412280.vgp>

Tuy nhiên, quy định về hỗ trợ doanh nghiệp còn được quy định ở một số văn bản khác nên có sự chồng chéo, lúng túng khi áp dụng. Ví dụ: doanh nghiệp (bao gồm DNNVV) đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đã có Nghị định 57/2018/NĐ-CP³⁵ quy định chi tiết nhiều chính sách, cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư, doanh nghiệp khoa học công nghệ (bao gồm cả DNNVV) được hưởng các cơ chế chính sách theo Nghị định 13/2019/NĐ-CP.³⁶

Ngày 18/11/2021, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 1590/TTg-DMDN yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về đẩy mạnh triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV, hy vọng các doanh nghiệp sẽ được hưởng lợi nhiều hơn và hiệu quả hơn trong thời gian tới.

35 Ban hành ngày 17 tháng 4 năm 2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

36 Ban hành ngày 01 tháng 02 năm 2019 về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.



Kết quả hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở địa phương còn khiêm tốn

Sau khi Luật Hỗ trợ DNNVV được ban hành, hầu hết các địa phương đều có kế hoạch triển khai thi hành Luật và có các kế hoạch, chương trình hỗ trợ DNNVV.

Tuy nhiên, ở các địa phương, trong chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện theo Luật Hỗ trợ DNNVV hầu hết không có hỗ trợ riêng cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, không có mục tiêu riêng đặt ra cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Cũng theo Báo cáo tình hình ba năm triển khai thực hiện Luật Hỗ trợ DNNVV, trong số 58 địa phương gửi báo cáo, mới có 10 địa phương đã xây dựng và ban hành Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch, Đề án hỗ trợ dành riêng cho DNNVV do phụ nữ làm chủ trên địa bàn.

Trong kế hoạch hỗ trợ phát triển DNNVV, một số địa phương đã đặt ra các mục tiêu với những con số rất cụ thể, ví dụ như: tốc độ phát triển doanh nghiệp mới hằng năm, số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, số lượng việc làm mới được tạo ra, tỷ trọng đóng góp của kinh tế tư nhân vào ngân sách tỉnh...³⁷ Tuy nhiên trong đó không đề cập đến những mục tiêu riêng cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, một số địa phương có nhắc đến nhưng chỉ nhắc lại nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đã quy định trong Luật Hỗ trợ DNNVV mà không đề ra các giải pháp cụ thể.

Chủ yếu các hoạt động hỗ trợ nữ doanh nhân do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang tích cực triển khai theo Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”.

Thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, 41/63 tỉnh, thành phố đã đặt ra mục tiêu phát triển số lượng doanh nghiệp và có cam kết với VCCI.³⁸ Tuy nhiên không có mục tiêu về số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Chủ yếu các hoạt động hỗ trợ nữ doanh nhân do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang tích cực triển khai theo Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”.³⁹ Thực hiện Đề án này, Hội liên hiệp phụ nữ các tỉnh/thành phố đã chủ động xây dựng kế hoạch/Đề án trình UBND tỉnh/thành phố và đến cuối năm 2018, 100% các tỉnh/thành phố được UBND cấp tỉnh phê duyệt Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp. Đối tượng hỗ trợ của Đề án này là phụ nữ khởi nghiệp, các tổ hợp tác/hợp tác xã, doanh nghiệp mới thành lập do phụ nữ làm chủ.

37 Tham khảo Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về Đề án “Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh Sơn La giai đoạn 2019-2025” tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Quyết-dinh-1834-QĐ-UBND-2019-De-an-Ho-tro-Doanh-nghiep-nho-va-vua-Son-La-422296.aspx>, Quyết định 3177/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2018-2021 tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Quyết-dinh-3177-QĐ-UBND-2018-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-Binh-Thuan-2018-2021-408483.aspx>.

38 Cụ thể xem trong “Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 02/2020 và Nghị quyết 35/2016 của Chính phủ từ góc nhìn của doanh nghiệp” (VCCI công bố ngày 20/4/2021).

39 Ban hành kèm theo Quyết định 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo Báo cáo đánh giá năm năm thực hiện đề án này, của Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đề án nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương, kết quả bước đầu đáng khích lệ, cụ thể:

- Hỗ trợ 63.864 phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp. Hoàn thành 319,3% so với chỉ tiêu đặt ra;
- Phối hợp, hỗ trợ thành lập 4.747 tổ hợp tác/hợp tác xã do phụ nữ quản lý. Hoàn thành 395,6% so với chỉ tiêu đặt ra;
- 50.665 doanh nghiệp của phụ nữ mới thành lập được tư vấn, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Hoàn thành 50,7% so với chỉ tiêu đặt ra.

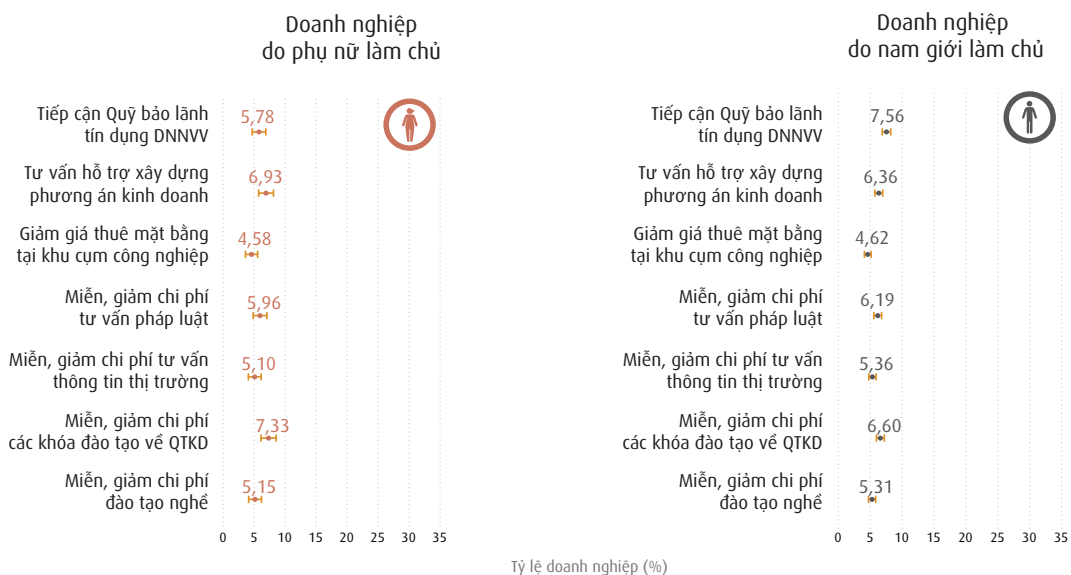
Theo Báo cáo PCI 2021, kết quả thực thi Luật Hỗ trợ DNNVV còn khá khiêm tốn trên thực tiễn. Kết quả đánh giá về triển khai các chương trình trợ giúp doanh nghiệp trong khuôn khổ Luật Hỗ trợ DNNVV trong bối cảnh doanh nghiệp gắng sức duy trì hoạt động trong thời gian dịch COVID-19 cho thấy: tỷ lệ doanh nghiệp đã hưởng hỗ trợ từ các chương trình còn khiêm tốn, đều dưới 8%. Chương trình hỗ trợ có tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận được cao nhất là cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhưng cũng chỉ có 7,34% doanh nghiệp thực tế đã tiếp cận. Chương trình có tỷ lệ doanh nghiệp được thụ hưởng thấp nhất là hỗ trợ giảm giá thuê mặt bằng tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, với chỉ khoảng 4,75% doanh nghiệp đã được thụ hưởng, do phần lớn DNNVV nằm bên ngoài khu công nghiệp nên không được hưởng lợi từ hỗ trợ này.

Khoảng 51,3% doanh nghiệp trả lời khảo sát PCI 2021 không biết đến Luật Hỗ trợ DNNVV. Trong số các doanh nghiệp biết đến Luật này, chỉ 36,8% doanh nghiệp đã thụ hưởng ít nhất một chương trình hỗ trợ. Nhìn chung, bởi tỷ lệ cao các doanh nghiệp không biết đến Luật DNNVV nên mức độ khó khăn khi tuân thủ các thủ tục để hưởng trợ cấp có thể khó khăn hơn trên thực tế so với đánh giá của các doanh nghiệp đã được thụ hưởng.

Xét theo giới của chủ doanh nghiệp, theo số liệu ở hình dưới đây, chỉ có hai trong số bảy hình thức hỗ trợ là Miễn, giảm chi phí các khóa đào tạo về quản trị kinh doanh và Tư vấn hỗ trợ xây dựng phương án kinh doanh là doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có tỷ lệ được hưởng hỗ trợ cao hơn doanh nghiệp do nam giới làm chủ.

HÌNH 39

Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết đã được hưởng hỗ trợ từ Luật Hỗ trợ DNNVV



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI



Thiếu số liệu thống kê phân tách giới

Hiện nay không có số liệu thống kê chính thức nào từ các cơ quan nhà nước về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và hiện trạng của khối doanh nghiệp này. Các số liệu từ các cuộc điều tra toàn quốc mới nhất có liên quan đến kinh tế như: Báo cáo điều tra lao động việc làm 2020 (công bố ngày 23/02/2022), Niên giám thống kê quốc gia 2021 (công bố ngày 01/8/2022) không có số liệu về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Kết quả chính thức Tổng điều tra kinh tế 2021⁴⁰ (công bố ngày 29/6/2022) có một phần kết quả về tỷ lệ lao động nữ nhưng cũng không có số liệu về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Trong ba năm thực hiện báo cáo về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam, Bất cứ khi nào nhóm nghiên cứu đề nghị, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng sẵn sàng cung cấp một số số liệu về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, tuy nhiên tìm kiếm trên dữ liệu công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp thì không có số liệu nào về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Để thực hiện Luật Bình đẳng giới, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, các khuyến nghị của Ủy ban về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Ủy ban CEDAW⁴¹), Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư 10/2019/TT-BKHĐT⁴² quy định về Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia. Thông tư này quy định một loạt chỉ tiêu thống kê về giới, trong đó có Lao động, việc làm và tiếp cận với các nguồn lực, Lãnh đạo-Quản lý trong lĩnh vực kinh tế (các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, hợp tác xã), trong hệ thống chính trị (cơ quan Đảng, cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp).

Về quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực kinh tế: có tính tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã trên tổng số giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã. Phân tổ chủ yếu theo: Nhóm tuổi; Dân tộc (Kinh/khác); Trình độ học vấn; Loại hình kinh tế; Quy mô doanh nghiệp; Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Kỳ công bố: 05 năm. Kỳ công bố này là quá dài, đồng thời thiếu các thông tin cụ thể để nắm bắt được hiện trạng của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ để có những giải pháp kịp thời.

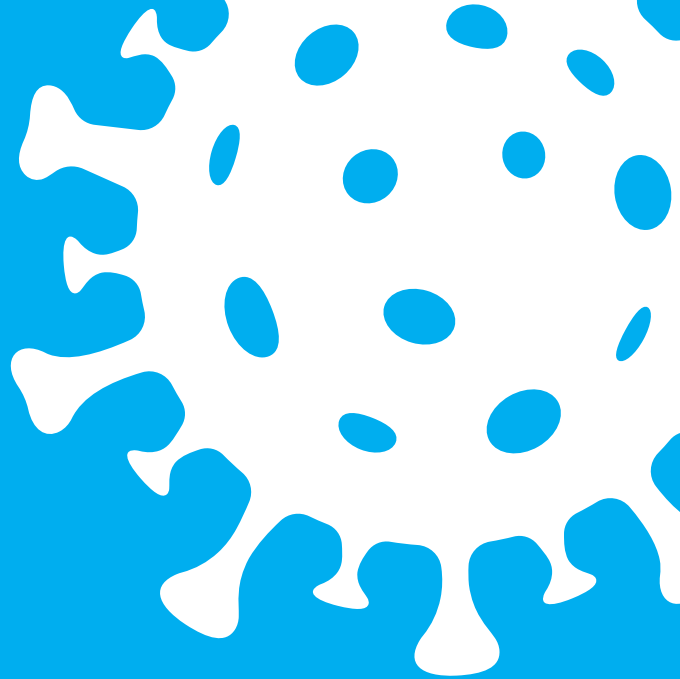
Báo cáo MIWE 2021 cũng nêu lên vấn đề này: việc không có dữ liệu cụ thể về giới làm cho nhiều bất bình đẳng giới trở nên khó nhận biết. Trong bối cảnh COVID-19, dữ liệu phân tách chính xác theo giới tính về tỷ lệ mắc bệnh, xét nghiệm, nhập viện và tử vong là rất quan trọng để hiểu một cách tổng thể tác động của COVID-19 đối với phụ nữ, bao gồm cả chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Điều quan trọng không kém là thu thập dữ liệu phân tách theo giới tính về tình trạng mất việc làm và thất nghiệp. Những điểm dữ liệu quan trọng này có thể giúp dự đoán tác động đầy đủ của đại dịch trong cộng đồng dựa trên giới tính, tuổi, vị trí, tình trạng kinh tế, tình trạng khuyết tật và tình trạng di cư.

⁴⁰ <https://tongdieutrakinhte2021.gso.gov.vn/phuong-an-quyet-dinh-tdt.html>

⁴¹ CEDAW (The Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination against Women) là Công ước của Liên Hợp Quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, được thông qua năm 1979.

⁴² ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.






KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Tóm tắt những vấn đề đặt ra	107
Một số khuyến nghị	109

Trong những năm gần đây, cải thiện môi trường kinh doanh và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp luôn là ưu tiên của Chính phủ để phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Năm 2020 trở lại đây, Chính phủ đã chú trọng ban hành nhiều chính sách nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất, kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch COVID-19.

Thúc đẩy bình đẳng giới, trong đó có việc ban hành chỉ tiêu vừa đưa ra một số biện pháp nhằm tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo các doanh nghiệp, hợp tác xã cũng nằm trong số các quan tâm của Chính phủ và làm cam kết của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế trong những thập kỷ qua. Tuy nhiên, Chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011– 2020 là Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và từ 35% trở lên vào năm 2020 là chưa đạt được.

Để thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, tiến tới đạt được mục tiêu đề ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021–2030, nói trên cần sự nỗ lực rất lớn từ nhiều phía, trên nhiều phương diện khác nhau, đặt ra những mục tiêu và biện pháp thực hiện cụ thể trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.



Tóm tắt những vấn đề đặt ra

Phần trên của báo cáo đã đề cập đến các vấn đề thực tiễn mà doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang gặp phải trong quá trình sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh bị tác động rất mạnh của đại dịch COVID-19. Có thể tóm tắt những vấn đề đó bao gồm:

Bức tranh chung

- Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ dù có một số cải thiện trong giai đoạn 2011-2018 nhưng lại giảm trong các năm 2019, 2020, 2021 và chưa đạt được mục tiêu đề ra;
- Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tập trung nhiều trong lĩnh vực thương mại/dịch vụ;
- Quy mô doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tập trung ở mức nhỏ, siêu nhỏ và với quy mô trung bình thấp hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ. Có đến 61,3% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ xuất phát từ hộ kinh doanh cá thể;
- Khách hàng chính của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là cá nhân trong nước và doanh nghiệp tư nhân trong nước;
- Bốn vấn đề khó khăn nhất mà các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ gặp phải là: Tìm kiếm khách hàng, tìm kiếm nguồn vốn, biến động thị trường và tìm kiếm nhân sự phù hợp.
- Các doanh nghiệp do nữ làm chủ thường có kế hoạch kinh doanh kém lạc quan hơn doanh nghiệp do nam giới làm chủ, nhất là trong 2 năm trở lại đây;
- Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có kết quả kinh doanh trong năm 2020 và 2021 kém hơn các năm trước đó và kém hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ;
- Trong khi đó, các giải pháp tài khoá và tiền tệ do Chính phủ đề ra nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua tác động tiêu cực của đại dịch Covid19 chưa dựa trên đánh giá tác động về giới nên còn trung tính về giới.

Đánh giá tổng quan về môi trường kinh doanh ở địa phương là có cải thiện nhưng còn một số lĩnh vực chưa thuận lợi

- Môi trường kinh doanh theo cảm nhận của các doanh nghiệp đối do phụ nữ làm chủ có sự cải thiện trong hai năm qua, nhưng tốc độ cải thiện thấp hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ;
- Các lĩnh vực của môi trường kinh doanh chưa thực sự thuận lợi cho các doanh nghiệp do nữ làm chủ là: tiếp cận đất đai, tính minh bạch, gia nhập thị trường và đào tạo lao động;
- Các thủ tục trong lĩnh vực đất đai có chiều hướng khó khăn hơn và tốn kém hơn cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Tiếp cận đất đai cũng là vấn đề khó khăn mà nhiều doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ gặp phải.

Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp phần lớn là tiêu cực


- Năm 2021, 93,9% các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chịu ảnh hưởng tiêu cực. Những doanh nghiệp bị tác động hoàn toàn tiêu cực nhiều nhất là các doanh nghiệp siêu nhỏ;
- Doanh thu sụt giảm trong hai năm COVID-19: Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có bị giảm doanh thu năm 2020 so với 2019 cao hơn tỷ lệ doanh nghiệp do nam giới làm chủ bị giảm doanh thu (tương ứng là 67,2% và 65%). Mức giảm doanh thu của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cũng cao hơn (37,3% so với 35,9%). Hơn 2/3 (69,3%) các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trả lời ước tính doanh thu năm 2021 giảm so với năm 2020, chỉ một tỷ lệ rất nhỏ (6%) là có doanh thu tăng;
- Các khía cạnh bị ảnh hưởng tiêu cực: Tìm kiếm nguồn vốn, tiếp cận khách hàng, chuỗi cung ứng, vấn đề nhân công/người lao động của doanh nghiệp;
- Một tỷ lệ rất lớn (xấp xỉ 90%) các doanh nghiệp phải cho người lao động nghỉ việc.

Ứng phó và tiếp cận với các chính sách hỗ trợ

- Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đã áp dụng nhiều biện pháp ứng phó: các biện pháp bảo đảm an toàn cho người lao động, biện pháp cơ bản để duy trì hoạt động liên tục, biện pháp chuẩn bị ứng phó với bùng phát dịch; biện pháp liên quan đến tăng cường công nghệ thông tin, tự động hóa ít được áp dụng hơn;
- Nhìn nhận tích cực và đồng tình ở mức cao hơn so với doanh nghiệp do nam giới làm chủ đối với một số hoạt động ứng phó cụ thể của chính quyền địa phương;
- Về tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước: gia hạn đóng thuế TNDN, gia hạn đóng thuế VAT có tỷ lệ doanh nghiệp cho biết là dễ tiếp cận hơn cả. Việc vay lãi suất 0% trả lương cho người lao động là khó tiếp cận nhất.

Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp theo Luật Hỗ trợ DNNVV

- Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đã đạt được một số thành công nhất định trong thời gian qua, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề bất cập, nhiều doanh nghiệp không biết đến Luật Hỗ trợ DNNVV.



Một số khuyến nghị

TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP PHỤC HỒI TRONG TRẠNG THÁI BÌNH THƯỜNG MỚI

- Các địa phương cần đưa ra ưu tiên cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, các ngân hàng hỗ trợ tiếp cận nguồn tín dụng một cách bình đẳng đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đặc biệt là sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chính thức nói chi tiêu tăng trưởng tín dụng cho một số ngân hàng thương mại; đơn giản hóa điều kiện và thủ tục cho vay, xử lý hồ sơ nhanh chóng;
- Các địa phương cải thiện việc triển khai các biện pháp hỗ trợ do Chính phủ cung cấp để hỗ trợ các doanh nghiệp trong cuộc khủng hoảng COVID-19, đặc biệt là minh bạch thông tin và quy trình thủ tục áp dụng. Các bộ, ngành và chính quyền các địa phương cần tăng cường phổ biến, tuyên truyền chính sách hỗ trợ để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận được các gói hỗ trợ đã ban hành. Trong đó, cần có những hướng dẫn cụ thể, chi tiết và đầy đủ về các thủ tục, quy trình thực hiện theo hướng đơn giản, dễ thực hiện đối với các doanh nghiệp. Các cơ quan hữu quan có thể làm việc với các hiệp hội doanh nghiệp và các mạng lưới kinh doanh, cộng đồng khác để giải đáp, hỗ trợ thông tin, hướng dẫn cụ thể về các giải pháp hỗ trợ cho các doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm của các doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy việc tiếp cận và sử dụng hiệu quả các biện pháp hỗ trợ;
- Chính phủ cần xác định các mục tiêu phù hợp với từng thời kỳ để xây dựng gói hỗ trợ tài khóa với quy mô đủ lớn nhằm đáp ứng các tiêu chí kịp thời, đúng đối tượng, đủ dài, đủ bao trùm để mang lại hiệu quả như kỳ vọng. Trong ngắn hạn, mục tiêu của gói hỗ trợ tài khóa là kiểm chế đại dịch, giảm thiểu tác động về y tế và kinh tế nên sẽ cần dành ưu tiên cho chi tiêu y tế, đảm bảo an sinh xã hội đối với người dân và người lao động, hỗ trợ cho khu vực doanh nghiệp hướng vào các ngành lan tỏa và các doanh nghiệp có khả năng phục hồi nhanh sau đại dịch; các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó các khoản trợ cấp trực tiếp vẫn đóng vai trò quan trọng. Về dài hạn với mục tiêu hỗ trợ phục hồi nền kinh tế, các biện pháp tài khóa trong giai đoạn này cần chuyển dần từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ gián tiếp, từ hỗ trợ về tài chính sang hỗ trợ về cơ chế, từ hỗ trợ số nhiều sang số ít các đối tượng còn chịu ảnh hưởng lâu dài của đại dịch, hướng tới thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng trưởng xanh, bền vững;
- Chính phủ xem xét các chính sách hỗ trợ tài khóa cụ thể đã được triển khai cần được xem xét mở rộng đối tượng thụ hưởng, mức độ hỗ trợ, thời gian hỗ trợ. Cần tập trung cải thiện hiệu quả của công tác tuyên truyền và thực thi đối với các gói chính sách hỗ trợ đã ban hành. Các quy trình, giai đoạn thẩm định cần được đơn giản hóa tối đa, tập trung vào giai đoạn hậu kiểm và các chế tài xử phạt đối với các hành vi trục lợi chính sách;

- Chính phủ, doanh nghiệp và các bên liên quan cùng thúc đẩy chuyển đổi số: các doanh nghiệp cần xem xét quá trình chuyển đổi và bám sát các cơ hội thương mại điện tử, bao gồm các nền tảng trực tuyến và giao dịch kỹ thuật số như một cách để tham gia vào “nền kinh tế không tiếp xúc trực tiếp”, được dự đoán sẽ phát triển nhanh trong trạng thái bình thường mới. Cơ quan nhà nước cần hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp và tổ chức để áp dụng công cụ chuyển đổi số một cách hiệu quả trên quy mô rộng, thông qua xây dựng những sáng kiến và cơ sở hạ tầng giúp nâng cao kiến thức về công nghệ, cũng như những lợi ích thiết thực mà các công cụ này mang lại. Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đôi khi cảm thấy gặp khó khăn với việc ứng dụng công nghệ thông tin, vì vậy cần được nâng cao nhận thức và Chính phủ cần chủ động cung cấp cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ sự hỗ trợ kỹ thuật giao dịch trực tuyến với chi phí thấp, phát triển các chương trình và sáng kiến theo nhu cầu, điều này là rất quan trọng để mở rộng phạm vi tiếp cận thị trường trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ cũng cần được tiếp cận với hệ thống ngân hàng số và các công cụ số một cách dễ dàng, nâng cao cơ hội kinh doanh xuyên biên giới;
- Chính quyền các cấp thúc đẩy, hiệp hội kết nối và các doanh nghiệp chủ động tăng cường chuỗi cung ứng nội địa, tìm kiếm cơ hội phát triển thị trường trong nước: khách hàng của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chủ yếu là thị trường trong nước nên việc liên kết tốt hơn giữa các doanh nghiệp với chuỗi cung ứng nội địa, nên khai phá thị nội địa của hơn 90 triệu người tiêu dùng có thể giúp phục hồi nhanh hơn, đẩy mạnh mở rộng sang các thị trường mới ở các tỉnh và thành phố khác thông qua các nền tảng thương mại điện tử và các công cụ tiếp thị trực tuyến, sử dụng các nguồn cung ứng và dịch vụ logistics đa dạng hơn và cố gắng đáp ứng tốt hơn những thay đổi cầu nội địa. Đây là bối cảnh mà COVID-19 đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng thị trường nội địa mạnh mẽ cho các sản phẩm và dịch vụ, và không phụ thuộc quá mức vào thị trường nước ngoài để tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Các hiệp hội, câu lạc bộ, tổ chức đại diện doanh nghiệp tăng cường hoạt động hỗ trợ kết nối kinh doanh, mở rộng thị trường cho các thành viên; song song với đó, các doanh nghiệp cũng cần chủ động tìm cách thức để tự “cứu mình”, ví dụ, kinh doanh online, triển lãm trực tuyến, tham dự các sự kiện hội thảo, kết nối giao thương trực tuyến...
- Cơ quan nhà nước, các hiệp hội doanh nghiệp kịp thời cung cấp thông tin thị trường, doanh nghiệp chủ động hơn trong kiểm soát, giảm thiểu rủi ro của biến động thị trường bằng cách đánh giá rủi ro và có kế hoạch ứng phó, ví dụ như mở rộng kênh bán hàng, mở rộng chuỗi cung ứng, kiểm soát & củng cố kênh phân phối sản phẩm...
- Các hiệp hội, tổ chức đại diện doanh nghiệp chia sẻ thông tin, đánh giá thực tiễn và dự báo tình hình sắp tới, tăng cường phối hợp, liên kết với nhau, tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp hội viên để hợp tác cùng phát triển. Tổng hợp, đề xuất với Chính phủ các giải pháp, sáng kiến để hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững.

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT ĐỂ THÚC ĐẨY PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

- Đánh giá hiệu quả thực thi Luật Hỗ trợ DNNVV, đặc biệt là cách thức tiếp cận thông tin hỗ trợ, cách thức hỗ trợ, nhận được hỗ trợ đối với DNNVV do phụ nữ làm chủ, từ đó sửa đổi, hoàn thiện Luật này;
- Đề nghị Chính phủ xem xét đưa vấn đề tạo thuận lợi và thúc đẩy doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển vào trong Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia để thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững;
- Đối với các chính sách và quy định khác, cần lồng ghép giới trong toàn bộ quy trình xây dựng, ban hành văn bản và hoàn thiện văn bản gồm: lập đề nghị xây dựng, đánh giá tác động về giới, soạn thảo văn bản, thẩm định văn bản, thẩm tra văn bản, rà soát các quy định hiện hành để phát hiện bất cập và sửa đổi, hoàn thiện. Trong mỗi giai đoạn, cơ quan có trách nhiệm đều phải xem xét, đánh giá vấn đề lồng ghép vấn đề bình đẳng giới. Một trong những giải pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới thực chất cần huy động sự tham gia rộng rãi của các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan tổ chức cá nhân có liên quan, đặc biệt là đối tượng chịu sự tác động để đảm bảo sự đánh giá khách quan, toàn diện, sự phản biện của xã hội đối với các vấn đề liên quan đến giới. Một ví dụ điển hình của việc cân nhắc điều chỉnh chính sách, quy định cần có lồng ghép giới, đó là các chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với COVID-19 cần được thực hiện theo hướng tập trung hơn, đúng đối tượng và thực chất hơn, theo sát với nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ, lao động khuyết tật. Cần có chọn lọc, phân loại ngành nghề để hỗ trợ, trên cơ sở đánh giá tác động của COVID-19 đến ngành, nghề cụ thể và có điều kiện, tiêu chí.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI CÁC HỖ TRỢ DNNVV HIỆN NAY

- Ở quy mô địa phương, cần có kế hoạch triển khai cụ thể, có đánh giá độc lập khách quan về mức độ hoàn thành nhiệm vụ;
- Nâng cao chất lượng Cổng thông tin hỗ trợ DNNVV quốc gia, bổ sung cơ sở dữ liệu về thống kê về DNNVV, phân tích ngành, cơ hội đầu thầu hàng hóa, dịch vụ công, mua sắm... để hỗ trợ doanh nghiệp tham gia tương tác, tìm kiếm và tiếp cận một cách toàn diện các chương trình, dịch vụ hỗ trợ cho các doanh nghiệp. Duy trì cơ chế phối hợp cung cấp thông tin giữa Cổng thông tin hỗ trợ DNNVV quốc gia và các cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh;
- Tăng cường liên kết giữa các doanh nhân nữ, các câu lạc bộ/hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức tài chính để hỗ trợ doanh nghiệp.

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, ĐẨY MẠNH CẢI THIỆN Ở NHỮNG KHÍA CẠNH BẮT CẬP NHẤT Ở TẤT CẢ CÁC CẤP

- *Cải cách TTHC, giảm gánh nặng chi phí tuân thủ*

Đẩy mạnh cải cách tất cả các TTHC liên quan đến doanh nghiệp, đặt biệt trong lĩnh vực đất đai, thuế, phí. Cải thiện chất lượng đối với TTHC, rà soát, cắt giảm hơn nữa TTHC, đơn giản hóa TTHC, tối ưu hóa quy trình thực hiện TTHC, giảm những nhiễu, phiền hà trong thực hiện TTHC.

Hoàn thành sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 và một số luật liên quan, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, hoàn thành đúng thời hạn xây dựng cơ sở dữ liệu số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông.

Ngành Thuế vẫn cần tiếp tục cải cách hơn nữa, tập trung rà soát, đơn giản các TTHC, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, hiện đại hóa phương thức quản lý thuế, đảm bảo tính ổn định khi sử dụng Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, cải thiện hơn nữa, đặc biệt là các thủ tục miễn giảm thuế và hoàn thuế. Đặc biệt trong bối cảnh dịch COVID-19 còn nhiều diễn biến phức tạp, người dân, doanh nghiệp có xu hướng thực hiện các TTHC thông qua phương thức trực tuyến, hạn chế tiếp xúc trực tiếp.

Trong TTHC về bảo hiểm xã hội: cần rà soát để cắt giảm các thủ tục không cần thiết, thúc đẩy hiện đại hóa, vận hành có hiệu quả Hệ thống “một cửa điện tử tập trung” theo dõi trực tuyến công tác tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả TTHC về lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giảm khó khăn cho doanh nghiệp khi xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề.

- *Cải thiện điều kiện gia nhập thị trường*

Tiếp tục quyết liệt cải cách, thúc đẩy điện tử hóa, tiếp tục đơn giản hóa thủ tục gia nhập thị trường và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Rà soát để loại bỏ các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp, sửa đổi hồ sơ, quy trình thủ tục cấp giấy phép để giảm bớt gánh nặng cho cả doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.

- *Tăng cường công khai, minh bạch*

Các cơ quan địa phương tăng cường trách nhiệm cung cấp thông tin khi doanh nghiệp cần, công khai minh bạch thông tin, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi tiếp cận thông tin, cần chủ động thông tin cho doanh nghiệp khi có bất kỳ thông tin thay đổi nào đến các quy định, chính sách của cấp tỉnh (qua con đường điện tử/ website). Đặc biệt là việc dự đoán được những thay đổi chính sách pháp luật mà có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và dự liệu được việc thực thi các quy định pháp luật của trung ương ở địa phương.

Các hiệp hội đại diện cho doanh nghiệp cần chủ động hơn và cơ quan nhà nước cần huy động các hiệp hội tham gia ý kiến trong quá trình hoạch định chính sách để nâng cao chất lượng của các quy định, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

- *Nâng cao chất lượng đào tạo lao động để giúp doanh nghiệp tìm được nhân sự phù hợp*

Các địa phương cần nghiên cứu xây dựng các chương trình chính sách đào tạo phù hợp, nâng cao chất lượng nguồn lao động, đảm bảo năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Cải thiện các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lao động (cả về đội ngũ và cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo); thực hiện đúng chủ trương đào tạo nghề theo địa chỉ, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; việc đào tạo nghề nghiệp theo nhu cầu của các doanh nghiệp và việc thực hiện đào tạo nghề nghiệp trong phân luồng học sinh để thu hút được nguồn lao động trẻ... Cần bảo đảm các cơ sở định hướng và giáo dục nghề nghiệp không cứng cố khuôn mẫu và định kiến giới trong định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh.

Cần cơ chế, chính sách, quy định trong công tác liên kết đào tạo, giải quyết việc làm sau đào tạo giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và quy định để đưa các ngành, nghề đào tạo ngắn hạn mà doanh nghiệp có nhu cầu vào đào tạo song hành với chương trình đào tạo nghề phổ thông...

Cần xây dựng các mối quan hệ chặt chẽ giữa đào tạo nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động ở các cấp để đảm bảo cho các hoạt động của hệ thống giáo dục nghề nghiệp hướng vào việc đáp ứng nhu cầu của từng ngành, từng lĩnh vực, đưa doanh nghiệp trở thành một trong những chủ thể tham gia đào tạo nghề nghiệp.

CHÍNH PHỦ CẦN XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ VỚI CÁC ƯU TIÊN VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN CỤ THỂ VỚI SỰ THAM GIA CỦA TOÀN XÃ HỘI

Mục tiêu tổng quan của Chiến lược Phát triển phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là nhằm tăng cường trao quyền kinh tế cho phụ nữ, bằng cách tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi và hỗ trợ phát triển tiềm năng kinh doanh của họ, góp phần vào sự phát triển của các doanh nghiệp hiện có và tạo thêm nhiều doanh nghiệp, tạo ra việc làm mới, từ đó thúc đẩy nền kinh tế lớn mạnh hơn.

Mục tiêu dài hạn là xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp để doanh nhân nữ liên tục phát triển.

Mục tiêu trung hạn là:

- Cải thiện môi trường, cơ hội và điều kiện để doanh nhân nữ phát triển, thu hút tất cả các bên liên quan tham gia vào quá trình thực thi Chiến lược;
- Tăng tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp;
- Tăng tỷ lệ lao động nữ tương xứng với quy mô lực lượng lao động.

Để thực hiện các ưu tiên chiến lược, Chính phủ và các tổ chức liên quan hợp tác chặt chẽ với khu vực tư nhân thực hiện chính sách kinh tế và xã hội để thực hiện các biện pháp hỗ trợ ở cấp địa phương và quốc gia nhằm khuyến khích và thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp, bao gồm:

- Tạo lập môi trường thuận lợi cho sự phát triển của doanh nhân nữ
- Đảm bảo hỗ trợ một cách có hệ thống để phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ
- Tạo lập hạ tầng hỗ trợ và thúc đẩy doanh nhân nữ phát triển
- Xúc tiến, xây dựng mạng lưới và góp ý xây dựng chính sách và pháp luật.

KẾT LUẬN

Bình đẳng giới tại Việt Nam được thúc đẩy trên nhiều phương diện. Trong thời kỳ hội nhập khu vực và toàn cầu, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế, vị trí, vai trò của các doanh nhân nữ ngày càng được khẳng định. Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp và phát triển cộng đồng các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam ở mức cao trên thế giới.

Những năm gần đây, cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng bình đẳng, minh bạch, an toàn và thân thiện, tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Đó là những nỗ lực cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải tổ tổ chức bộ máy và nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp...

Tuy nhiên, để thực sự thúc đẩy phát triển hơn nữa cộng đồng các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, cần có quyết tâm lớn, cần xây dựng kế hoạch tổng thể với mục tiêu rõ ràng theo từng thời kỳ, theo đó là những giải pháp thực hiện cụ thể với sự vào cuộc của toàn xã hội.

Danh mục tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Hội nghị lần thứ 5, *Nghị quyết số 18-NQ/TW về "Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao"*, ngày 16/6/2022

Bộ Kế hoạch và Đầu tư-UNESCAP (United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific), 2020, *Báo cáo đánh giá tác động của Covid-19 đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (DNNVV) ở Việt Nam, đặc biệt là các DNNVV do nữ làm chủ* (Assessment of the Impact of COVID-19 on MSMEs, and especially women-led MSMEs in Viet Nam)

https://www.unescap.org/sites/default/d8files/2020-09/ESCAP_VietNam_MSMEs_and_COVID-19.pdf

Báo cáo tóm tắt: <http://we.business.gov.vn/vi-vn/Tin-t%E1%BB%A9c-v%C3%A0-s%E1%BB%B1-k%E1%BB%87n/assessment-of-the-impact-of-covid-19-on-msmes-and-especially-women-led-msmes-in-viet-nam-9>

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 06/10/2021, *Báo cáo 3 năm thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa* (kèm theo Công văn số 6793/BKHĐT-PTDN)

Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ, 25/5/2022, *Báo cáo Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (APCI) 2021*

Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Aus4Reform, 2022, *Nghiên cứu, đánh giá khả năng ứng phó của doanh nghiệp Việt Nam với khủng hoảng COVID-19, đề xuất các giải pháp nâng cao khả năng thích ứng của doanh nghiệp trước khủng hoảng*

Chính phủ, *Báo cáo số 353/BC-CP ngày 28/9/2022 đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 kỳ họp thứ nhất, Quốc hội Khóa XV về các chính sách phòng, chống dịch bệnh COVID-19*

Chính phủ, *Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Chính phủ, *Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 về hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Chính phủ, *Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030*

The Cherie Blair Foundation for Women, 2021, *Entrepreneurs: Surviving the Pandemic & Beyond, 2020 Audit of Women Entrepreneurs in Low and Middle Income Countries*

<https://cherieblairfoundation.org/what-we-do/research/2020-annual-audit/>

Đại học Kinh tế quốc dân, Jica, 2020, *Kiến nghị đánh giá các chính sách ứng phó với COVID-19 và Khuyến nghị*

EY, 2021, *Advancing womenowned businesses in the COVID-19 recovery*

https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_au/pdfs/ey-au-advancing-women-owned-businesses-covid-19.pdf

GEM (Global Entrepreneurship Monitor), 2022, *Covid-19 impacts on women entrepreneurs in emerging economies: Insights and Indicators*

<https://www.gemconsortium.org/images/media/covid-19-impacts-on-women-in-emerging-economies-1644427445.pdf>

Grant Thornton International, 2021, *Women in Inclusion Business* (Phụ nữ trong Kinh doanh), phát hành tại <https://www.grantthornton.global/en/insights/women-in-business-2021/>

Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, 2022, *Báo cáo sơ kết năm thực hiện đề án Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”*, số 90/BC-ĐCT, ngày 31/10/2022, Hà Nội

The International Centre for Economic Analysis (ICEA), 2021, *The Impact of the COVID-19 Pandemic on Women-Led Businesses*, <https://iceanet.org/wp-content/uploads/2021/11/Torres.pdf>

IFC, 2017, *Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Nhận thức và Tiềm năng* (Women-Owned Enterprises in Vietnam: Perceptions and Potential)

https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/region_ext_content/ifc_external_corporate_site/east+asia+and+the+pacific/resources/market-study-women-owned-enterprises-in-vietnam, Hà Nội

IMF (Quỹ Tiền tệ Quốc tế), tháng 10, 2020, *World Economic Outlook*, Báo cáo “Viễn cảnh kinh tế toàn cầu” <https://www.imf.org/en/Publications/WEO/Issues/2020/09/30/world-economic-outlook-october-2020>

KPMG, 2020, *Vietnam Government and Institution Measures in Response to Covid*

<https://home.kpmg/xx/en/home/insights/2020/04/vietnam-government-and-institution-measures-in-response-to-covid.html>

Mastercard, 2022, *Mastercard Index of Women Entrepreneurs (MIWE)* (Báo cáo Chỉ số nữ doanh nhân của Mastercard (MIWE) 2021, <https://www.mastercard.com/news/insights/2022/mastercard-index-of-women-entrepreneurs-2021/>

MBI, ADB, HAWASME, 2016, *Doanh nghiệp vừa và nhỏ do nữ làm chủ tại Việt Nam – Thực trạng và Khuyến nghị chính sách* (Sáng kiến hỗ trợ khu vực tư nhân vùng Mê Kông (MBI), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Hiệp hội nữ doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội (HAWASME), <http://wisevietnam.org/wp-content/uploads/2018/01/MBI-Bao-Cao-DNNVV-Phu-Nu.pdf>, Hà Nội

OCED, 2020, *Women at the core of the fight against COVID-19 CRISIS*

Quốc hội, 2017, *Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Shawn Tan và Trang Trần, WorldBank, 2020, *Tác động của đại dịch COVID-19 lên doanh nghiệp Việt Nam*

<https://documents1.worldbank.org/curated/en/937751607059001993/pdf/Impacts-of-COVID-19-on-Firms-in-Vietnam-Results-from-the-Second-Round-of-COVID-19-Business-Pulse-Survey.pdf>

TAF, MBI, VCCI, 2018, *Đánh giá nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam*, Hà Nội

Task Force 5 2030, *Agenda and Development Cooperation*, 2021, Policy brief: The Economic empowerment of Women entrepreneurs in a post-COVID world

https://www.t20italy.org/wp-content/uploads/2021/09/TF5_PB11_LM03.pdf

Tổng cục Thống kê, 01/8/2022, *Niên giám thống kê quốc gia 2021*

Tổng cục Thống kê, *Báo cáo phục hồi của thị trường lao động, việc làm sau đại dịch COVID-19 Quý III/2022*, <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2022/10/bao-cao-su-phuc-hoi-cua-thi-truong-lao-dong-viec-lam-sau-dai-dich-covid-19-quy-iii-2022/>

Tổng cục Thống kê, 29/6/2022, *kết quả Tổng điều tra kinh tế 2021*

<https://tongdietrakinhte2021.gso.gov.vn/Ket%20qua%20chinh%20thuc%20TDT%20KT%20nam%202021.html>



Tổng cục Thống kê, 23/02/2022, *Báo cáo điều tra lao động việc làm 2020*

Tổng cục Thống kê, 2021, *Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam*, Nhà Xuất bản Thống kê, Hà Nội, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/08/sach-trang-doanh-nghiep-viet-nam-2021/>

Tổng cục Thống kê, *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2021*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2021/>

Tổng cục Thống kê, *COVID-19 tác động lên tình hình lao động và việc làm Quý IV năm 2020*

Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*

Trần Quang Tiến, Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam, 2020, *Năng lực lãnh đạo của doanh nhân nữ trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam: Thực trạng và các hàm ý chính sách*, Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội

UN, 2021, *Báo cáo tổng quan Bình đẳng giới Việt Nam năm 2021*

<https://vietnam.un.org/vi/153151-tong-quan-ve-binh-dang-gioi-o-viet-nam-nam-2021>

UN, 2021, *Báo cáo về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2020*, (The Viet Nam Provincial Governance and Public Administration Performance), Hà Nội, <https://papi.org.vn/bao-cao/>

UN, 2020, *The World's Women 2020: Trends and Statistics*, Statistics Division of the United Nations Department of Economic and Social Affairs, <https://www.un.org/en/desa/world%E2%80%99s-women-2020>

UN, 2015, *2030 Agenda for Sustainable Development* (Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp Quốc), https://www.un.org/ga/search/view_doc.asp?symbol=A/RES/70/1&Lang=E

UN, 1995, *Beijing Declaration and Platform for Action* (Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh), https://www.un.org/en/events/pastevents/pdfs/Beijing_Declaration_and_Platform_for_Action.pdf

UN, 1979, *Convention on the Elimination of all forms of Discrimination against women (CEDAW)* (Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ), <https://www.un.org/womenwatch/daw/cedaw/>

UNTAD, 2019, *Making Trade Policies Gender-responsive: Data Requirements, Methodological Developments and Challenges*, Geneva 2019, https://unctad.org/system/files/official-document/ditc2019d1_en.pdf

UN Women, 2021, *Tổng quan về bình đẳng giới ở Việt Nam 2021 (CGEP)*

<https://vietnam.un.org/vi/153151-tong-quan-ve-binh-dang-gioi-o-viet-nam-nam-2021>

UNWomen, 2020, *Socialist Republic of Vietnam, National Review on 25-year implementation of the Beijing Platform for Action*, <https://www.unwomen.org/-/media/headquarters/attachments/sections/csw/64/national-reviews/vietnam.pdf?la=en&vs=114>

UN Women, *2020 Guidance for action: Supporting SMEs to ensure the economic COVID-19 recovery is genderresponsive and inclusive*

<https://www.weps.org/sites/default/files/2020-05/WEA-ActionBrief3-SMEs.pdf>

VCCI, 2022, *Báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh 2021*

VCCI, Aus4Reform, 2019, *Báo cáo “Kinh doanh tại Việt Nam – Đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ”*, Nhà Xuất bản Công Thương, Hà Nội

VCCI, Aus4Reform, 2021, *Môi trường kinh doanh từ góc nhìn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ*

VCCI, Ngân hàng Thế giới, 2021, *Báo cáo Tác động của dịch bệnh COVID-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam-Một số phát hiện chính từ Điều tra doanh nghiệp năm 2020*

VCCI, USAID, *Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thực hiện hàng năm* <https://pcvietnam.vn/an-pham/bao-cao-pci>

Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2019, *Tác động của Hiệp định thương mại thế hệ mới đến vấn đề lao động, việc làm ở Việt Nam*

http://admin.ilssa.org.vn/UserFiles/files/AnPhamPhatHanh/BTCL%20so%201_2019_Tac_dong_cua_cac_FTA_den_van_de_lao_dong_viec_lam.pdf

World Economic Forum (WEF), 2022, *Global Gender Gap Report 2021* (Báo cáo khoảng cách giới Toàn cầu 2021 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới), <https://www.weforum.org/reports/global-gender-gap-report-2021>

World Bank, 2021, *Báo cáo Việt Nam 2035: Từ chiến lược đến hành động Đề xuất Lộ trình Cải cách Môi trường Kinh doanh của Việt Nam* (Chương trình đối tác chiến lược Australia – Nhóm Ngân hàng Thế giới)

World Bank, 2021, *Building Back Better from COVID-19: Boosting Women’s Entrepreneurship*

World Bank, *Doing Business* (Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng thế giới thực hiện hàng năm), <https://www.doingbusiness.org/en/doingbusiness>

World Bank, 2020, *Supporting women throughout the coronavirus (COVID-19) Emergency response and economic recovery*

<https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/33612/Supporting-Women-Throughout-the-Coronavirus-Covid-19-Emergency-Response-and-Economic-Recovery.pdf?sequence=8>

World Bank, Women, *Business and the Law* (Báo cáo Phụ nữ, Kinh doanh và Pháp luật thực hiện thường niên từ 2009), <https://wbl.worldbank.org/en/wbl>

<https://documents1.worldbank.org/curated/en/140651624866963247/pdf/Building-Back-Better-from-COVID-19-Boosting-Women-s-Entrepreneurship.pdf>



BÁO CÁO
KIỀM CƯỜNG VƯỢT SÓNG
KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CÁC DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ
DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập
Nguyễn Minh Huệ

Biên tập

Tôn Nữ Thanh Bình

Thiết kế đồ họa

thaidung85@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934 1562 Fax: 024-3938 7164

Website: <http://nhaxuatbancongtuong.com>

E-mail: nxbct@moit.gov.vn

In 500 cuốn, khổ 18,5x25,5cm tại Công ty TNHH MTV In Công nghiệp Ánh Dương

Địa chỉ: Số 22 ngõ 76 phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4061-2022/CXBIPH/01-223/CT.

Số Quyết định xuất bản: 354/QĐ-NXBCT ngày 10 tháng 11 năm 2022

In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV/2022

Mã số ISBN: 978-604-362-469-4

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Ban Pháp chế

Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 35770632 | Fax: (024) 3577 1459

Email: xdphapluat@vcci.com.vn, xdphapluat.vcci@gmail.com

www.vcci.com.vn / www.vibonline.com.vn



SÁCH KHÔNG BÁN